

**VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI**

BÙI MẠNH THUYẾT

**XỬ LÝ VẬT CHỨNG
TRONG GIAI ĐOẠN XÉT XỬ SƠ THẨM VỤ ÁN HÌNH
SỰ TỪ THỰC TIỄN CÁC TÒA ÁN QUÂN SỰ VIỆT NAM**

Chuyên ngành: Luật Hình sự và Tố tụng Hình sự

Mã số : 8.38.01.04

LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC: PGS.TS TRẦN VĂN ĐỘ

HÀ NỘI, 2018

LỜI CAM ĐOAN

Tác giả xin cam đoan luận văn này là công trình nghiên cứu của riêng tác giả. Số liệu trong luận văn hoàn toàn chính xác. Kết cấu và toàn bộ nội dung trong luận văn không sao chép của bất cứ tác giả nào, trường hợp trích dẫn tài liệu để phân tích, trình bày đều có chú thích tác giả theo đúng quy định.

Tác giả luận văn

Bùi Mạnh Thuyết

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
Chương 1: CÁC VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ XỬ LÝ VẬT CHỨNG TRONG GIAI ĐOẠN XÉT XỬ SƠ THẨM VỤ ÁN HÌNH SỰ	6
1.1. Vật chứng trong vụ án hình sự	6
1.2. Xử lý vật chứng trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự	10
Kết luận Chương 1	24
Chương 2: QUY ĐỊNH CỦA BỘ LUẬT TỔ TỤNG HÌNH SỰ VỀ XỬ LÝ VẬT CHỨNG TRONG GIAI ĐOẠN XÉT XỬ SƠ THẨM VỤ ÁN HÌNH SỰ VÀ THỰC TIỄN THI HÀNH	25
2.1. Quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự về xử lý vật chứng trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự	25
2.2. Thực tiễn xử lý vật chứng trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự tại các Tòa án quân sự.....	50
Kết luận Chương 2.....	65
Chương 3: YÊU CẦU VÀ GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ XỬ LÝ VẬT CHỨNG TRONG GIAI ĐOẠN XÉT XỬ SƠ THẨM VỤ ÁN HÌNH SỰ	66
3.1. Yêu cầu nâng cao hiệu quả xử lý vật chứng trong vụ án hình sự.....	66
3.2. Giải pháp nâng cao hiệu quả xử lý vật chứng trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự	70
Kết luận Chương 3.....	77
KẾT LUẬN	78

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT TRONG LUẬN VĂN

BLDS	:	Bộ luật dân sự
BLHS	:	Bộ luật hình sự
BLTTHS	:	Bộ luật tố tụng hình sự
CQĐT	:	Cơ quan Điều tra
CCTP		Cải cách tư pháp
HĐXX	:	Hội đồng xét xử
nxb	:	Nhà xuất bản
TTLT	:	Thông tư liên tịch
TANDTC	:	Tòa án nhân dân tối cao
TAQSTW	:	Tòa án quân sự Trung ương
TNHS	:	Trách nhiệm hình sự
VKS	:	Viện kiểm sát
XHCN	:	Xã hội chủ nghĩa

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của việc nghiên cứu đề tài

Trong tố tụng hình sự, chất lượng xét xử của Tòa án được đánh giá trên nhiều tiêu chí khác nhau. Ở những vụ án mà Tòa án phải thực hiện việc xử lý vật chứng, chất lượng của hoạt động xử lý vật chứng nói chung và xử lý vật chứng trong giai đoạn xét xử sơ thẩm nói riêng, là một trong những tiêu chí quan trọng để đánh giá chất lượng xét xử của Tòa án - đây là một phương thức đảm bảo và thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ của tố tụng hình sự: Đấu tranh chống tội phạm, bảo vệ công lý, bảo vệ quyền con người, quyền công dân, bảo vệ pháp chế XHCN, bảo vệ lợi ích Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân... BLTTHS năm 2003 đã có những quy định tương đối đầy đủ và hợp lý về xử lý vật chứng, tạo điều kiện thuận lợi cho việc nhận thức và áp dụng pháp luật, qua đó nâng cao hiệu quả của hoạt động này trong thực tiễn tố tụng. Tuy vậy, qua theo dõi, đánh giá thực trạng xử lý vật chứng thời gian qua cho thấy, bên cạnh những kết quả đạt được, hoạt động xử lý vật chứng cũng bộc lộ một số hạn chế, vướng mắc, ảnh hưởng đến chất lượng, tính thuyết phục và giá trị hiệu lực của bản án, quyết định của Tòa án. Vấn đề xử lý vật chứng mặc dù đã được một số tác giả quan tâm nghiên cứu, tuy nhiên vẫn còn nhiều nội dung chưa được đề cập hoặc tuy được đề cập nhưng vẫn còn quan điểm chưa thống nhất, đòi hỏi phải được tiếp tục nghiên cứu một cách toàn diện, sâu sắc hơn nữa. Ngoài ra, tìm hiểu các báo cáo tổng kết công tác, thông báo kiểm tra án của TANDTC, TAQSTW trong vài năm gần đây đều chỉ ra hạn chế, sai sót trong công tác xử lý vật chứng của các Tòa án cấp dưới. Đây là một trở ngại, ảnh hưởng đến công cuộc cải cách tư pháp mà Đảng ta đã chỉ rõ tại Nghị quyết số 08-NQ/TW 02/01/2002, Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị: “Tòa án có vị trí trung tâm và xét xử là hoạt động trọng tâm”.

Bởi vậy, việc đi sâu nghiên cứu, luận giải một cách thấu đáo các quy định của BLTTHS về xử lý vật chứng, một số quy định trong các văn bản pháp luật khác có liên quan đến vấn đề này, từ đó đi đến nhận thức sâu sắc hơn nữa về căn cứ xử lý, cách thức xử lý vật chứng trong quá trình giải quyết vụ án hình sự, đồng thời, chỉ ra những hạn chế, vướng mắc, nguyên nhân và đề xuất hướng hoàn thiện quy định của pháp luật về xử lý vật chứng là một việc làm rất cần thiết, có ý nghĩa ở cả phương

diện lý luận và thực tiễn. Với lý đó, tác giả lựa chọn đề tài “*Xử lý vật chứng trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự từ thực tiễn Tòa án quân sự Việt Nam*” làm đề tài luận văn thạc sĩ.

2. Tình hình nghiên cứu đề tài

Nghiên cứu về vật chứng và xử lý vật chứng trong tố tụng hình sự là đề tài không mới, thời gian qua, dưới nhiều góc độ tiếp cận khác nhau, đã có nhiều tác giả quan tâm nghiên cứu về vấn đề này, có thể kể đến một số công trình như: “*Chứng cứ trong luật tố tụng hình sự Việt Nam*” của ThS. Nguyễn Văn Cừ (nxb. Tư pháp, năm 2005), “*Chế định chứng cứ trong luật tố tụng hình sự Việt Nam*” của TS. Trần Quang Tiệp (nxb. Chính trị quốc gia, năm 2011), “*Những vấn đề lý luận và thực tiễn về chế định chứng cứ trong luật tố tụng hình sự Việt Nam*” của tác giả Vương Văn Bép (luận án Tiến sĩ luật học, Đại học Quốc gia Hà Nội, năm 2013). Các công trình nêu trên nghiên cứu vật chứng với tư cách là nguồn của chứng cứ, tuy có đề cập đến vấn đề xử lý vật chứng nhưng chỉ dừng lại ở mức độ khái quát mà chưa đi sâu phân tích những nội dung về chủ thể có thẩm quyền xử lý vật chứng, cách thức xử lý vật chứng cũng như vướng mắc, bất cập trong thực tiễn tố tụng về xử lý vật chứng...

Gần đây, có đề tài luận văn thạc sĩ “*Hoàn thiện quy định về vật chứng trong tố tụng hình sự*”, của tác giả Chung Thị Bích Phượng, bảo vệ năm 2013. Công trình đề cập tới vấn đề vật chứng trong tố tụng hình sự với phạm vi khá rộng, bao gồm khái niệm, đặc điểm, vai trò của vật chứng, phân loại vật chứng cũng như hoạt động thu thập, bảo quản và xử lý vật chứng... Qua tìm hiểu luận văn này, tác giả nhận thấy, xử lý vật chứng không phải là nội dung trọng tâm của luận văn nên chưa được tác giả Chung Thị Bích Phượng đi sâu nghiên cứu một cách kỹ lưỡng và thấu đáo, mới chỉ đề cập một cách sơ lược, ở mức độ khái quát.

Ngoài ra, cũng có nhiều bài viết nghiên cứu về vấn đề xử lý vật chứng, được công bố trên các tạp chí nghiên cứu khoa học như: “*Xử lý vật chứng trong tố tụng hình sự*” của tác giả Lê Văn Sua, đăng trên Tạp chí Dân chủ & Pháp luật số 8/2008; “*Cần sửa đổi Điều 76 BLTTHS và hướng dẫn thực hiện việc xử lý vật chứng cho thống nhất*” đăng trên Tạp chí Kiểm sát số 9/2009, và “*Quy định của BLTTHS về xử lý vật chứng và những vướng mắc trong thực tiễn áp dụng*” của ThS. Nguyễn

Văn Trọng, đăng trên Tạp chí Dân chủ & Pháp luật số 9/2010; “Một số trường hợp xử lý vật chứng chưa có căn cứ viện dẫn” của tác giả Quách Thành Vinh đăng trên Tạp chí TAND số 4/2010; “Bàn về quy định xử lý vật chứng trong tố tụng hình sự” của tác giả Đặng Văn Quý đăng trên Cổng thông tin điện tử TANDTC năm 2011; “Hoàn thiện quy định về vật chứng theo pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam” của ThS. Thái Chí Bình, đăng trên Tạp chí Nghiên cứu lập pháp số 17/2012; “Thực trạng quy định của BLTTHS năm 2003 về vật chứng” của PGS. TS. Hoàng Thị Minh Sơn, đăng trên Tạp chí Luật học số 6/2013.v.v...

Nghiên cứu các bài viết trên cho thấy, các tác giả đã phản ánh chân thực, sát đúng về thực trạng thi hành các quy định của BLTTHS năm 2003 về xử lý vật chứng trong tố tụng hình sự; một số kiến giải, đề xuất nhằm khắc phục hạn chế, vướng mắc trong hoạt động xử lý vật chứng được các tác giả đưa ra khá chặt chẽ và hợp lý. Tuy nhiên, trong phạm vi của bài viết nghiên cứu khoa học, các tác giả mới chỉ tập trung đề cập tới một (hoặc một số) vấn đề nổi cộm của hoạt động xử lý vật chứng nói chung, mà chưa tập trung, đi sâu đề cập vấn đề xử lý vật chứng trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự. Qua việc tổng quan tình hình nghiên cứu, tác giả nhận thấy đề tài luận văn “*Xử lý vật chứng trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự từ thực tiễn các Tòa án quân sự Việt Nam*” không trùng lặp với bất cứ công trình, bài viết nào đã được công bố.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

- Mục đích của việc nghiên cứu đề tài: Trên cơ sở làm sáng tỏ những vấn đề lý luận và thực tiễn về xử lý vật chứng trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự, tác giả đưa ra kiến nghị hoàn thiện một số quy định của pháp luật về xử lý vật chứng và giải pháp nâng cao hiệu quả của hoạt động này trong thời gian tới.

- Nhiệm vụ của việc nghiên cứu đề tài: Để đạt được mục đích trên, đề tài có các nhiệm vụ cụ thể sau:

+ Xây dựng khái niệm vật chứng trong vụ án hình sự; chỉ ra được các đặc điểm của vật chứng trong vụ án hình sự để từ đó phân biệt được chúng với các đối tượng vật chất khác.

+ Xây dựng khái niệm xử lý vật chứng trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự; chỉ ra các nguyên tắc điều chỉnh hoạt động xử lý vật chứng, hình thức xử lý

vật chứng và ý nghĩa của việc xử lý vật chứng trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự;

+ Phân tích các quy định của BLTTHS 2015 trên cơ sở so sánh quy định của BLTTHS 2003 về xử lý vật chứng trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự và xác định những bất cập trong các quy định này;

+ Đánh giá thực tiễn xử lý vật chứng của các Tòa án quân sự trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự; tìm ra nguyên nhân của hạn chế, vướng mắc;

+ Phân tích các yêu cầu nâng cao hiệu quả xử lý vật chứng. Đề xuất một số kiến nghị hoàn thiện quy định của pháp luật và nâng cao hiệu quả xử lý vật chứng trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu đề tài

4.1. Đối tượng nghiên cứu

Với mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu nêu trên, luận văn tập trung nghiên cứu nhằm làm sáng tỏ những vấn đề sau:

- Các vấn đề lý luận về xử lý vật chứng trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự;

- Quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự về xử lý vật chứng trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự và thực tiễn thi hành;

- Yêu cầu và giải pháp nâng cao hiệu quả xử lý vật chứng trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự.

4.2. Phạm vi nghiên cứu đề tài

- Về lý luận, đề tài nghiên cứu các vấn đề lý luận về xử lý vật chứng, trong đó tác giả tập trung làm rõ các khái niệm vật chứng trong vụ án hình sự, xử lý vật chứng trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự; đặc điểm vật chứng trong vụ án hình sự và phân biệt chúng với các đối tượng vật chất khác; các hình thức xử lý vật chứng, ý nghĩa và các nguyên tắc cơ bản điều chỉnh hoạt động này.

- Khi nghiên cứu quy định của pháp luật về xử lý vật chứng trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự, tác giả tập trung chủ yếu là các quy định của BLTTHS 2015 trên cơ sở so sánh các quy định của BLTTHS 2003 về vấn đề này;

- Tác giả đánh giá thực tiễn xử lý vật chứng trong giai đoạn xét xử sơ thẩm từ năm 2008 đến năm 2017 trong các Tòa án quân sự, thông qua việc phân tích một số

bản án hình sự sơ thẩm, báo cáo tổng kết công tác của TAQSTW, thông báo kiểm tra án và một số tài liệu hướng dẫn về xử lý vật chứng của cơ quan có thẩm quyền.

5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

Tác giả nghiên cứu đề tài dựa trên cơ sở phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật biện chứng Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh và các quan điểm của Đảng ta về Nhà nước pháp quyền, về Cải cách tư pháp.

Trong quá trình thực hiện đề tài, tác giả sử dụng phương pháp phân tích, tổng hợp, phương pháp so sánh; để nghiên cứu thực tiễn, tác giả sử dụng phương pháp quan sát, phương pháp tổng kết kinh nghiệm thực tiễn, phương pháp thống kê và phương pháp chuyên gia.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận văn

Về mặt lý luận, luận văn là công trình nghiên cứu khoa học pháp lý về xử lý vật chứng trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự, có thể được dùng làm tài liệu tham khảo trong quá trình học tập và nghiên cứu của học viên. Về mặt thực tiễn, kết quả nghiên cứu của luận văn góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả xử lý vật chứng trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự nói chung và trong phạm vi các Tòa án quân sự nói riêng.

7. Cơ cấu của luận văn

Ngoài phần Mở đầu và Kết luận, luận văn gồm có 03 chương:

- Chương 1: Các vấn đề lý luận về xử lý vật chứng trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự
- Chương 2: Quy định của Bộ luật tố tụng hình sự về xử lý vật chứng trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự và thực tiễn thi hành
- Chương 3: Yêu cầu và giải pháp nâng cao hiệu quả về xử lý vật chứng trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự

Chương 1

CÁC VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ XỬ LÝ VẬT CHỨNG TRONG GIAI ĐOẠN XÉT XỬ SƠ THẨM VỤ ÁN HÌNH SỰ

1.1. Vật chứng trong vụ án hình sự

1.1.1. Khái niệm vật chứng trong vụ án hình sự

Thời gian qua, dưới nhiều góc độ tiếp cận khác nhau, vấn đề vật chứng trong vụ án hình sự có khá nhiều tác giả quan tâm nghiên cứu, trong đó có đề cập đến khái niệm vật chứng, có thể kể đến một số quan điểm sau:

Quan điểm thứ nhất cho rằng: “Vật chứng là vật có giá trị chứng minh tội phạm, người phạm tội cũng như các tình tiết khác cần thiết cho việc giải quyết đúng đắn vụ án” [31, tr.7]. Quan điểm này tiếp cận nội hàm khái niệm theo hướng nhấn mạnh và đề cao giá trị chứng minh của vật chứng - thuộc tính khách quan, nội tại của vật chứng, nhưng lại chưa nêu được trình tự, thủ tục thu thập vật chứng theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự, do vậy tính pháp lý (tính hợp pháp) của vật chứng mà khái niệm này đề cập chưa được đảm bảo. Quan điểm thứ hai cho rằng: “Vật chứng là những vật được thu thập theo trình tự, thủ tục do pháp luật tố tụng hình sự quy định, chứa đựng các thông tin được xác định là chứng cứ có giá trị chứng minh tội phạm, người phạm tội cũng như các tình tiết khác cần thiết cho việc giải quyết đúng đắn vụ án” [2], [1, tr.30]. Quan điểm này khá hợp lý, tuy nhiên thông qua cách sắp xếp từ ngữ trong khái niệm cho thấy, quan điểm này đề cao thuộc tính hình thức pháp lý hơn thuộc tính khách quan, nội tại, cơ bản của vật chứng: Giá trị chứng minh. Trong khi đó, theo quan điểm thứ ba thì: “Vật chứng là vật thể được thu thập theo thủ tục do pháp luật tố tụng hình sự quy định, chứa đựng các thông tin có ý nghĩa đối với việc giải quyết vụ án” [14; tr. 167]. Quan điểm này cũng chưa đề cập đầy đủ cả về tính hình thức pháp lý, lẫn giá trị chứng minh của vật chứng, mang tính khái quát cao. Theo quan điểm thứ tư: “Vật chứng được hiểu là những gì tồn tại dưới dạng vật thể chứa đựng và phản ánh những thông tin liên quan đến vụ án, được chủ thể có thẩm quyền thu thập theo trình tự, thủ tục do pháp luật quy định” [19; tr. 11]. Quan điểm này đề cập và mở rộng phạm vi đối tượng được xem là vật chứng quá lớn “...phản ánh những thông tin liên quan đến vụ án”, mà không tập trung vào những đối tượng có giá trị chứng minh và được sử dụng trong quá trình chứng minh vụ án hình sự.

Mặc dù chưa có sự thống nhất về khái niệm vật chứng, tuy nhiên khi tìm hiểu về đặc điểm của vật chứng, các quan điểm trên đều có những điểm hợp lý chung nhất định, từ đó có thể đưa ra khái niệm vật chứng như sau: *Vật chứng là vật (vật thể) cụ thể, là cái có thật (tính khách quan), có giá trị chứng minh trong tố tụng hình sự (tính liên quan), được thu thập theo trình tự, thủ tục do pháp luật tố tụng hình sự quy định (tính hợp pháp)*. Đây cũng là những thuộc tính của vật chứng nói riêng và chứng cứ nói chung được thừa nhận rộng rãi trong khoa học Luật tố tụng hình sự.

1.1.2. Các đặc điểm vật chứng trong vụ án hình sự

Vật chứng là một trong các loại nguồn chứng cứ mà pháp luật Tố tụng hình sự ghi nhận, bên cạnh các loại nguồn chứng cứ khác. Vật chứng có vị trí đặc biệt quan trọng trong quá trình chứng minh vụ án hình sự bởi vì nó không bị chi phối bởi các yếu tố tình cảm, tâm lý như các loại nguồn chứng cứ khác. Từ khái niệm vật chứng nêu trên đồng thời tiếp cận vật chứng dưới góc độ là một loại nguồn chứng cứ, vật chứng có những đặc điểm (thuộc tính) sau đây:

- Tính khách quan của vật chứng được thể hiện: Vật chứng là vật cụ thể, là cái có thật, tồn tại bên ngoài thế giới khách quan, không phụ thuộc vào ý thức của con người. Hình thức tồn tại trong thế giới khách quan (tồn tại trong không gian) của vật chứng là các vật thể - “vật cụ thể, có những thuộc tính vật lý nhất định” [55; tr. 1.415], con người có thể trông thấy, cảm, nắm, đo đếm được, có thể nhận thức được nó thông qua các giác quan. Vật thể này có thể là động sản, nhưng cũng có thể là bất động sản như nhà xưởng, kho tàng,... Tuy nhiên, thực tiễn tố tụng cho thấy đa số vật chứng vụ án hình sự là động sản, một số ít trường hợp ở các vụ án về tham nhũng, ma túy... vật chứng có thể là bất động sản. Tội phạm là hành vi cụ thể của con người thể hiện ra bên ngoài thế giới khách quan. Hoạt động tội phạm được xem là hoạt động vật chất [14; tr. 150], [31; tr. 7]. Bởi vậy, khi một tội phạm được thực hiện trên thực tế, nó sẽ tương tác với một số đối tượng và để lại các thông tin, dấu vết tội phạm ở các đối tượng này. Trường hợp đối tượng chịu sự tương tác (hay tác động) của hành vi phạm tội là dạng vật thể cụ thể của thế giới vật chất, thì vật thể này sẽ trở thành vật chứng khi nó được cơ quan, người có thẩm quyền thu thập theo trình tự, thủ tục do pháp luật quy định. Tự thân vật chứng tồn tại một cách độc lập, không phụ thuộc vào việc kẻ phạm tội hay bất kể một chủ thể nào khác có mong

muốn nó tồn tại hay không; từ khi chứa đựng thông tin, dấu vết mà tội phạm để lại, vật chứng đã mang trong mình giá trị chứng minh mà không phụ thuộc vào cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng (chủ thể có trách nhiệm chứng minh) có nhận thức được giá trị chứng minh của nó hay không và nhận thức đến mức độ nào.

Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng phải tôn trọng sự thật khách quan của vụ án, trên cơ sở nhận thức, đánh giá đúng bản chất và giá trị chứng minh của vật chứng; nhận thức đúng mối liên hệ giữa vật chứng với các tình tiết của vụ án, tránh phiến diện, qua loa, áp đặt ý chí chủ quan vào quá trình chứng minh vụ án hình sự.

- Tính liên quan của vật chứng được thể hiện: Chỉ những vật thể có mối quan hệ với tình tiết nào đó của vụ án mới có thể được coi là vật chứng. Và cũng nhờ sự liên quan này nên vật chứng mới có khả năng làm sáng tỏ các vấn đề cần chứng minh trong vụ án (có giá trị chứng minh). Vật chứng có giá trị chứng minh trong tố tụng hình sự - nghĩa là có giá trị chứng minh tội phạm, người phạm tội, cũng như làm sáng tỏ những tình tiết khác của vụ án. Quá trình tiến hành tố tụng bước đầu, do chưa nhận thức được sự việc phạm tội, cũng như cơ chế tội phạm để lại thông tin, dấu vết trên các đối tượng vật chất bên ngoài thế giới khách quan, nên cơ quan tiến hành tố tụng có thể sẽ thu giữ nhiều đối tượng vật chất nghi ngờ có liên quan đến tội phạm và người phạm tội. Tuy nhiên, không phải tất cả những gì được thu giữ đều trở thành vật chứng, chỉ những vật thể mang trên mình thông tin, dấu vết do tội phạm để lại, có giá trị chứng minh tội phạm, người phạm tội cũng như các tình tiết khác của vụ án mới có thể trở thành vật chứng của vụ án.

Vì vậy, cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng cũng như các chủ thể khác có thẩm quyền theo luật định phải có nhận thức đúng đắn trong quá trình thu thập, đánh giá, sử dụng vật chứng. Việc thu thập vật chứng phải có tính sàng lọc nếu không sẽ có quá nhiều đối tượng được thu thập gây khó khăn cho công tác sử dụng và xử lý vật chứng. Khi đánh giá, sử dụng vật chứng phải thấy được tính liên quan của vật chứng đó với các tình tiết của vụ án, tránh đại khái, qua loa xác định tất cả những gì thu thập được đều là vật chứng gây khó khăn cho việc đánh giá, sử dụng và xử lý vật chứng hoặc xác định phạm vi vật chứng quá hẹp sẽ gây khó khăn cho việc chứng minh vụ án.

- Tính hợp pháp của vật chứng được thể hiện: Vật chứng phải là những vật thể được thu thập, bảo quản, lưu giữ theo trình tự, thủ tục do pháp luật tố tụng hình sự

quy định. Đây là đặc điểm thuộc về mặt hình thức pháp lý của vật chứng, nếu như hai đặc điểm nêu trên thể hiện bản chất nội tại (mang tính khách quan) của vật chứng, không phụ thuộc vào bất kỳ yếu tố nào, thì ở đặc điểm này lại phụ thuộc vào yếu tố pháp luật. Một vật thể nào đó có tính khách quan và liên quan, nhưng lại không hợp pháp sẽ không được xác định là vật chứng và do vậy không có giá trị chứng minh. Đây là một đòi hỏi nhằm đảm bảo nguyên tắc pháp chế trong tố tụng hình sự. Do đó, các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng phải thực hiện đúng quy định của pháp luật về thu thập, lưu giữ và bảo quản vật chứng. Tránh tuyệt đối việc hợp pháp hóa những đối tượng vật chất được thu thập không đúng quy định của pháp luật trở thành vật chứng của vụ án.

1.1.3. Phân biệt vật chứng với các đồ vật, tiền khác

Thông thường, vật chứng được thu thập khi phát hiện ra tội phạm bằng những hoạt động của các cơ quan tiến hành tố tụng (ví dụ như: khám nghiệm hiện trường, khám nghiệm tử thi, khám đồ vật, khám nhà...), nhưng nhiều trường hợp trong quá trình giải quyết vụ án hình sự việc thu thập vật chứng có thể do bị can, bị cáo, người làm chứng, người bị hại hoặc bất kỳ cá nhân, cơ quan, tổ chức nào cung cấp. Tuy nhiên, cho dù được thu thập bằng hình thức nào thì những đối tượng vật chất (đồ vật, tiền ...) mà cơ quan tiến hành tố tụng thu thập được trong quá trình giải quyết vụ án hình sự chỉ có thể trở thành vật chứng của vụ án nếu nó mang đầy đủ các đặc điểm của vật chứng trong vụ án hình sự (tính khách quan, tính liên quan và tính hợp pháp). Thiếu một trong các thuộc tính nêu trên thì các đối tượng vật chất đó không có giá trị chứng minh tội phạm và không được coi là vật chứng trong vụ án hình sự. Ví dụ, trong vụ án giết người, khi CQĐT thu giữ các chất gây cháy làm bị hại chết, CQĐT thu giữ phía sau nhà bị can 01 can nhựa loại 02 lít còn dính dầu. Thu tại nhà bị hại 01 can sắt loại 05 lít còn dính xăng. Quá trình điều tra xác định được bị can đã dùng can sắt loại 05 lít để đựng xăng phóng hỏa đốt nhà thiêu chết bị hại và bỏ lại can tại hiện trường. Còn chiếc can nhựa 02 lít còn dính dầu không phải là can của gia đình bị can mà do người khác vứt bỏ phía sau nhà bị can; Trong vụ án trên, chiếc can nhựa loại 02 lít còn dính dầu mà CQĐT thu giữ mặc dù tồn tại khách quan và được CQĐT thu thập theo đúng trình tự pháp luật tố tụng hình sự quy định nhưng không liên quan gì đến các tình tiết của vụ án - không có giá trị chứng minh tội phạm nên không được xác định là vật chứng của vụ án. Một điểm cần chú ý nữa

là “Cần phân biệt vật chứng với những tài sản mà CQĐT kê biên và giữ lại để bảo đảm cho việc thi hành án vì những vật chứng mới là những tài liệu dùng làm căn cứ cho việc xét xử tội phạm của bị cáo”[36; tr. 75]. Có những vật mà ngay sau khi sự việc phạm tội xảy ra, do cho rằng vật đó liên quan đến tội phạm nên CQĐT đã thu giữ theo thủ tục luật định; nhưng trong quá trình chứng minh xác định được rằng vật đó không liên quan đến vụ án (thiếu tính liên quan) thì nó cũng không phải là vật chứng trong vụ án.

1.2. Xử lý vật chứng trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự

1.2.1. Khái niệm xử lý vật chứng trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự

Xét xử vụ án hình sự nói chung và xét xử sơ thẩm vụ án hình sự nói riêng, có vị trí rất quan trọng trong quá trình giải quyết vụ án hình sự. Trong giai đoạn xét xử sơ thẩm, Tòa án sẽ tiến hành kiểm tra, xem xét, đánh giá tính đúng đắn, chân thực của toàn bộ những chứng cứ đã được thu thập trước đó một cách đầy đủ, công khai, qua đó làm sáng tỏ sự thật của vụ án và đưa ra các phán quyết phù hợp, toàn diện, triệt để, đúng quy định của pháp luật. Ở giai đoạn này, một hoạt động không thể bỏ qua trong hầu hết các vụ án hình sự là hoạt động xử lý vật chứng. Như vậy, xử lý vật chứng được tiếp cận với tư cách là một hoạt động tố tụng hình sự.

Mặc dù không được pháp luật thực định đề cập, nhưng khái niệm “xử lý vật chứng” lại là một khái niệm pháp lý khá quen thuộc trong khoa học Luật tố tụng hình sự. Theo Từ điển Luật học, “xử lý vật chứng là xem xét, giải quyết vật chứng đã thu thập được” [4; tr. 873]. Tác giả cho rằng, đây là cơ sở để xây dựng khái niệm “xử lý vật chứng trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự”. Tuy nhiên, trong giai đoạn xét xử sơ thẩm, việc xử lý vật chứng có nhiều điểm khác biệt so với các giai đoạn tố tụng khác ở chủ thể thực hiện, trình tự, thủ tục, phạm vi cũng như mục đích, ý nghĩa của việc xử lý. Bởi vậy, để xây dựng khái niệm “xử lý vật chứng trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự” được đầy đủ, chặt chẽ, dưới đây tác giả tiếp cận theo hướng làm rõ từng yếu tố hợp thành khái niệm này.

1.2.1.1. Đối tượng của việc xử lý vật chứng trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự

“Vật chứng” chính là đối tượng của việc xử lý, nó mang trên mình những thông tin, dấu vết mà tội phạm để lại, có giá trị chứng minh trong vụ án hình sự và được xem là một nguồn của chứng cứ.

Vật chứng chứa đựng và phản ánh trong mình những sự kiện thực tế liên quan đến vụ án, sự liên quan này có thể ít hay nhiều, trực tiếp hay gián tiếp nhưng quan trọng nó phải nằm trong mối liên quan tổng thể của vụ án hình sự; vật chứng là một trong những nguồn chứng cứ quan trọng, nó ghi nhận chính xác những sự kiện thực tế của vụ án nên giá trị chứng minh của nó trong vụ án hình sự có thể là rất cao “và trong nhiều trường hợp, không có gì có thể thay thế được chúng”[20, tr. 210]. Với đặc tính là vật duy nhất, vật chứng tồn tại một cách khách quan, nó lưu giữ các hình ảnh xảy ra trong hiện thực bởi vậy, nó không thể thay thế được bằng bất cứ vật thể nào khác.

Vật chứng mang dấu vết tội phạm có vai trò giúp các cơ quan tiến hành tố tụng xác định được hướng điều tra để giải quyết nhanh chóng vụ án. Tuy nhiên, trong một số trường hợp, sự tồn tại của vật chứng chỉ mang tính chất tương đối, chỉ ở một mức độ, một thời hạn nhất định. Do đó, trong quá trình thu thập, bảo quản vật chứng, các cơ quan có thẩm quyền phải đảm bảo nguyên vẹn, không để mất mát, hư hỏng hay lẫn lộn vật chứng. “Biên bản thu thập vật chứng phải ghi nhận và mô tả tỷ mỉ đặc điểm của vật đó như: màu sắc, khối lượng, trọng lượng hình dáng, những dấu vết tội phạm để lại ở vật chứng, nơi tìm thấy vật chứng hoặc người cung cấp”[17, tr. 181].

Do đối tượng của việc xử lý vật chứng trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự là “Vật chứng”. Vì vậy, vấn đề xử lý vật chứng chỉ đặt ra nếu trong quá trình giải quyết vụ án hình sự cơ quan tiến hành tố tụng thu giữ được vật chứng. Trường hợp vụ án có vật chứng nhưng vì lý do nào đó mà đến giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự vật chứng vẫn chưa được thu giữ hoặc chưa thu hồi được (trong trường hợp phải truy tìm vật chứng) thì cũng không đặt ra vấn đề xử lý vật chứng - vì không có vật chứng để xử lý.

1.2.1.2. Thời điểm xử lý vật chứng trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự

Việc xử lý vật chứng được tiến hành trong giai đoạn xét xử sơ thẩm, bắt đầu từ khi Tòa án nhận hồ sơ thụ lý vụ án và kết thúc khi phiên sơ thẩm kết thúc. Mặc dù hiện nay chưa có sự thống nhất về khái niệm xét xử sơ thẩm vụ án hình sự [19; tr. 34-38] nhưng tác giả cho rằng, xét xử sơ thẩm được hiểu là cấp xét xử thứ nhất (có thể là xét xử lần đầu tiên, hoặc xét xử lại), khi xét xử, Tòa án xem xét và giải quyết mọi vấn đề của vụ án bằng việc ra bản án, quyết định. Bản án, quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm có thể bị kháng cáo, kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Với tính chất là cấp xét xử thứ nhất trong hai cấp xét xử (sơ thẩm, phúc thẩm), Tòa án có thẩm quyền sẽ phải xem xét, giải quyết toàn bộ vụ án. Đây là yêu cầu mang tính nguyên tắc ở tất cả các vụ án hình sự. Ở giai đoạn xét xử phúc thẩm, Tòa án cấp phúc thẩm cũng có thẩm quyền xử lý vật chứng. Tuy nhiên, nhìn chung, cấp phúc thẩm chỉ xem xét, giải quyết các nội dung bị kháng cáo, kháng nghị chứ không xem xét, giải quyết toàn diện vụ án. Xử lý vật chứng trong giai đoạn xét xử sơ thẩm khác với việc xử lý vật chứng trong các giai đoạn tố tụng trước đó ở điểm, đây là khâu xử lý toàn diện, triệt để nhất, tất cả các vật chứng được thu thập trong quá trình tố tụng đều được xử lý hết. Nếu như giai đoạn tố tụng trước, CQĐT, VKS không xử lý vật chứng mà chuyển chúng cùng hồ sơ vụ án sang Tòa án, thì trong giai đoạn xét xử sơ thẩm, Tòa án buộc phải đưa tất cả vật chứng đó ra để xem xét và quyết định xử lý theo những cách thức do pháp luật quy định.

Một điểm đáng lưu ý là, việc xử lý vật chứng trong giai đoạn xét xử sơ thẩm có tính hiệu lực pháp lý rất cao, nếu không bị kháng cáo, kháng nghị theo quy định của pháp luật thì nó có hiệu lực thi hành, mang tính bắt buộc đối với người tham gia tố tụng và cá nhân, tổ chức có liên quan. Trong khi đó, việc xử lý vật chứng ở giai đoạn điều tra, truy tố vẫn có thể bị HDXX sơ thẩm xem xét lại nếu việc xử lý đó không đúng quy định của pháp luật.

Xử lý vật chứng trong giai đoạn xét xử sơ thẩm có thể được tiến hành trước khi mở phiên tòa hoặc tại phiên tòa. Trường hợp vật chứng được xử lý trước khi mở phiên tòa sẽ do Chánh án Tòa án thực hiện khi vụ án được đình chỉ (tuy nhiên hình thức xử lý vật chứng của Chánh án Tòa án hạn chế hơn so với trường hợp HDXX xử lý). Việc xử lý vật chứng trước khi mở phiên tòa sẽ giảm tránh được các thủ tục không cần thiết tại phiên tòa, trong nhiều trường hợp nó giải quyết kịp thời nguyện vọng của đương sự trong vụ án. Ví dụ: Khi bàn giao hồ sơ vụ án, Viện kiểm sát bàn giao kèm theo chiếc xe mô tô mà người phạm tội sử dụng làm phương tiện vận chuyển tài sản chiếm đoạt được của người khác. Sau khi nghiên cứu hồ sơ, Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án xét thấy có căn cứ thể hiện khi cho mượn xe, chủ sở hữu không biết người phạm tội sử dụng vào mục đích phạm pháp, đồng thời chủ sở hữu cũng có đơn đề nghị được nhận lại xe, Thẩm phán đã đề xuất Chánh án ra quyết định xử lý vật chứng trả lại xe mô tô cho chủ sở hữu. Việc xử lý vật chứng trước khi mở phiên tòa trong trường hợp này là rất cần thiết, nó đáp ứng kịp thời

nguyện vọng của chủ sở hữu phương tiện, không ảnh hưởng đến quyền lợi của họ (quá trình tạm giữ xe có thể bị hoen gỉ, hỏng hóc gây thiệt hại cho chủ sở hữu, họ không được hưởng lợi từ việc sử dụng chiếc xe...).

Trường hợp vật chứng được xử lý tại phiên tòa sẽ do HĐXX xem xét quyết định, khi đó những nội dung như cách thức xử lý, căn cứ xử lý sẽ được các thành viên HĐXX thảo luận và biểu quyết thông qua theo nguyên tắc đa số.

1.2.1.3. Chủ thể có thẩm quyền xử lý vật chứng trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự

Trong giai đoạn xét xử, kể từ thời điểm nhận hồ sơ vụ án cùng toàn bộ vật chứng, tài liệu liên quan đến vụ án, Tòa án có toàn quyền xem xét, giải quyết vật chứng của vụ án theo những cách thức, trình tự, thủ tục do pháp luật quy định

Người có thẩm quyền xử lý vật chứng trong giai đoạn xét xử có thể là Chánh án Tòa án hoặc HĐXX. Trường hợp Chánh án Tòa án vắng mặt thì có thể ủy quyền cho Phó Chánh án thực hiện. Phó Chánh án chịu trách nhiệm trước Chánh án và trước pháp luật về quyết định xử lý vật chứng của mình. Điều này cho thấy, diện chủ thể có thẩm quyền xử lý vật chứng trong giai đoạn xét xử rộng hơn so với các giai đoạn tố tụng trước.

1.2.1.4. Quy định pháp luật điều chỉnh hoạt động xử lý vật chứng trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự

Quy định pháp luật điều chỉnh hoạt động xử lý vật chứng là các quy định hình sự và tố tụng hình sự, quy định pháp luật dân sự. Trong lĩnh vực pháp luật hình sự, phương pháp điều chỉnh đặc trưng của luật hình sự là phương pháp mệnh lệnh - phục tùng, cách thức tác động đặc trưng là bắt buộc. Trong khi đó, luật tố tụng hình sự có hai phương pháp điều chỉnh đặc trưng là phương pháp quyền uy và phương pháp phối hợp - chế ước. Phương pháp phối hợp - chế ước điều chỉnh mối quan hệ giữa các cơ quan tiến hành tố tụng với nhau, còn phương pháp quyền uy điều chỉnh quan hệ giữa các cơ quan tiến hành tố tụng với người tham gia tố tụng. Với phương pháp quyền uy, các cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng được sử dụng quyền lực theo những cách thức, trình tự, thủ tục do pháp luật quy định, để buộc người tham gia tố tụng phải chấp hành, một hoặc một số nghĩa vụ bắt buộc.

Khi chủ thể có thẩm quyền của Tòa án xem xét, quyết định xử lý vật chứng, thì quyết định xử lý vật chứng đó mang tính bắt buộc đối với người tham gia tố tụng

và các cơ quan, tổ chức, mọi công dân, có trách nhiệm thi hành nghiêm chỉnh. Tuy nhiên, quyết định xử lý vật chứng của Tòa án phải dựa trên căn cứ do pháp luật hình sự và pháp luật tố tụng hình sự quy định.

Một số trường hợp tài sản là đối tượng của tội phạm (tài sản bị người phạm tội chiếm đoạt, chiếm giữ, cố ý làm hư hỏng...), sau đó người phạm tội đưa vào các giao dịch dân sự như tặng cho, trao đổi, mua bán... và phát sinh tranh chấp được giải quyết trong cùng vụ án hình sự. Khi đó, ngoài các quy định pháp luật hình sự, tố tụng hình sự, người có thẩm quyền xử lý vật chứng của Tòa án còn áp dụng quy phạm pháp luật dân sự (các quy định của BLDS) để giải quyết.

1.2.1.5. Mục đích của việc xử lý vật chứng trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự

Việc xử lý vật chứng nhằm đạt được các mục đích sau:

- Góp phần giải quyết toàn diện, triệt để vụ án, qua đó bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân. Trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự, trên cơ sở kiểm tra, đánh giá toàn bộ chứng cứ, tài liệu của vụ án, Tòa án sẽ giải quyết vụ án theo hai hình thức: Hoặc là ra quyết định đình chỉ vụ án, hoặc là mở phiên tòa xét xử và ra bản án. Dù là đình chỉ vụ án hay mở phiên tòa xét xử, nếu vụ án có vật chứng thì Tòa án đều phải xử lý. Khi vụ án đã được làm sáng tỏ, quá trình chứng minh đã kết thúc, vật chứng đã được khai thác, sử dụng để chứng minh thì cũng cần phải có những biện pháp thích hợp để giải phóng chúng.

Suy cho đến cùng, việc xử lý vật chứng được thực hiện dưới các hình thức hoặc là trả lại cho chủ sở hữu, người quản lý hợp pháp, hoặc là tịch thu nộp ngân sách Nhà nước hoặc tiêu hủy. Khi vật chứng được xử lý dưới hình thức trả lại cho chủ sở hữu, người quản lý hợp pháp sẽ giải quyết kịp thời nguyện vọng của người tham gia tố tụng, qua đó bảo vệ lợi ích của cá nhân, cơ quan, tổ chức trước sự xâm hại của hành vi phạm tội; trường hợp vật chứng được xử lý dưới hình thức tịch thu nộp ngân sách Nhà nước sẽ làm gia tăng lợi ích vật chất cho Nhà nước; trường hợp vật chứng bị tịch thu tiêu hủy sẽ góp phần bảo vệ lợi ích cho cộng đồng, xã hội...

- Giảm áp lực và sự quá tải trong việc lưu giữ, bảo quản vật chứng: Vật chứng mang trên mình thông tin, dấu vết về tội phạm, có giá trị chứng minh trong vụ án hình sự, do đó, nó cần phải được lưu giữ, bảo quản theo quy trình chặt chẽ do pháp luật quy định, nhằm tránh mất mát, hư hỏng do bị tác động bởi yếu tố con người, tự

nhiên làm giảm sút thậm chí mất giá trị chứng minh của vật chứng. Chính vai trò và giá trị quan trọng như vậy, nên trách nhiệm của cơ quan có nhiệm vụ lưu giữ, bảo quản vật chứng luôn luôn được đề cao. Và, để hoạt động lưu giữ, bảo quản vật chứng được diễn ra an toàn, thuận lợi, đòi hỏi công tác đảm bảo về nhân lực, vật lực cũng phải được duy trì, bổ sung thường xuyên.

Khi vụ án đã được giải quyết bằng một bản án hoặc quyết định đình chỉ vụ án, quá trình chứng minh đã kết thúc, thì việc xử lý vật chứng để giải phóng chúng ra khỏi kho vật chứng của cơ quan có trách nhiệm lưu giữ, bảo quản là giải pháp tối ưu. Nếu không được giải phóng kịp thời, một mặt ảnh hưởng tới lợi ích của người tham gia tố tụng, nhưng mặt khác cũng gây ra những áp lực và sự quá tải trong việc thống kê, theo dõi, lưu giữ, bảo quản vật chứng của cơ quan chức năng.

Trên cơ sở phân tích các yếu tố nêu trên, tác giả đưa ra định nghĩa khái niệm xử lý vật chứng trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự như sau:

“Xử lý vật chứng trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự là việc người có thẩm quyền của Tòa án ở cấp xét xử thứ nhất, khi giải quyết vụ án hình sự, tiến hành xem xét, giải quyết các vật chứng trong vụ án hình sự theo cách thức do pháp luật quy định, nhằm góp phần giải quyết đúng đắn, toàn diện vụ án hình sự, qua đó bảo vệ lợi ích Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân”.

1.2.2. Nguyên tắc xử lý vật chứng trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự

Xử lý vật chứng được tiếp cận với tư cách là một hoạt động tố tụng hình sự, vì vậy nó cũng mang những nguyên tắc chung của hoạt động tố tụng hình sự. Ngoài ra, theo tác giả, đối tượng, mục đích, ý nghĩa của việc xử lý vật chứng có điểm khác so với đối tượng, mục đích (nói chung) của hoạt động tố tụng hình sự, nên hoạt động xử lý vật chứng có những nguyên tắc riêng, mang tính đặc thù. Dưới đây tác giả đề cập tới một số nguyên tắc cơ bản, đáng chú ý điều chỉnh hoạt động xử lý vật chứng nói chung và xử lý vật chứng trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự nói riêng.

2.2.2.1. Nguyên tắc đảm bảo pháp chế XHCN

Nguyên tắc pháp chế XHCN đòi hỏi sự tôn trọng, tuân thủ, chấp hành nghiêm chỉnh hiến pháp, pháp luật của các cơ quan, nhân viên Nhà nước, của các tổ chức xã hội và mọi công dân. Đây là nguyên tắc quan trọng nhất, xuyên suốt toàn bộ quá trình tố tụng và hoạt động của các cơ quan Nhà nước. Trong hoạt động tố tụng hình sự nói chung và hoạt động xử lý vật chứng nói riêng, nguyên tắc này đòi hỏi mọi

hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan, người tiến hành tố tụng phải tuân thủ chặt chẽ quy định của pháp luật. Trong BLTTHS hiện hành, nguyên tắc đảm bảo pháp chế XHCN trong tố tụng hình sự được quy định tại Điều 7. Khi xử lý vật chứng trong giai đoạn xét xử sơ thẩm, người có thẩm quyền của Tòa án phải căn cứ vào những quy định của BLTTHS và BLHS, cụ thể là các quy định về thẩm quyền xử lý, cách thức, trình tự, thủ tục xử lý vật chứng. Đối với việc xử lý vật chứng trước khi mở phiên tòa sẽ do Chánh án Tòa án đảm nhiệm, trường hợp Chánh án vắng mặt thì có thể ủy quyền cho Phó Chánh án xử lý. Trên cơ sở đề xuất của Thẩm phán được phân công nghiên cứu hồ sơ, Chánh án, Phó Chánh án Tòa án căn cứ vào các quy định của pháp luật để ra quyết định xử lý vật chứng và chịu trách nhiệm về quyết định xử lý vật chứng đó. Việc xử lý vật chứng tại phiên tòa sẽ do HĐXX thảo luận và biểu quyết theo nguyên tắc đa số để thông qua căn cứ pháp lý, cách thức xử lý vật chứng. Mọi quyết định xử lý vật chứng do chủ thể không có thẩm quyền thực hiện hoặc xử lý không đúng cách thức, trình tự, thủ tục do pháp luật quy định đều vi phạm nguyên tắc pháp chế và có thể bị khiếu nại, thậm chí có thể bị kháng cáo, kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Hoạt động xử lý vật chứng do người có thẩm quyền của Tòa án tiến hành, do vậy, để bảo đảm nguyên tắc này được thực thi nghiêm túc, đòi hỏi trước hết là đội ngũ cán bộ Tòa án, mà trực tiếp là Chánh án, Phó Chánh án Tòa án, Thẩm phán, Hội thẩm phải quán triệt đầy đủ nội dung nguyên tắc; đồng thời, nắm chắc các quy định của BLTTHS, BLHS về vật chứng và xử lý vật chứng. Bên cạnh đó, để có căn cứ pháp lý cho tất cả các trường hợp xử lý vật chứng, cũng đòi hỏi các quy định của pháp luật về vấn đề này phải đầy đủ, tránh chồng chéo, mâu thuẫn.

2.2.2.2. Nguyên tắc tôn trọng và bảo vệ quyền con người, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân

Nguyên tắc này được quy định tại Điều 8 BLTTHS, biểu hiện cụ thể của nguyên tắc này trong hoạt động xử lý vật chứng chính là yêu cầu tôn trọng và bảo vệ các quyền sở hữu của công dân. Quyền sở hữu là một trong những quyền cơ bản của công dân, được hiến pháp, pháp luật nước ta ghi nhận và bảo hộ. Quá trình xử lý vật chứng vụ án hình sự liên quan, ảnh hưởng trực tiếp đến những tài sản được xác định là vật chứng và bị thu giữ để phục vụ việc chứng minh vụ án hình sự. Nhiều trường hợp vật chứng là các tài sản có giá trị lớn, việc tạm giữ vật chứng quá

lâu, cũng như việc xử lý vật chứng không đúng trình tự, thủ tục, cách thức do pháp luật quy định rất dễ gây ra những thiệt hại cho cá nhân, cơ quan, tổ chức là chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp. Hoặc đối với vật chứng là tài sản có thời hạn sử dụng, thời gian lưu hành ngắn, mau hỏng... mà chủ thể có thẩm quyền xử lý không xử lý sớm, dẫn đến tài sản đó hư hại, hỏng hóc, giảm hoặc mất giá trị sử dụng cũng gây ra những thiệt hại cho người tham gia tố tụng. Nguyên tắc này cũng đòi hỏi sau khi thụ lý vụ án, Tòa án phải rà soát chặt chẽ những vật chứng được thu trước đó có thuộc trường hợp phải xử lý trước phiên tòa hay không, nếu phải xử lý thì cần nhanh chóng ra quyết định xử lý để bảo vệ quyền lợi cho người tham gia tố tụng và cá nhân, cơ quan, tổ chức có liên quan.

Để bảo đảm nguyên tắc này, người có thẩm quyền xử lý vật chứng của Tòa án cần tuyệt đối tuân thủ pháp luật trong khi xử lý vật chứng, nêu cao ý thức trách nhiệm, đạo đức nghề nghiệp, coi tài sản của dân cũng là tài sản của mình, tránh tình trạng thờ ơ, bỏ mặc, ảnh hưởng lợi ích của người dân. Trước đó, việc thu thập vật chứng của CQĐT, VKS phải có tính sàng lọc, cẩn trọng. Những vật chứng có giá trị lớn thuộc quyền sở hữu, quản lý hợp pháp của người tham gia tố tụng, không thuộc trường hợp có thể bị tịch thu sung quỹ, thì trả lại cho họ sau khi đã lấy đủ thông tin của vật chứng để phục vụ cho việc chứng minh vụ án hoặc có thể áp dụng biện pháp kê biên mà không cần tạm giữ vật chứng...

1.2.2.3. Nguyên tắc bảo đảm quyền bình đẳng trước pháp luật

Nguyên tắc này được quy định tại Điều 9 BLTTHS, trong hoạt động xử lý vật chứng, nguyên tắc này có biểu hiện là mọi công dân đều bình đẳng trong việc áp dụng pháp luật về xử lý vật chứng. Theo đó, Tòa án cấp sơ thẩm phải đảm bảo rằng, mọi người tham gia tố tụng đều có quyền như nhau trong việc áp dụng căn cứ xử lý, trình tự, thủ tục, cách thức xử lý vật chứng. Nói như vậy không có nghĩa tất cả những người tham gia tố tụng đều được áp dụng cùng một căn cứ xử lý, cùng một trình tự, thủ tục hay cùng một cách thức xử lý vật chứng như nhau; cũng không phải những người có tư cách tố tụng giống nhau thì vật chứng thuộc quyền sở hữu, quyền quản lý hợp pháp của họ đều được xử lý như nhau. Căn cứ xử lý, cách thức xử lý vật chứng cũng như trình tự, thủ tục xử lý ở mỗi trường hợp cụ thể, trong mỗi vụ án đều rất khác nhau. Tuy nhiên, một điều mang tính bắt buộc trong tất cả các vụ án là, đối với những vật chứng cùng loại, cùng tính chất (vật lý, pháp lý) như nhau

thì cần phải được xử lý giống nhau theo đúng một cách thức thống nhất do pháp luật quy định. Tòa án không thể cho người này được nhận lại vật chứng, còn vật chứng là tài sản thuộc quyền sở hữu của người kia thì tịch thu...

Tương tự nguyên tắc tôn trọng và bảo vệ quyền con người, quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, trong hoạt động xử lý vật chứng, để nguyên tắc bảo đảm quyền bình đẳng của mọi công dân trước pháp luật được thực thi nghiêm túc, phụ thuộc chủ yếu vào mức độ thực hiện của người có thẩm quyền xử lý vật chứng của Tòa án. Vì vậy nguyên tắc này cũng đòi hỏi người cán bộ Tòa án nói chung và người có thẩm quyền xử lý vật chứng của Tòa án nói riêng phải thường xuyên trau dồi trình độ chuyên môn, năng lực công tác, nêu cao ý thức trách nhiệm nghề nghiệp trong quá trình giải quyết vụ án.

1.2.2.4. Nguyên tắc bảo đảm sự nhanh chóng, kịp thời trong việc xử lý vật chứng

Mặc dù không được quy định trực tiếp trong BLTTHS, nhưng tác giả cho rằng, việc bảo đảm sự nhanh chóng, kịp thời trong hoạt động xử lý vật chứng là một đòi hỏi hết sức cần thiết, xuyên suốt toàn bộ quá trình xử lý vật chứng của cơ quan tiến hành tố tụng nói chung và Tòa án nói riêng. Nó cần phải được xem như một nguyên tắc điều chỉnh hoạt động xử lý vật chứng trong tố tụng hình sự. Nguyên tắc này có quan hệ chặt chẽ với nguyên tắc tôn trọng và bảo vệ quyền con người, quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân. Việc xử lý vật chứng trong tố tụng hình sự nói chung và trong giai đoạn xét xử sơ thẩm nói riêng, nếu không đảm bảo tính nhanh chóng, kịp thời sẽ không đáp ứng được nguyện vọng của người tham gia tố tụng và cá nhân, cơ quan, tổ chức có liên quan đến vật chứng cần được xử lý; thậm chí gây thiệt hại vật chất cho các vật chứng cần xử lý, ảnh hưởng tới quyền và lợi ích hợp pháp của họ, và do vậy vi phạm nguyên tắc tôn trọng và bảo vệ quyền con người, quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân. Ngoài ra, nếu vật chứng không được xử lý nhanh chóng, kịp thời còn có thể gây ra áp lực và sự quá tải trong công tác lưu giữ, bảo quản vật chứng của cơ quan có chức năng.

Nguyên tắc này thể hiện, sau khi thụ lý hồ sơ vụ án, Tòa án phải tiến hành xem xét, đánh giá mức độ và giá trị chứng minh của các vật chứng đã được thu thập, trường hợp xét thấy cần thiết và có căn cứ cho rằng, việc xử lý vật chứng trước phiên tòa sẽ không ảnh hưởng tới việc chứng minh tội phạm, làm sáng tỏ các tình tiết khác của vụ án, thì Tòa án phải ra ngay quyết định xử lý vật chứng, và

nhanh chóng xử lý theo cách thức mà quyết định xử lý vật chứng đã ấn định, tránh gây thiệt hại cho người tham gia tố tụng. Đảm bảo cho nguyên tắc trên được thực thi có hiệu quả, đòi hỏi người có thẩm quyền xử lý vật chứng của Tòa án cần nêu cao ý thức, trách nhiệm nghề nghiệp trong quá trình giải quyết vụ án, trên tinh thần tất cả vì nhân dân phục vụ, bảo vệ lợi ích của người tham gia tố tụng và cá nhân, cơ quan, tổ chức khác có liên quan đến vật chứng cần xử lý.

1.2.3. Các hình thức xử lý vật chứng

Hình thức xử lý, cách xử lý, cách thức xử lý, phương thức xử lý hay biện pháp xử lý là các cụm từ thường được nhiều tác giả sử dụng khi đề cập đến hướng xử lý vật chứng vụ án hình sự. Tác giả cho rằng, các cách gọi này đều có thể sử dụng thay thế nhau, mỗi cách gọi đều mang hàm ý đề cập tới hướng xử lý vật chứng theo những cách thức mà pháp luật quy định. Trong vụ án hình sự vật chứng được xử lý bằng các hình thức sau đây:

- Tịch thu nộp ngân sách nhà nước: Hình thức xử lý này được áp dụng đối với vật chứng là công cụ, phương tiện phạm tội, vật cấm tàng trữ, cấm lưu hành, vật chứng là tiền bạc hoặc tài sản do phạm tội mà. Tuy nhiên, nếu người phạm tội chiếm đoạt, sử dụng tài sản của người khác làm công cụ, phương tiện phạm tội thì không tịch thu mà cho chủ sở hữu, người quản lý hợp pháp tài sản. Trừ trường hợp có lỗi trong việc để người phạm tội sử dụng tài sản đó làm công cụ, phương tiện phạm tội thì cần phải tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

- Trả lại cho chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp: Hình thức xử lý này được áp dụng đối với vật chứng là vật, tài sản thuộc quyền sở hữu quản lý hợp pháp của người khác bị người phạm tội chiếm đoạt. Trong tất cả các trường hợp này, vật chứng cần phải được trả cho chủ sở hữu, người quản lý hợp pháp nhằm bảo vệ quyền lợi cho họ, nhất là những tài sản có giá trị lớn, có khả năng sinh lời; tài sản là tư liệu sản xuất; tài sản thuộc loại mau hỏng, nhanh hết hạn lưu hành, sử dụng... thì phải trả càng sớm càng tốt.

- Bán theo quy định của pháp luật: Hình thức xử lý này được áp dụng đối với vật chứng thuộc loại mau hỏng hoặc khó bảo quản. Vật chứng là hàng hóa mau hỏng có thể là các loại lương thực, thực phẩm như rau, quả, thực phẩm tươi sống... hoặc thuộc loại tài sản có quy định thời hạn sử dụng ngắn, tài sản gần hết hạn sử dụng hoặc việc bảo quản gặp khó khăn, trong các trường hợp này cơ quan có thẩm quyền

trong phạm vi quyền hạn của mình quyết định bán theo quy định của pháp luật và chuyển tiền đến tài khoản tạm giữ của cơ quan có thẩm quyền tại Kho bạc Nhà nước để quản lý. Trong giai đoạn xét xử, người có thẩm quyền của Tòa án sẽ căn cứ vào đặc điểm cụ thể của vật chứng được bán thuộc loại nào để đưa ra hướng xử lý số tiền thu được từ việc bán vật chứng.

- Giao cho cơ quan chuyên ngành có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật: Hình thức xử lý này thường được áp dụng đối với vật chứng thuộc loại đặc biệt và pháp luật TTHS thường quy định hướng xử lý đặc thù theo pháp luật chuyên ngành. Việc xử lý đối với vật chứng thuộc nhóm này phải bảo đảm tính nhanh chóng kịp thời. Ví dụ: đối với vật chứng là động vật hoang dã và thực vật ngoại lai. Đây là những loại động, thực vật thuộc loại quý hiếm được ưu tiên bảo vệ. Ngoài ra, vật chứng là vật cấm tàng trữ, lưu hành là vũ khí quân dụng, phương tiện kỹ thuật quân sự, vật liệu nổ... tùy từng trường hợp cũng có thể xử lý bằng hình thức giao cho cơ quan chuyên ngành có thẩm quyền để xử lý theo quy định của pháp luật.

- Tịch thu tiêu hủy: Thuộc về hướng xử lý này là những vật chứng không có giá trị hoặc không sử dụng được. Vật chứng loại này thông thường ở các dạng vật mang dấu vết tội phạm, vật chứng là đồ vật, tài liệu khác có giá trị chứng minh tội phạm và người phạm tội hoặc có ý nghĩa làm sáng tỏ các tình tiết khác của vụ án. Ví dụ: Chiếc mũ bảo hiểm đã vỡ của nạn nhân trong vụ án vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ; chiếc áo của người phạm tội có nhiều vết máu của nạn nhân trong vụ án giết người...

Dưới góc độ ngôn ngữ, vật chứng là vật không có giá trị có thể được hiểu dưới hai khía cạnh: Vật không có giá trị sử dụng và không có giá trị trao đổi. “Giá trị sử dụng nghĩa là công dụng của vật phẩm có thể thỏa mãn một nhu cầu sản xuất hay tiêu dùng nào đó của con người”, còn “giá trị trao đổi nghĩa là hình thức biểu hiện của giá trị, thể hiện ở tỉ lệ trao đổi giữa hàng hóa này với hàng hóa khác” [55; tr. 502]. Theo tác giả “vật không có giá trị” được đề cập ở đây nghĩa là vật không có giá trị quy đổi thành tiền (giá trị trao đổi, quy đổi).

Vật chứng là vật không sử dụng được có thể là các vật đã hỏng hóc, hư hại mất đi cơ bản tính năng, tác dụng, công dụng ban đầu. Nó có thể là hàng hóa đã hết hạn sử dụng, là quần áo đã cũ rách, nhưng cũng có thể là chiếc điện thoại hỏng,

chiếc xe mô tô bị hư hại, biến dạng, tuy không sử dụng được nhưng vẫn có thể có giá trị quy đổi thành tiền (bán phế liệu).

Cần lưu ý là đối với vật chứng thuộc loại mau hỏng hoặc khó bảo quản nếu không bán được thì cũng được áp dụng hình thức tiêu hủy.

1.2.4. Ý nghĩa của việc xử lý vật chứng trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự

- Ý nghĩa chính trị

Nâng cao hiệu quả, hiệu lực của hoạt động xét xử là một trong những mục tiêu của chiến lược CCTP được Đảng ta chỉ rõ trong Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị: “Xây dựng nền tư pháp trong sạch, vững mạnh, dân chủ, nghiêm minh, bảo vệ công lý, từng bước hiện đại, phục vụ nhân dân, phụng sự Tổ quốc Việt Nam XHCN; hoạt động tư pháp mà trọng tâm là hoạt động xét xử được tiến hành có hiệu quả và hiệu lực cao”[16]. Chất lượng hoạt động xét xử vụ án hình sự của Tòa án được đánh giá trên nhiều tiêu chí, trong đó có tiêu chí về chất lượng của hoạt động xử lý vật chứng nói chung và xử lý vật chứng trong giai đoạn xét xử sơ thẩm nói riêng. Hoạt động xử lý vật chứng được tiến hành nhanh chóng, kịp thời, đúng quy định của pháp luật, qua đó nâng cao giá trị và hiệu lực thi hành của bản án, quyết định của Tòa án - đây là một yếu tố nhằm bảo đảm và duy trì công lý, công bằng xã hội, bảo đảm quyền con người, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân được Hiến pháp ghi nhận và bảo hộ, nhất là quyền sở hữu hợp pháp tài sản, góp phần xây dựng Nhà nước Việt Nam pháp quyền XHCN.

Trong những năm gần đây, công tác đấu tranh phòng chống tội phạm được Đảng và Nhà nước ta chú trọng và quan tâm một cách thỏa đáng, gần đây nhất, có thể kể đến một số văn bản đề cập trực tiếp về vấn đề này như: Nghị quyết số 63/2013/QH13 ngày 27/11/2013 về tăng cường các biện pháp đấu tranh phòng, chống tội phạm [26]. Nghị quyết số 111/2015/QH13 ngày 27/11/2015 về công tác phòng, chống vi phạm pháp luật và tội phạm, công tác của VKSNDTC, của TANDTC và công tác Thi hành án năm 2016 và các năm tiếp theo [30], Các văn bản này đều đề ra yêu cầu đối với ngành Tòa án là, “bảo đảm việc giải quyết, xét xử và ra bản án, quyết định đúng pháp luật”, “khắc phục tình trạng bản án, quyết định tuyên không rõ ràng gây khó khăn cho công tác thi hành án”, “hạn chế đến mức thấp nhất tỷ lệ các bản án, quyết định bị hủy, sửa do nguyên nhân chủ quan”. Điều

đó cho thấy, việc nâng cao chất lượng hoạt động xét xử của Tòa án đóng góp một phần đáng kể vào việc thực hiện thắng lợi chủ chương, đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước trong công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm.

Để hoạt động đấu tranh phòng, chống tội phạm có hiệu quả, pháp luật tạo ra một hành lang pháp lý cần thiết và cho phép các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng được sử dụng các biện pháp phù hợp giúp cho việc giải quyết vụ án được nhanh chóng, kịp thời, toàn diện, sớm tìm ra và truy cứu TNHS người phạm tội, duy trì và bảo đảm công lý, công bằng xã hội... Theo quy định của BLTTHS, sau khi vật chứng của vụ án được khai thác, sử dụng vào quá trình chứng minh, nó sẽ được xử lý theo những hình thức nhất định, trong đó có các hình thức tịch thu sung quỹ Nhà nước hoặc tiêu hủy. Việc xử lý như vậy là hết sức cần thiết, đối với bản thân người phạm tội, biện pháp xử lý đó sẽ góp phần làm tăng mức độ trách nhiệm pháp lý mà người phạm tội phải gánh chịu, qua đó răn đe một cách nghiêm khắc, hiệu quả đối với người phạm tội, không cho họ có điều kiện sử dụng lại vật chứng đó để tiếp tục phạm tội, hoặc được lợi từ những tài sản do phạm tội mà có, việc này cũng có ý nghĩa giáo dục, phòng ngừa chung trong xã hội. Đối với những người có lỗi trong việc để người phạm tội sử dụng tài sản thuộc quyền sở hữu, quản lý hợp pháp của mình vào mục đích phạm tội, thông qua việc tịch thu các tài sản này, pháp luật buộc họ phải nâng cao ý thức pháp luật và tinh thần đấu tranh phòng, chống tội phạm, biết điều chỉnh hành vi của mình ở những vụ việc tương tự sau này, không tạo điều kiện thuận lợi để người khác phạm tội.

- Ý nghĩa xã hội

Hoạt động xử lý vật chứng được tiến hành nhanh chóng, kịp thời, đúng quy định của pháp luật đáp ứng nguyện vọng hợp pháp, chính đáng của người tham gia tố tụng. Cũng cố lòng tin của nhân dân đối với Tòa án nói riêng và đối với Đảng, Nhà nước nói chung. Đồng thời, góp phần ổn định trật tự, an toàn xã hội, bảo đảm công lý và công bằng trong xã hội.

Quá trình xử lý vật chứng, một hình thức thường được sử dụng là trả lại vật chứng cho chủ sở hữu, người quản lý hợp pháp. Vật chứng được cơ quan tiến hành tố tụng thu giữ có thể là tài sản thuộc quyền sở hữu, quyền quản lý hợp pháp của người khác bị người phạm tội chiếm đoạt, chiếm giữ, cố ý làm hư hỏng... hoặc tài sản của người khác nhưng người này lại không có lỗi trong việc để người phạm tội

sử dụng tài sản đó vào mục đích phạm tội, thì những vật chứng này cần phải được trả lại cho chủ sở hữu, người quản lý hợp pháp. Thậm chí, một số vật chứng thuộc sở hữu của người phạm tội, nhưng không phải trong mọi trường hợp đều bị tịch thu, mà phải căn cứ vào quy định của pháp luật để xử lý, có trường hợp phải trả lại cho họ. Thông qua hình thức trả lại vật chứng cho chủ sở hữu, người quản lý hợp pháp, hoạt động xử lý vật chứng đáp ứng nguyện vọng của những người tham gia tố tụng, kịp thời bảo vệ lợi ích Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân.

- Ý nghĩa pháp lý

Trong giai đoạn xét xử sơ thẩm, bản án, quyết định của Tòa án chứa đựng nội dung về xử lý vật chứng nếu không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm sẽ có hiệu lực thi hành, mang tính bắt buộc đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân hữu quan. Khi phần quyết định của Tòa án về xử lý vật chứng có hiệu lực, đây sẽ là căn cứ pháp lý để đưa vật chứng của vụ án ra xử lý theo cách thức mà bản án, quyết định của Tòa án đã ấn định. Trường hợp vật chứng được tịch thu sung quỹ Nhà nước, thì phán quyết của Tòa án trở thành căn cứ để xác lập quyền sở hữu của Nhà nước đối với tài sản đã thu giữ được trong vụ án hình sự. Trường hợp vật chứng được trả lại cho chủ sở hữu, người quản lý hợp pháp, phán quyết của Tòa án là căn cứ để những chủ thể này được nhận lại tài sản của mình, có điều kiện thực hiện đầy đủ quyền năng của chủ sở hữu tài sản, khai thác tính năng, công dụng của tài sản hoặc đưa tài sản đó tham gia vào các giao dịch dân sự một cách thuận lợi và hợp pháp...

Phán quyết về xử lý vật chứng của Tòa án có hiệu lực thi hành, cũng đồng thời là căn cứ để các chủ thể liên quan đến vật chứng nghiêm chỉnh chấp hành, chấm dứt việc khiếu kiện, tranh chấp đối với vật chứng. Một số trường hợp, đây cũng là căn cứ để cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thực hiện thủ tục đăng ký quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản cho công dân... theo đúng quy định của pháp luật.

Kết luận Chương 1

Qua việc trình bày các vấn đề lý luận về xử lý vật chứng trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự, có thể rút ra các kết luận sau:

Một là, vật chứng là vật (vật thể) cụ thể, là cái có thật, có giá trị chứng minh trong tố tụng hình sự, được thu thập theo trình tự, thủ tục do pháp luật tố tụng hình sự quy định.

Hai là, vật chứng được xem là một nguồn của chứng cứ. Vì vậy, nó mang những đặc điểm của chứng cứ nói chung đó là tính khách quan, tính liên quan và tính hợp pháp. Việc phân biệt vật chứng với các đối tượng vật chất khác là một hoạt động quan trọng có ý nghĩa cả về lý luận và thực tiễn giải quyết VAHS.

Ba là, xử lý vật chứng trong giai đoạn xét xử sơ thẩm là một hoạt động tố tụng hình sự, do người có thẩm quyền của Tòa án ở cấp xét xử thứ nhất thực hiện trong quá trình giải quyết vụ án hình sự, với nội dung là xem xét, giải quyết các vật chứng của vụ án theo những cách thức do pháp luật quy định, qua đó góp phần giải quyết đúng đắn, nhanh chóng, toàn diện, triệt để vụ án hình sự, bảo vệ lợi ích Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.

Bốn là, hoạt động xử lý vật chứng mang đầy đủ nguyên tắc của hoạt động tố tụng hình sự, nhưng nó cũng có nguyên tắc đặc thù, do đó, quá trình thực hiện xử lý vật chứng, người có thẩm quyền của Tòa án phải có nhận thức đúng đắn và chấp hành nghiêm chỉnh những nguyên tắc của hoạt động này, đồng thời tuân thủ đầy đủ các quy định về hình thức xử lý đối với vật chứng, đây là một trong những yêu cầu nhằm bảo đảm nguyên tắc pháp chế trong hoạt động tố tụng.

Năm là, khi xử lý vật chứng cần có nhận thức đúng đắn về vật chứng vụ án hình sự thông qua các đặc điểm của nó mà tác giả đã trình bày ở trên, trong đó, hết sức chú ý tới giá trị chứng minh và tính hợp pháp của vật chứng. Ngoài ra, việc nghiên cứu, nắm rõ mục đích cũng như ý nghĩa của việc xử lý vật chứng trên cả ba phương diện chính trị, xã hội, pháp lý cũng là một yếu tố quan trọng, trên cơ sở đó đảm bảo cho hoạt động xử lý vật chứng có hiệu quả, đúng quy định của pháp luật, góp phần nâng cao giá trị hiệu lực, tính thuyết phục của bản án, quyết định của Tòa án.

Chương 2

QUY ĐỊNH CỦA BỘ LUẬT TỔ TỤNG HÌNH SỰ VỀ XỬ LÝ VẬT CHỨNG TRONG GIAI ĐOẠN XÉT XỬ SƠ THẨM VỤ ÁN HÌNH SỰ VÀ THỰC TIỄN THI HÀNH

2.1. Quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự về xử lý vật chứng trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự

2.1.1. *Khái quát quy định của pháp luật tố tụng hình sự trước năm 2003 về xử lý vật chứng trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự*

Trong lịch sử lập pháp tố tụng hình sự Việt Nam, Bộ luật hình sự tố tụng áp dụng tại Bắc Kỳ thời kỳ Pháp thuộc, đã đề cập vật chứng và cách thức xử lý vật chứng tại Điều 40: "Những tang vật do người đương sự trình nộp hoặc do viên chức khám nghiệm khinh tội, trọng tội áp thu, thì quan thẩm phán phải lưu giữ, để về sau phòng khi Tòa án kháng cáo có tùy dụng đến.

Phàm những vật không thể để lâu và những súc vật không thể nuôi được đến ngày có định lệnh Tòa án thượng cấp, thì có thể do lệnh quan thẩm phán giao người khán thủ hoặc phát mại; nhưng phải tường kê trong biên bản rồi đính vào bút lục"[6; tr. 479].

Trong Công văn số 98-NCPL ngày 02-3-1974 của TANDTC gửi các Tòa án địa phương đã lần đầu tiên đưa ra khái niệm vật chứng: "Vật chứng là những vật mà kẻ phạm tội đã dùng để thực hiện tội phạm như: hung khí dùng để giết người, búa kìm dùng phá cửa, cạy tủ, điện đài, truyền đơn, con dấu giả hoặc những vật mà kẻ phạm tội lấy được do việc phạm tội, hoặc những vật của kẻ phạm tội đánh rơi, bỏ quên tại hiện trường... Những vật này do Cơ quan điều tra đã thu thập được và thường được bị cáo xác nhận là vật chứng trong vụ án"[36; tr. 75].

Tiếp đó, Thông tư số 03.TT.LB ngày 23/4/1984 của VKSND tối cao, TAND tối cao, Bộ tư pháp, Bộ Tài chính, Bộ Nội vụ quy định về chế độ bảo quản, xử lý vật chứng và tài sản tạm giữ trong các vụ án hình sự ở khoản 1 mục A phần I: "Vật chứng là những vật dùng vào việc phạm tội, vật mang dấu vết tội phạm, vật có liên quan đến hành vi phạm tội, cũng như tiền bạc hay tài sản khác có được bằng con đường phạm tội..."[54]. Đồng thời quy định cụ thể thẩm quyền và các hình thức xử

lý vật chứng tại mục III Thông tư này. Tuy nhiên, các quy định về vật chứng trên đây mang tính liệt kê, nhưng chưa đầy đủ, mức độ khái quát chưa cao. Các hình thức xử lý chưa bao quát hết các trường hợp xảy ra trong thực tiễn gây khó khăn, vướng mắc cho các cơ quan tiến hành tố tụng khi giải quyết vụ án hình sự.

Khắc phục những hạn chế nêu trên, BLTTHS năm 1988 đã đưa ra định nghĩa lập pháp về chứng cứ tại Điều 56: "Vật chứng là vật được dùng làm công cụ, phương tiện phạm tội; vật mang dấu vết tội phạm, vật là đối tượng của tội phạm cũng như tiền bạc và vật khác có giá trị chứng minh tội phạm và người phạm tội"[21] đồng thời quy định tương đối đầy đủ các hình thức xử lý vật chứng, thẩm quyền xử lý vật chứng tại Điều 58: "1- Việc xử lý vật chứng do Thủ trưởng, Phó thủ trưởng cơ quan điều tra, Viện trưởng, Phó viện trưởng Viện kiểm sát cùng cấp quyết định, nếu vụ án được đình chỉ ở giai đoạn điều tra; do Chánh án, Phó chánh án Tòa án cùng cấp hoặc Hội đồng xét xử quyết định ở giai đoạn xét xử. Việc thi hành các quyết định về xử lý vật chứng phải được ghi vào biên bản. 2- Vật chứng được xử lý như sau: a) Vật chứng là công cụ, phương tiện phạm tội, vật cấm lưu hành thì bị tịch thu, sung quỹ Nhà nước; b) Vật chứng là những vật, tiền bạc thuộc sở hữu xã hội chủ nghĩa hoặc thuộc sở hữu của người khác bị người phạm tội chiếm đoạt hoặc dùng làm công cụ phạm tội thì trả lại cho chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp; trong trường hợp không xác định được chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp thì sung quỹ Nhà nước; c) Vật chứng là tiền bạc hoặc tài sản do phạm tội mà có thì bị tịch thu sung quỹ Nhà nước; d) Vật chứng không có giá trị hoặc không sử dụng được thì bị tịch thu và tiêu hủy. 3- Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, những người có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều này có quyền quyết định trả lại những vật chứng quy định tại điểm b, khoản 2 Điều này cho chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp, nếu xét thấy không ảnh hưởng đến việc xử lý vụ án. 4- Trong trường hợp có tranh chấp về quyền sở hữu đối với vật chứng thì giải quyết theo tố tụng dân sự"[21].

Để thi hành quy định của BLTTHS năm 1988 nêu trên ngày 24/10/1998 các cơ quan tư pháp Trung ương đã ban hành Thông tư liên tịch số 06/1998/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTC-BTP hướng dẫn một số vấn đề về bảo quản và xử lý tài

sản là vật chứng, tài sản bị kê biên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử vụ án hình sự [35]. Thông tư 06 được ban hành tạo điều kiện thuận lợi cho việc áp dụng thống nhất các quy định của BLTTHS năm 1988 về xử lý vật chứng nói chung xử lý vật chứng trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự nói riêng.

Kế thừa quy định của BLTTHS năm 1988 đồng thời pháp điển hóa các hướng dẫn áp quy định của BLTTHS năm 1988 về xử lý vật chứng còn phù hợp, BLTTHS 2003 và BLTTHS 2015 tiếp tục sửa đổi, bổ sung quy định về xử lý vật chứng trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự. Dưới đây tác giả đi sâu phân tích quy định của BLTTHS 2015 về xử lý vật chứng trên cơ sở so sánh quy định BLTTHS 2003.

2.1.2. Quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự 2003 và Bộ luật Tố tụng hình sự 2015 về xử lý vật chứng

2.1.2.1. Quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự về vật chứng

Theo quy định tại Điều 89 BLTTHS 2015 thì: “Vật chứng là vật được dùng làm công cụ, phương tiện phạm tội, vật mang dấu vết tội phạm, vật là đối tượng của tội phạm, tiền hoặc vật khác có giá trị chứng minh tội phạm và người phạm tội hoặc có ý nghĩa trong việc giải quyết vụ án”. Quy định này kế thừa quy định tại Điều 74 BLTTHS 2003 có bổ sung thêm cụm từ “có ý nghĩa trong việc giải quyết vụ án”. Phân tích quy định trên cho thấy, Điều 74 BLTTHS 2003 và Điều 89 BLTTHS 2015 mới chỉ nêu được ngoại diên của khái niệm vật chứng mà chưa nêu được nội hàm của khái niệm. Theo quy định này, vật chứng được phân thành bốn loại (nhóm) sau:

a. Vật chứng là vật được dùng làm công cụ, phương tiện phạm tội

Công cụ, phương tiện phạm tội là những khái niệm quen thuộc trong tố tụng hình sự. Theo đó, “Phương tiện phạm tội là đối tượng vật chất được chủ thể của tội phạm sử dụng trợ giúp cho việc thực hiện hành vi phạm tội. Phương tiện phạm tội có nhiều dạng khác nhau trong đó có dạng được coi là công cụ phạm tội”; và, “Công cụ phạm tội là dạng cụ thể của phương tiện phạm tội được chủ thể sử dụng tác động đến đối tượng tác động của tội phạm [4; tr. 175, 627]. Lý luận và thực tiễn tố tụng cũng thừa nhận, chỉ đặt ra vấn đề công cụ, phương tiện phạm tội ở những tội được thực hiện với lỗi cố ý, ở những tội có lỗi vô ý, người phạm tội không mong

muốn tội phạm xảy ra nên không đặt vấn đề họ “sử dụng” (dùng) đối tượng vật chất trợ giúp cho việc thực hiện tội phạm. Việc phân biệt công cụ, phương tiện phạm tội trong thực tiễn ít có vướng mắc, cơ quan, người có thẩm quyền tiên hành tố tụng chỉ cần căn cứ vào cách thức (cơ chế) mà người phạm tội sử dụng đối tượng vật chất vào quá trình thực hiện tội phạm, cũng như vai trò của đối tượng vật chất đối với tội phạm đã được thực hiện là có thể nhận thức, phân biệt được. Đôi khi, cùng là một đối tượng vật chất, trong hoàn cảnh này được xác định là công cụ phạm tội, nhưng trường hợp khác lại được xác định là phương tiện phạm tội. Ví dụ: Khi nó được dùng để vận chuyển tài sản vừa cướp được, vận chuyển chất ma túy... nhưng cũng có khi chiếc xe mô tô lại là công cụ phạm tội, ví dụ: Bực tức do bị Cảnh sát giao thông chặn lại nên người phạm tội đã cố ý đâm xe thẳng vào người để gây thương tích cho Cảnh sát giao thông...

Một số công cụ phạm tội mà thực tiễn tố tụng thường bắt gặp là các loại dao, búa, gậy gộc, cuốc xẻng, gạch, đá, cưa,... ; một số phương tiện phạm tội là: xe mô tô, ô tô, điện thoại, tiền bạc, máy tính, thiết bị phục vụ cho việc đánh bạc, giá bạc...

b. Vật chứng là vật mang dấu vết tội phạm

“Dấu vết là cái còn để lại do kết quả tác động của hiện tượng đã qua, dựa vào đó có thể nhận biết được về hiện tượng ấy” [55; tr. 330]. Hành vi phạm tội là một hoạt động vật chất của con người cụ thể, luôn biểu hiện ra bên ngoài thế giới khách quan. Trong quá trình xuất hiện, tồn tại ngoài thế giới khách quan, tội phạm để lại những thông tin, dấu vết trên các đối tượng vật chất của thế giới khách quan, vì các đối tượng vật chất này có thuộc tính phản ánh, nên nó sẽ được thu thập theo trình tự do pháp luật tố tụng hình sự quy định, và được xác định là vật chứng dùng để chứng minh trong vụ án hình sự. Những đối tượng vật chất mang trên mình thông tin, dấu vết về tội phạm được coi là vật chứng (dưới dạng vật mang dấu vết tội phạm) khi nó có hình dạng cụ thể, có thể lưu giữ được các dấu vết tội phạm, con người có thể nhận thức được một cách trực tiếp qua các giác quan.

Trong thực tiễn tố tụng, tùy theo diễn biến từng vụ án mà xác định vật chứng là vật mang dấu vết tội phạm. Khác với vật chứng là công cụ, phương tiện phạm tội (chỉ có ở tội cố ý), vật chứng là vật mang dấu vết tội phạm có thể xuất hiện ở các vụ

án mà tội phạm đó được thực hiện bằng cả hình thức lỗi cố ý hoặc vô ý. Một số vật mang dấu vết tội phạm thường thấy là: Xe mô tô, ô tô có các vết máu, trầy xước do gây tai nạn trong vụ án vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ; chiếc áo của người bị tình nghi, bị can, bị cáo, của người bị hại có vết máu trong vụ án giết người, cố ý gây thương tích,...

c. Vật chứng là đối tượng của tội phạm

Vật là đối tượng của tội phạm mà thông qua việc tác động vào vật đó người phạm tội gây thiệt hại cho quan hệ xã hội nhất định. Bên cạnh khái niệm này có một khái niệm gần giống với nó là “đối tượng tác động của tội phạm”, nhưng hai khái niệm này lại không đồng nhất với nhau. “Đối tượng tác động của tội phạm là bộ phận của khách thể của tội phạm, bị hành vi phạm tội tác động đến để gây thiệt hại hoặc đe dọa gây thiệt hại cho những quan hệ xã hội được luật hình sự bảo vệ” [14; tr. 94]. Theo khoa học Luật hình sự, các bộ phận của khách thể có thể bị tội phạm tác động tới là: Chủ thể của quan hệ xã hội; nội dung của quan hệ xã hội; đối tượng của quan hệ xã hội. Một số loại đối tượng tác động của tội phạm có thể là: Con người, đối tượng vật chất (vật cụ thể), hoạt động bình thường của con người...

Như vậy, trường hợp đối tượng vật chất (vật cụ thể) là đối tượng tác động của tội phạm, khi được thu thập theo trình tự, thủ tục do pháp luật quy định, thì những đối tượng vật chất này sẽ trở thành vật chứng và ở dạng vật là đối tượng của tội phạm (lúc này vật là đối tượng của tội phạm với vật là đối tượng tác động của tội phạm được hiểu như nhau). Việc xác định vật chứng là đối tượng của tội phạm ở cả góc độ lý luận và thực tiễn không khó. Đó thường là tài sản bị người phạm tội chiếm đoạt, chiếm giữ trái phép, bị người phạm tội cố ý làm hư hỏng, hủy hoại, phá hủy; hoặc nó cũng có thể là chất ma túy, hàng cấm, hàng lậu, hàng giả, hàng xâm phạm quyền tác giả, quyền sở hữu công nghiệp...

d. Vật chứng là tiền, vật khác có giá trị chứng minh tội phạm và người phạm tội

+ Vật chứng là tiền: Lý luận và thực tiễn tố tụng cho thấy, “tiền” cũng có thể là “phương tiện phạm tội”, là “đối tượng của tội phạm”, ví dụ: Tiền dùng để đưa cho người có chức vụ, quyền hạn trong tội đưa hối lộ, tiền dùng để đánh bạc, khi đó tiền được xác định là phương tiện phạm tội; hoặc tiền của người khác bị người

phạm tội chiếm đoạt, chiếm giữ trái phép, khi đó tiền được xác định là đối tượng của tội phạm. Trường hợp tiền được xác định là công cụ phạm tội mặc dù ít thấy trong thực tiễn tố tụng, tuy nhiên trong lý luận không loại trừ khả năng này. Đồng thời, nhìn nhận dưới góc độ lý luận của khoa học Luật tố tụng hình sự, “tiền” được coi là vật chứng thuộc nhóm này không thuộc một trong ba loại vật chứng đã nêu trên (quan điểm như vậy mới đảm bảo không có sự trùng hợp trong cách phân loại vật chứng).

“Tiền” là cách gọi chung, khái quát, nó có thể là tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ, ngân phiếu... Tiền được xác định là vật chứng khi nó liên quan đến tội phạm, có giá trị chứng minh, làm sáng tỏ các tình tiết của vụ án, nó có thể do phạm tội mà có hoặc do mua bán, đổi chác những đồ vật do phạm tội mà có.

+ Vật chứng là vật khác có giá trị chứng minh tội phạm và người phạm tội: Vật chứng thuộc loại này trước tiên nó không phải là tiền, nó cũng không phải là công cụ, phương tiện phạm tội hay vật mang dấu vết tội phạm, vật là đối tượng của tội phạm. Nó là tất cả những vật nào (dạng cụ thể của đối tượng vật chất có hình khối rõ ràng), có giá trị chứng minh tội phạm và người phạm tội. Nhìn chung, vật chứng thuộc loại này tương đối phổ biến trong thực tiễn tố tụng, khi không xác định được vật chứng thu được thuộc loại nào trong những loại trên, chúng ta xếp (phân loại) nó vào diện vật chứng là vật khác có giá trị chứng minh tội phạm và người phạm tội. Một số vật chứng thuộc loại này thường bắt gặp trong thực tiễn là: Tài sản (không bao gồm tiền bạc) do người phạm tội mua bán, đổi chác tài sản do phạm tội mà có, tài sản được mua bằng tiền do người khác đưa hối lộ; đồ vật, tư trang do người phạm tội bỏ quên tại hiện trường được dùng làm căn cứ chứng minh sự hiện diện của chủ sở hữu tại hiện trường vụ án; là các giấy tờ như chứng minh thư, bằng lái xe, đăng ký xe, hộ chiếu,...

2.1.2.2. Quy định của pháp luật về thẩm quyền xử lý vật chứng

Thẩm quyền xử lý vật chứng được quy định tại khoản 1 Điều 106 BLTTHS 2015: “Việc xử lý vật chứng do Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra quyết định nếu vụ án được đình chỉ ở giai đoạn điều tra; do Viện kiểm sát quyết định nếu vụ án được đình chỉ ở giai đoạn truy tố; do

Chánh án Tòa án quyết định nếu vụ án được đình chỉ ở giai đoạn chuẩn bị xét xử; do Hội đồng xét xử quyết định nếu vụ án đã đưa ra xét xử. Việc thi hành quyết định về xử lý vật chứng phải được ghi vào biên bản”[29].

Quy định về thẩm quyền xử lý vật chứng nêu trên cơ bản tương tự với khoản 1 Điều 76 BLTTHS 2003, chỉ có điểm khác là: Bên cạnh CQĐT, Bộ luật quy định bổ sung thẩm quyền của Cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra. Việc bổ sung này là phù hợp, xuất phát từ đòi hỏi của thực tiễn tố tụng, thực tế, các cơ quan này cũng có thẩm quyền khởi tố vụ án, khởi tố bị can và tiến hành hoạt động điều tra trong một số trường hợp theo luật định, khi vụ án bị đình chỉ trong giai đoạn điều tra, các cơ quan này là chủ thể thực hiện việc xử lý vật chứng đã thu giữ trước đó. Với quy định của BLTTHS 2015, việc xử lý vật chứng của cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra sẽ thuận lợi hơn, đảm bảo tính có căn cứ pháp lý trong mọi hoạt động của các cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng.

Kế thừa quy định BLTTHS 2003, BLTTHS 2015 quy định, khi vụ án được đình chỉ thì cơ quan đang thụ lý, giải quyết vụ án có trách nhiệm xử lý vật chứng. Việc xử lý vật chứng thường được đề cập ngay trong quyết định đình chỉ vụ án của các cơ quan này. Đối với việc xử lý vật chứng trong giai đoạn xét xử, Bộ luật phân định rõ ràng, việc xử lý vật chứng trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và xử lý vật chứng khi vụ án đã đưa ra xét xử. Theo đó, trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, nếu vụ án được đình chỉ thì Chánh án Tòa án là chủ thể có thẩm quyền xử lý vật chứng; nếu vụ án đã đưa ra xét xử thì thẩm quyền thuộc về Hội đồng xét xử.

- Thẩm quyền xử lý vật chứng của Chánh án Tòa án

Cơ sở pháp lý quy định thẩm quyền xử lý vật chứng của Chánh án Tòa án là điểm a khoản 2 Điều 44 và khoản 1 Điều 106 BLTTHS 2015. Ngoài ra, khi được phân công giải quyết vụ án hình sự hoặc khi Chánh án vắng mặt, thì việc xử lý vật chứng sẽ do Phó Chánh án Tòa án thực hiện (khoản 3 Điều 44 BLTTHS 2015). Căn cứ vào Điều 268 BLTTHS 2015 (Thẩm quyền xét xử của Tòa án), Tòa án có thẩm quyền xét xử sơ thẩm là TAND cấp huyện, TAQS khu vực, TAND cấp tỉnh và

TAQS cấp quân khu. Như vậy, trong giai đoạn xét xử sơ thẩm, thì Chánh án (hoặc Phó Chánh án) các Tòa án này có thẩm quyền xử lý vật chứng trước khi mở phiên tòa. Pháp luật không quy định cụ thể những trường hợp nào thì xử lý vật chứng trước khi mở phiên tòa, trường hợp nào thì xử lý tại phiên tòa (do HĐXX thực hiện), việc này hoàn toàn phụ thuộc vào sự đánh giá của Tòa án - đó là khi xét thấy việc xử lý vật chứng trước khi mở phiên tòa không ảnh hưởng tới việc giải quyết vụ án. Tuy nhiên, theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 106 BLTTHS, việc xử lý vật chứng của chủ thể này được thực hiện dưới hình thức trả lại cho chủ sở hữu, người quản lý hợp pháp vật chứng. Ngoài ra, theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 90 và điểm c khoản 3 Điều 106 BLTTHS 2015, trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, trường hợp vật chứng là hàng hóa mau hỏng, khó bảo quản, để tránh gây thiệt hại đối với vật chứng này, Chánh án (hoặc Phó Chánh án) Tòa án cũng có thể được xử lý dưới hình thức tổ chức bán theo quy định của pháp luật, sau đó chuyển tiền vào tài khoản tạm giữ tại kho bạc Nhà nước; trường hợp không bán được thì tiêu hủy. Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, vật chứng là động vật hoang dã và thực vật ngoại lai thì ngay sau khi có kết luận giám định Chánh án (hoặc Phó Chánh án) phải xử lý vật chứng bằng hình thức giao cho cơ quan quản lý chuyên ngành có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật (điểm d khoản 3 Điều 106 BLTTHS 2015).

Như vậy, thẩm quyền xử lý vật chứng của Chánh án hoặc Phó Chánh án (trường hợp vụ án không bị đình chỉ) Tòa án khá hạn chế, BLTTHS 2015 quy định chỉ được thực hiện dưới 04 hình thức hoặc là trả lại cho chủ sở hữu, người quản lý hợp pháp, hoặc là tổ chức bán theo quy định của pháp luật một số vật chứng nhất định, hoặc tiêu hủy đối với một số loại vật chứng nhất định khi không bán được hoặc giao cho cơ quan quản lý chuyên ngành có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật đối với vật chứng là động vật hoang dã và thực vật ngoại lai.

- Thẩm quyền xử lý vật chứng của Hội đồng xét xử

Đối với những vụ án đủ điều kiện để đưa ra xét xử, Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án phải ra quyết định đưa vụ án ra xét xử. Theo quy định tại khoản 3 Điều 277 BLTTHS 2015, trong thời hạn 15 ngày (trường hợp kéo dài thời hạn cũng không quá 30 ngày), Tòa án phải mở phiên tòa để xét xử vụ án. Tại phiên

tòa, căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 106 BLTTHS, việc xử lý vật chứng sẽ do HĐXX thực hiện.

Giải quyết vụ án thông qua hình thức mở phiên tòa là hoạt động tố tụng mang tính công khai, minh bạch, HĐXX xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác để đưa ra phán quyết phù hợp, giải quyết toàn diện, triệt để vụ án, trong đó có nội dung về xử lý vật chứng. Khác với việc xử lý vật chứng của CQĐT, VKS (trường hợp vụ án không bị đình chỉ) hoặc của Chánh án (hoặc Phó Chánh án) Tòa án (trong một số trường hợp đã nêu trên), việc xử lý vật chứng của HĐXX là triệt để, toàn diện nhất. HĐXX được sử dụng đầy đủ các cách thức (hình thức) xử lý vật chứng do BLTTHS 2015 quy định.

- Thẩm quyền xử lý vật chứng khi vụ án được đình chỉ trong giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm

Trong giai đoạn xét xử sơ thẩm, khi không còn căn cứ để tiếp tục giải quyết vụ án, thì vụ án cần phải được đình chỉ, đây là một hình thức kết thúc vụ án theo những căn cứ do pháp luật quy định. Việc đình chỉ vụ án trong giai đoạn xét xử sơ thẩm có thể được thực hiện trong giai đoạn chuẩn bị xét xử hoặc tại phiên tòa. Khi vụ án được kết thúc bằng một quyết định đình chỉ vụ án, nghĩa là vấn đề chứng minh trong vụ án đó không còn được đặt ra nữa, và do vậy, vật chứng của vụ án sẽ không được khai thác, sử dụng để phục vụ quá trình chứng minh, nên nó cũng cần phải được xử lý theo quy định của pháp luật.

Theo quy định của khoản 1 Điều 106, khi vụ án được đình chỉ trong đoạn chuẩn bị xét xử thì chỉ có Chánh án Tòa án mới có thẩm quyền xử lý vật chứng, trong giai đoạn này Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án không có thẩm quyền xử lý. Việc xử lý vật chứng của Chánh án sẽ được thực hiện bằng Quyết định xử lý vật chứng độc lập, mà không được đề cập trong Quyết định đình chỉ vụ án của Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án. Đây cũng là điểm khác biệt so với quy định của BLTTHS 2003. Trước đây, khi vụ án được đình chỉ trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án có thẩm quyền và trách nhiệm xử lý vật chứng ngay trong Quyết định đình chỉ vụ án [38].

Đánh giá về quy định trên, có ý kiến cho rằng, việc Bộ luật quy định mang tính “bắt buộc” chỉ Chánh án Tòa án mới có thẩm quyền xử lý vật chứng khi vụ án được đình chỉ trong giai đoạn chuẩn bị xét xử là chưa phù hợp, nhất là khi Bộ luật năm 2015 đã trao quyền nhiều hơn cho Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, qua đó tạo sự linh hoạt, chủ động cho Thẩm phán trong quá trình giải quyết án. Tác giả cho rằng, quy định về thẩm quyền nói chung và thẩm quyền xử lý vật chứng khi vụ án được đình chỉ trong giai đoạn chuẩn bị xét xử nói riêng là quy định có tính bắt buộc. Do vậy, trong khi chưa được cơ quan có thẩm quyền hướng dẫn, trước mắt khi BLTTHS 2015 có hiệu lực, các Tòa án cần thực hiện nghiêm quy định về thẩm quyền xử lý vật chứng, theo đó, khi vụ án được đình chỉ trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, chỉ có Chánh án Tòa án (hoặc Phó Chánh án khi được Chánh án ủy quyền) mới có thẩm quyền xử lý vật chứng. Việc xử lý vật chứng của các chủ thể khác trong giai đoạn chuẩn bị xét xử được thể hiện dưới bất kể dưới hình thức nào, dù là bằng quyết định độc lập, hay được đề cập trong quyết định đình chỉ vụ án đều không đúng thẩm quyền.

Như vậy, khi vụ án được đình chỉ trong giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm, Chánh án Tòa án (hoặc Phó Chánh án khi được Chánh án ủy quyền) là chủ thể có thẩm quyền xử lý vật chứng. Việc xử lý vật chứng trong trường hợp này cũng phải được xử lý triệt để, toàn diện, Chánh án Tòa án (hoặc Phó Chánh án khi được Chánh án ủy quyền) được lựa chọn đầy đủ các cách thức xử lý do BLTTHS quy định.

2.1.2.3. Quy định của pháp luật về các hình thức xử lý vật chứng

Theo khoản 2 và khoản 3 Điều 106 BLTTHS 2015 có các hình thức xử lý vật chứng như sau:

“2. Vật chứng được xử lý như sau:

- a) Vật chứng là công cụ, phương tiện phạm tội, vật cấm tàng trữ, lưu hành thì bị tịch thu, nộp ngân sách nhà nước hoặc tiêu hủy;
- b) Vật chứng là tiền bạc hoặc tài sản do phạm tội mà có thì bị tịch thu, nộp ngân sách nhà nước;
- c) Vật chứng không có giá trị hoặc không sử dụng được thì bị tịch thu và tiêu hủy.

3. Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều này có quyền:

a) Trả lại ngay tài sản đã thu giữ, tạm giữ nhưng không phải là vật chứng cho chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp tài sản đó;

b) Trả lại ngay vật chứng cho chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp nếu xét thấy không ảnh hưởng đến việc xử lý vụ án và thi hành án;

c) Vật chứng thuộc loại mau hỏng hoặc khó bảo quản thì có thể được bán theo quy định của pháp luật; trường hợp không bán được thì tiêu hủy;

d) Vật chứng là động vật hoang dã và thực vật ngoại lai thì ngay sau khi có kết luận giám định phải giao cho cơ quan quản lý chuyên ngành có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật.”[29].

Quy định trên là sự kế thừa (có sửa đổi) quy định về xử lý vật chứng theo Điều 76 BLTTHS 2003. Từ khi BLTTHS 2003 có hiệu lực (01/7/2004), đến nay vẫn chưa có một văn bản quy phạm pháp luật nào của cơ quan có thẩm quyền hướng dẫn xử lý vật chứng vụ án hình sự theo Điều 76 BLTTHS 2003. Hướng dẫn về xử lý vật chứng trong tố tụng hình sự hiện vẫn được các cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng tham khảo thực hiện theo TTLT số 06/1998/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTC-BTP ngày 24/10/1998.

Ngoài quy định trên, Điều 47 BLHS 2015 cũng quy định về biện pháp tư pháp áp dụng đối với những tài sản trực tiếp liên quan đến tội phạm, đây cũng là những quy định điều chỉnh việc xử lý một số loại vật chứng trong vụ án hình sự:

“1. Việc tịch thu sung vào ngân sách nhà nước hoặc tịch thu tiêu hủy được áp dụng đối với: a) Công cụ, phương tiện dùng vào việc phạm tội; b) Vật hoặc tiền do phạm tội hoặc do mua bán, đổi chác những thứ ấy mà có; khoản thu lợi bất chính từ việc phạm tội; c) Vật thuộc loại Nhà nước cấm tàng trữ, cấm lưu hành. 2. Đối với vật, tiền bị người phạm tội chiếm đoạt hoặc sử dụng trái phép, thì không tịch thu mà trả lại cho chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp. 3. Vật, tiền là tài sản của người khác, nếu người này có lỗi trong việc để cho người phạm tội sử dụng vào việc thực hiện tội phạm, thì có thể bị tịch thu”[28].

Do đó, hiện nay quá trình xử lý vật chứng mà các vật chứng này thuộc đối tượng bị áp dụng biện pháp tư pháp của BLHS thì người có thẩm quyền xử lý vật chứng của Tòa án áp dụng đồng thời cả Điều 47 BLHS 2015 và Điều 106 BLTTHS 2015 để xử lý.

Dưới đây, tác giả sẽ đi sâu làm rõ, phân tích từng hình thức (cách thức) xử lý vật chứng:

- Vật chứng là công cụ, phương tiện phạm tội, vật cấm tàng trữ, lưu hành thì bị tịch thu, nộp ngân sách nhà nước hoặc tiêu hủy

So với quy định tại điểm a khoản 2 Điều 76 BLTTHS 2003, nội dung quy định này được điều chỉnh: Bổ sung từ “tàng trữ” trước từ “lưu hành”; thay cụm từ “sung quỹ nhà nước” bằng cụm từ “nộp ngân sách nhà nước”. Bởi lẽ, thông thường những vật thuộc loại nhà nước cấm lưu hành thì cũng cấm tàng trữ. Tàng trữ và lưu hành là hai yếu tố gắn liền nhau, nếu chỉ xử lý vật cấm lưu hành mà không đề cập tới việc xử lý vật cấm tàng trữ là thiếu sót. Xử lý vật cấm tàng trữ sẽ là điều kiện để loại trừ khả năng lưu hành trên thị trường. Đối với việc sử dụng cụm từ (tịch thu) “nộp ngân sách nhà nước” (Điều 47 BLHS 2015 sử dụng cách gọi tương tự là: tịch thu sung vào ngân sách nhà nước), sẽ đảm bảo sự chuẩn xác, chặt chẽ hơn khi sử dụng cụm từ (tịch thu) “sung quỹ nhà nước”. “Quỹ nhà nước” là cách gọi dân gian, ít mang tính pháp lý, còn “ngân sách nhà nước” là một khái niệm pháp lý đã được làm rõ trong Luật Ngân sách nhà nước.

Vật chứng là công cụ, phương tiện phạm tội, vật cấm tàng trữ, lưu hành Điều luật đưa ra 02 hướng xử lý: Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước hoặc tiêu hủy. Hình thức tịch thu nộp ngân sách nhà nước được áp dụng đối với những vật có giá trị; những vật không có giá trị, hoặc giá trị không đáng kể so với chi phí để thực hiện việc hóa giá, thanh lý thì cũng được tịch thu tiêu hủy.

Việc tịch thu, xử lý vật chứng là công cụ, phương tiện phạm tội theo các cách thức nêu trên là phù hợp, bởi lẽ đây là những đối tượng vật chất được người phạm tội sử dụng một cách có ý thức, có chủ đích trợ giúp, phục vụ cho việc thực hiện tội phạm; đồng thời đây còn là việc áp dụng biện pháp tư pháp theo quy định của BLHS, qua đó thể hiện sự nghiêm khắc của pháp luật hình sự đối với người phạm

tội. Tuy BLTTHS 2015 không quy định nhưng cần lưu ý là, nếu đồ vật, tài sản của người khác bị người phạm tội sử dụng làm công cụ, phương tiện phạm tội, theo quy định tại khoản 3 Điều 47 BLHS 2015 chỉ tịch thu, nộp ngân sách nhà nước hoặc tiêu hủy khi người đó có lỗi để cho người phạm tội sử dụng vào việc thực hiện tội phạm (tương ứng với khoản 3 Điều 41 BLHS 1999). Nếu những công cụ, phương tiện phạm tội bị người phạm tội chiếm đoạt, sử dụng trái phép, thì theo khoản 2 Điều 47 BLHS 2015 không tịch thu mà trả lại cho chủ sở hữu, người quản lý hợp pháp (tương ứng với khoản 2 Điều 41 BLHS 1999).

Khác với việc xử lý vật chứng là công cụ, phương tiện phạm tội, việc xử lý vật chứng là vật cầm tàng trữ, cầm lưu hành không phân biệt nó thuộc sở hữu của ai, trong mọi trường hợp đều tịch thu, nộp ngân sách nhà nước hoặc tiêu hủy. Trường hợp nào tịch thu nộp ngân sách nhà nước, trường hợp nào tịch thu tiêu hủy phụ thuộc vào giá trị cũng như đặc điểm của vật chứng và thậm chí phụ thuộc vào văn bản pháp luật chuyên ngành điều chỉnh trường hợp cụ thể đó. Việc xác định thế nào là “vật cầm tàng trữ, lưu hành” là vấn đề hiện đang còn nhiều quan điểm khác nhau. Vì vậy, cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng sẽ phải tự xác định vật chứng nào là vật cầm tàng trữ, lưu hành trong từng trường hợp cụ thể, nếu cần thiết thì phải hỏi ý kiến của các cơ quan chuyên môn, từ đó có hướng xử lý vật chứng được phù hợp. Chẳng hạn, đối với vật chứng là đối tượng của các tội xâm phạm quyền tác giả, quyền liên quan, quyền sở hữu công nghiệp (Điều 225, 226 BLHS 2015)... theo quy định của Luật sở hữu trí tuệ thì phải tịch thu tiêu hủy chứ không bán đấu giá nộp ngân sách nhà nước, vì nếu để các đối tượng này tiếp tục lưu hành trên thị trường vô hình chung sẽ ảnh hưởng đến chủ sở hữu quyền tác giả, quyền liên quan, quyền sở hữu công nghiệp.

Liên quan đến vật cầm tàng trữ, lưu hành, tác giả nhận thấy có một số vật chứng thuộc loại này Điều luật vẫn còn bỏ ngỏ phương án xử lý, đó là các vật chứng là vũ khí quân dụng, phương tiện kỹ thuật quân sự, vật liệu nổ... Trường hợp các đối tượng này bị người phạm tội chiếm đoạt, sử dụng trái phép, khi xử lý, cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng sẽ căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 76 BLTTHS 2003 hoặc khoản 3 Điều 106 BLTTHS 2015 để trả lại cho chủ sở hữu

hoặc người quản lý hợp pháp (đây là các cơ quan, đơn vị theo quy định của pháp luật được trang bị vũ khí, vật liệu nổ, phương tiện kỹ thuật quân sự để thực hiện nhiệm vụ). Tuy nhiên, nếu các vật chứng này thuộc sở hữu của người phạm tội (do nhặt được, được tặng cho, do mua bán, đổi chác mà có) hoặc của người khác cho mượn (người này cũng được xác định là có hành vi tàng trữ trái phép). Đồng thời, những vật chứng này còn giá trị sử dụng, có thể được dùng vào mục đích huấn luyện, khi đó cần phải được tịch thu, nhưng không phải là tịch thu nộp ngân sách nhà nước (vì vũ khí, súng đạn, phương tiện kỹ thuật quân sự không thể đem bán đấu giá), mà là tịch thu, giao cho cơ quan có thẩm quyền quản lý.

Để giải quyết vấn đề trên, theo tác giả, khi phải xử lý vật chứng thuộc loại này, trước hết, chủ thể có thẩm quyền xử lý cần đánh giá đầy đủ, đúng đắn tính chất của từng vật chứng, nhất là giá trị sử dụng của vật chứng. Trường hợp cần thiết có thể làm văn bản tham vấn ý kiến của cơ quan chuyên môn. Nếu không còn giá trị sử dụng hoặc giá trị sử dụng không nhiều thì tịch thu tiêu hủy; nếu còn giá trị sử dụng, mặc dù Điều luật không quy định nhưng vẫn có thể “mạnh dạn” tịch thu và chuyển giao cho cơ quan có thẩm quyền quản lý, khai thác. Tuy vậy, để có thể thống nhất trong việc xử lý, tránh ý kiến bất đồng giữa các cơ quan tố tụng, cần có sự hướng dẫn của cơ quan tư pháp Trung ương.

- Vật chứng là tiền bạc hoặc tài sản do phạm tội mà có thì bị tịch thu, nộp ngân sách nhà nước

Theo quy định này, những vật chứng thu giữ được là tiền bạc (bao gồm tiền Việt Nam, tiền nước ngoài, vàng, bạc, kim khí quý, đá quý...) hoặc tài sản do phạm tội mà có (bao gồm cả những tài sản do mua bán, đổi chác những thứ do phạm tội mà có; các khoản thu lợi bất chính từ việc phạm tội) thì sẽ được tịch thu, nộp ngân sách nhà nước. Quy định này giống với quy định tại điểm c khoản 2 Điều 76 BLTTHS 2003, chỉ khác ở cách diễn đạt, cụm từ “tịch thu sung quỹ nhà nước” được thay bởi cụm từ “tịch thu, nộp ngân sách nhà nước”. Khái niệm “tiền bạc hoặc tài sản do phạm tội mà có” được đề cập ở đây không đồng nhất với những vật, tài sản được xác định là đối tượng của tội phạm (vật là đối tượng tác động của tội phạm) ở các tội phạm xâm phạm sở hữu như Điều 168, 169, 170, 171, 172, 173... hay các tội

có tính chất chiếm đoạt khác quy định tại các Điều 252, 253, 282, 304, 305, 306... BLHS 2015. Những đối tượng vật, tài sản được quy định tại các Điều luật này là tài sản thuộc quyền sở hữu, quyền quản lý hợp pháp của người khác bị người phạm tội chiếm đoạt, hoặc cũng có thể là vật cầm tàng trữ, lưu hành (ma túy, vũ khí quân dụng...). Vì vậy, khi xử lý các vật chứng thuộc loại này, tùy từng trường hợp cụ thể mà cơ quan, người có thẩm quyền xử lý vật chứng căn cứ vào quy định tại điểm b khoản 3 hoặc điểm a khoản 2 Điều 106 để trả lại cho chủ sở hữu, người quản lý hợp pháp hoặc tịch thu, nộp ngân sách nhà nước (có thể giao cho cơ quan có thẩm quyền xử lý) hoặc tiêu hủy, chứ không áp dụng điểm b khoản 2 Điều 106. Tuy nhiên, có điểm lưu ý là, đối với tiền bạc, tài sản do người phạm tội chiếm đoạt của người khác, nhưng không xác định được chủ sở hữu, người quản lý hợp pháp, hoặc xác định được nhưng họ không nhận lại, thì vật chứng này lại được coi là “tiền bạc hoặc tài sản do phạm tội mà có”, và cần phải áp dụng điểm b khoản 2 Điều 106 tịch thu, nộp ngân sách nhà nước chứ không để người phạm tội hưởng lợi một cách bất chính.

Vật chứng là tiền bạc hoặc tài sản thu được ở một số tội như Điều 321 (Đánh bạc), 322 (Tổ chức đánh bạc hoặc gá bạc), 324 (Rửa tiền)... hoặc Chương các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế như Điều 188, 189, 190, 191, 192,... hoặc ở một số tội quy định tại Chương các tội phạm về chức vụ như Điều 354, 355, 358, 364, 365... BLHS 2015. Thực chất đây là vật, tài sản được người phạm tội sử dụng làm phương tiện phạm tội (có trường hợp là công cụ phạm tội), hoặc cũng có thể do phạm tội mà có, nên về nguyên tắc không trả lại mà tùy từng trường hợp có thể áp dụng điểm a hoặc điểm b khoản 2 Điều 106 tịch thu, nộp ngân sách nhà nước; có trường hợp thì tịch thu, tiêu hủy (đối với vật không có giá trị là đối tượng của tội buôn lậu, sản xuất, buôn bán hàng giả...).

Khi áp dụng điểm b khoản 2 Điều 106 cần lưu ý, trường hợp tiền bạc hoặc tài sản do phạm tội mà có hoặc do mua bán, đổi chác những thứ ấy mà có, hoặc các khoản thu lời bất chính từ việc phạm tội, đã được người phạm tội bán, tặng cho người khác thì phải thu hồi những tiền bạc, tài sản ấy để xử lý. Nếu không thu hồi được (do đã sử dụng, tiêu xài hết, bán, tặng cho người thứ 3 và không thu lại được)

thì không áp dụng điểm b khoản 2 Điều 106 để xử lý (vì không có vật chứng trên thực tế), theo tác giả cần phải áp dụng điểm b khoản 1 Điều 47 BLHS 2015 để truy thu số tiền bạc, tài sản đó. Thực chất, đây là việc áp dụng biện pháp tư pháp, việc truy thu tiền bạc, tài sản trong các trường hợp này là cần thiết, thể hiện thái độ nghiêm khắc của nhà nước đối với người phạm tội và đối với các khoản thu lợi bất chính từ việc phạm tội. Ví dụ: Sau khi chiếm đoạt chiếc điện thoại, người phạm tội bán cho một người không quen biết lấy 5 triệu đồng tiêu xài cá nhân hết (hoặc cho người thân tiêu xài hết), chiếc điện thoại không thu hồi được, và người bị hại không yêu cầu bị cáo phải bồi thường. Khi đó, theo tác giả, cần phải áp dụng điểm b khoản 1 Điều 47 BLHS 2015 để truy thu ở bị cáo (hoặc truy thu ở người được bị cáo tặng cho) khoản thu lợi bất chính này.

Tương tự như trên, đối với vật chứng là vật cấm tàng trữ, lưu hành ở các vụ án mua bán hàng cấm như vũ khí quân dụng, phương tiện kỹ thuật quân sự, ma túy, vật liệu nổ, chất phóng xạ, chất cháy, chất độc... hành vi mua bán thường diễn ra nhiều cầu mua đi bán lại. Về nguyên tắc các vật chứng và tiền, tài sản thu được từ các giao dịch này phải được thu giữ từ giai đoạn điều tra để xử lý. Nếu thu được vật cấm tàng trữ lưu hành thì sẽ áp dụng điểm a khoản 2 Điều 106 để tịch thu, nộp ngân sách nhà nước hoặc tiêu hủy; nếu thu được tiền, tài sản được thanh toán từ các giao dịch này thì sẽ áp dụng điểm b khoản 2 Điều 106 để tịch thu, nộp ngân sách nhà nước. Nếu không thu được tiền, tài sản được thanh toán từ các giao dịch này thì không áp dụng Điều 106 để xử lý (vì không có vật chứng), mà áp dụng Biện pháp tư pháp quy định tại Điều 47 BLHS 2015 để truy thu. Tác giả đồng tình với quan điểm xử lý của TS. Nguyễn Mai Bộ khi cho rằng, để tránh trùng thu: (i) Trường hợp bên mua đã trả tiền hoặc vật (để thanh toán, trao đổi), bên bán đã giao hàng cấm thì áp dụng điểm b khoản 1 Điều 41 BLHS (tương ứng với điểm b khoản 1 Điều 47 BLHS 2015) để tịch thu (truy thu) ở người bán với nghĩa là vật, tiền do phạm tội mà có; (ii) Trường hợp bên bán đã giao hàng cấm nhưng chưa nhận tiền, vật (thanh toán) (mua trả chịu) thì áp dụng điểm a khoản 1 Điều 41 BLHS (tương ứng với điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS 2015) để tịch thu ở bên mua với nghĩa là vật, tiền dùng vào việc phạm tội (phương tiện phạm tội) [5; tr. 105,106].

- *Vật chứng không có giá trị hoặc không sử dụng được thì bị tịch thu và tiêu hủy*

Quy định này giữ nguyên như quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 76 BLTTHS 2003. Theo đó, tất cả những vật chứng không được xử lý theo các quy định tại điểm a khoản 2 hoặc điểm b, c, d khoản 3 Điều 106 mà không có giá trị hoặc không sử dụng được thì sẽ bị tịch thu và tiêu hủy. Thực tiễn tố tụng bắt gặp khá nhiều vật chứng loại này, thông thường là các vật mang dấu vết tội phạm, vật là đối tượng của tội phạm, vật khác có giá trị chứng minh tội phạm và người phạm tội hoặc có ý nghĩa trong việc giải quyết vụ án, như: Chiếc mũ bảo hiểm đã vỡ của người bị hại trong vụ án Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ, chiếc áo của người phạm tội có vết máu của nạn nhân trong vụ án Giết người... Theo tác giả, một số vật chứng tuy có giá trị sử dụng ở một mục đích tiêu dùng nào đó, nhưng giá trị quy đổi thành tiền không đáng kể so với chi phí bảo quản, lưu giữ, thanh lý hóa giá theo quy định của pháp luật thì cũng được tịch thu và tiêu hủy, tránh trường hợp tuyên tịch thu nộp ngân sách một số vật chứng như con dao, cái búa, chiếc điện thoại đã cũ... gây khó khăn cho công tác thi hành án.

- *Trả lại ngay vật chứng cho chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp nếu xét thấy không ảnh hưởng đến việc xử lý vụ án và thi hành án*

Quy định này là sự kế thừa (có sửa đổi) quy định tại khoản 3 Điều 76 BLTTHS 2003. Khoản 3 Điều 76 chỉ đề cập đến việc trả lại các vật chứng thuộc trường hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều 76 - những vật chứng là vật, tiền bạc thuộc sở hữu của Nhà nước, tổ chức, cá nhân bị người phạm tội chiếm đoạt hoặc dùng làm công cụ, phương tiện phạm tội. Thực tiễn tố tụng cho thấy, nhiều trường hợp vật chứng không thuộc một trong các loại quy định tại điểm b khoản 2 Điều 76, cần phải trả lại cho chủ sở hữu mà không ảnh hưởng tới việc giải quyết vụ án, chẳng hạn: vật chứng là vật mang dấu vết tội phạm như phương tiện ô tô, mô tô trong vụ án tai nạn giao thông (sau khi đã khám nghiệm phương tiện để xác định thiệt hại, dấu vết tai nạn), tài sản đồ vật của bị can, bị cáo, người bị hại bị rơi ra hiện trường sau va chạm; hoặc tài sản là tư trang cá nhân, là phương tiện đi lại của người phạm tội trong vụ án cố ý gây thương tích... Rõ ràng, việc trả lại vật chứng trong các trường hợp này cho chủ sở hữu, người quản lý hợp pháp là thỏa đáng, nhưng áp

dụng khoản 3 Điều 76 lại không chuẩn xác về căn cứ pháp lý. Với sự điều chỉnh của BLTTHS 2015, quy định tại điểm b khoản 3 Điều 106 sẽ bao trùm được hết các trường hợp xử lý vật chứng bằng hình thức trả lại cho chủ sở hữu, người quản lý hợp pháp, khắc phục được bất cập của BLTTHS 2003.

Quy định trên là một trong những nội dung nhằm bảo hộ quyền sở hữu tài sản của công dân được ghi nhận tại Điều 32 Hiến pháp năm 2013 và Điều 169 BLDS 2005 (tương ứng Điều 163 BLDS năm 2015). Tuy nhiên, vấn đề xác định chủ sở hữu, người quản lý hợp pháp vật chứng theo trình tự, thủ tục ra sao chưa được BLTTHS quy định và hiện cũng chưa có hướng dẫn cụ thể của cơ quan có thẩm quyền. Trước kia, theo Quyết định số 1766/1998/QĐ-BTC và Quyết định số 29/2000/QĐ-BTC quy định về quy chế quản lý và xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu của Nhà nước (bao gồm cả tài sản do Tòa án ra quyết định tịch thu sung quỹ Nhà nước) thì, đối với bất động sản là sau 05 năm, đối với tài sản có giá trị lớn bị đánh rơi, bỏ quên (động sản) là sau 01 năm, kể từ ngày cơ quan chức năng thông báo tìm chủ sở hữu mà không có người đến nhận, thì tài sản đó sẽ thuộc sở hữu của Nhà nước. Căn cứ vào quy định này, khi giải quyết những vụ án có vật chứng là vật, tiền bạc không xác định được chủ sở hữu, người quản lý hợp pháp, thì tùy từng giai đoạn tố tụng mà cơ quan tiến hành tố tụng phải ra thông báo tìm kiếm chủ sở hữu, người quản lý hợp pháp tài sản. Hiện nay, việc xác định chủ sở hữu, người quản lý hợp pháp cũng như việc xác lập quyền sở hữu đối với những vật chứng này được các cơ quan tiến hành tố tụng thực hiện theo quy định của BLDS.

Một vấn đề đặt ra là, thời hạn tiến hành tố tụng ở mỗi vụ án đều khác nhau, nhưng thời hạn xác lập quyền sở hữu của Nhà nước đối với tài sản không tìm được chủ sở hữu, người quản lý hợp pháp lại cố định (thường là 06 tháng, 01 năm, 05 năm), bởi vậy, nếu đến ngày mở phiên tòa sơ thẩm mà thời hạn thông báo tìm kiếm chủ sở hữu, người quản lý hợp pháp chưa hết thì HĐXX xử lý ra sao? Tác giả đồng tình với quan điểm đề xuất hướng xử lý trước đây của tác giả Đỗ Văn Chính đề xuất khi áp dụng điểm b khoản 3 Điều 76 BLTTHS 2003 [12; tr. 17], cụ thể là:

+ Tình huống 01: Đến ngày mở phiên tòa, thời hạn thông báo tìm chủ sở hữu, người quản lý hợp pháp vật chứng đã hết và không tìm được chủ sở hữu, người

quản lý hợp pháp, HĐXX sẽ căn cứ vào điểm b khoản 3 Điều 76 BLTTTHS để tịch thu sung quỹ Nhà nước. (BLTTTHS hiện hành không quy định trường hợp không xác định được chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp thì xử lý như thế nào)

+ Tình huống 02: Đến ngày mở phiên tòa mà chưa hết thời hạn thông báo tìm chủ sở hữu, người quản lý hợp pháp vật chứng và chưa tìm được chủ sở hữu, người quản lý hợp pháp vật chứng, đây không phải là căn cứ để gia hạn thời gian tố tụng, Tòa án vẫn tiến hành mở phiên tòa, tuy nhiên trong bản án HĐXX không được tuyên bố tịch thu sung quỹ Nhà nước đối với vật chứng đó (vì chưa đủ thời hạn để xác lập quyền sở hữu Nhà nước đối với tài sản loại này). Trường hợp này tác giả Đỗ Văn Chính đề xuất: HĐXX ấn định một thời hạn mà thời hạn này cộng với thời gian đã thông báo trước đó đủ thời hạn làm căn cứ xác lập quyền sở hữu của Nhà nước theo quy định của BLDS, nếu không có người đến nhận thì vật chứng đó được tịch thu sung quỹ Nhà nước.

- Vật chứng thuộc loại mau hỏng hoặc khó bảo quản thì có thể được bán theo quy định của pháp luật; trường hợp không bán được thì tiêu hủy

Quy định này kế thừa (có bổ sung) quy định tại điểm d khoản 2 Điều 76 BLTTTHS 2003, nội dung bổ sung là xử lý trong trường hợp không bán được thì tiêu hủy. Vật chứng thuộc loại mau hỏng khó bảo quản có thể là các loại lương thực, thực phẩm, tài sản gần hết hạn sử dụng hoặc vật, tài sản cần phải được bảo quản theo một quy trình riêng biệt, nếu bảo quản tại kho vật chứng thông thường sẽ gặp khó khăn. Trong các trường hợp này, chủ thể có thẩm quyền xử lý vật chứng sẽ phối hợp với cơ quan hữu quan để bán đấu giá theo quy định của pháp luật. Số tiền thu được sau khi bán được nộp tại kho bạc hoặc cơ quan tài chính để tạm giữ.

Thực chất, việc xử lý vật chứng theo hình thức bán đấu giá không phải là cách xử lý triệt để, đây chỉ là biện pháp xử lý tạm thời nhằm tránh xảy ra thiệt hại đối với vật chứng hoặc ảnh hưởng tới môi trường. Trong giai đoạn xét xử, chủ thể có thẩm quyền của Tòa án sẽ căn cứ vào đặc điểm cụ thể của vật chứng được bán thuộc loại nào để đưa ra hướng xử lý đối với số tiền thu được từ việc bán đấu giá, có thể là tịch thu nộp ngân sách nhà nước hoặc trả lại cho chủ sở hữu, người quản lý hợp pháp, hoặc tạm giữ để khấu trừ khoản tiền phạt, bồi thường dân sự...

- Vật chứng là động vật hoang dã và thực vật ngoại lai thì ngay sau khi có kết luận giám định phải giao cho cơ quan quản lý chuyên ngành có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật

Đây là quy định hoàn mới so với Điều 76 BLTTHS 2003. Thực tiễn tố tụng cho thấy, trong một số vụ án về tội Vi phạm quy định về bảo vệ động vật thuộc danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ theo Điều 190 (tương ứng với Điều 244 BLHS 2015), tội Nhập khẩu, phát tán các loài ngoại lai xâm hại theo Điều 191a (tương ứng với Điều 246 BLHS 2015), tội Hủy hoại nguồn lợi thủy sản Điều 188 BLHS... các cơ quan chức năng đã thu giữ được một số động thực vật còn sống, tuy nhiên, nếu căn cứ vào các hướng xử lý được quy định tại Điều 76 BLTTHS thì lại không thể xử lý được. Tìm hiểu quy định tại Thông tư số 90/2008/TT-BNN của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn xử lý tang vật là động vật rừng sau khi tịch thu ở các vụ xử phạt vi phạm hành chính, có đưa ra hướng xử lý đối với động vật rừng còn sống như: “Thả lại nơi cư trú tự nhiên; trong trường hợp động vật rừng bị thương, ốm, yếu cần cứu hộ thì chuyển giao cho Trung tâm cứu hộ động vật; chuyển giao cho các cơ sở nghiên cứu khoa học (bao gồm cả cơ sở nghiên cứu nhân giống), giáo dục môi trường; bán cho các vườn thú, đơn vị biểu diễn nghệ thuật, cơ sở gây nuôi động vật hợp pháp; tiêu hủy các cá thể động vật rừng mang bệnh hoặc trong trường hợp không xử lý được bằng các biện pháp trên”[3]. Hướng dẫn trên được áp dụng trong xử lý các vụ việc vi phạm hành chính, tuy vậy tác giả nhận thấy, trong lĩnh vực tố tụng hình sự, hoàn toàn có thể áp dụng hướng xử lý này để xử lý các vật chứng là động vật hoang dã.

Vận dụng tương tự cách xử lý trong lĩnh vực hành chính, BLTTHS năm 2015 đã bổ sung quy định xử lý các vật chứng là động vật hoang dã, thực vật ngoại lai theo hướng ngay sau khi có kết luận giám định phải giao cho cơ quan quản lý chuyên ngành có thẩm quyền. Quy định như vậy là phù hợp, đảm bảo có sự bao quát trong các trường hợp khác nhau, không cần thiết phải đề ra cách xử lý cụ thể đối với từng loại động vật hoang dã, thực vật ngoại lai. Sau khi tiếp nhận các vật chứng này, việc xử lý theo hình thức cụ thể nào sẽ do cơ quan có chức năng thực hiện theo pháp luật chuyên ngành.

2.1.2.4. Quy định khác liên quan đến xử lý vật chứng trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự

- Việc trả lại đồ vật, tài liệu không phải là vật chứng

Điều a khoản 3 Điều 106 BLTTHS 2015 quy định “Trả lại ngay tài sản đã thu giữ, tạm giữ nhưng không phải là vật chứng cho chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp tài sản đó”. Đây là quy định mới so với quy định tại Điều 76 BLTTHS 2003. Quá trình tiến hành tố tụng ở giai đoạn đầu, cơ quan có thẩm quyền phải thu thập nhiều tài liệu, đồ vật để có cơ sở giải quyết vụ án, và có thể có sơ suất khi sàng lọc chứng cứ nên đã thu thập những đồ vật, tài sản không phải là vật chứng. Tuy nhiên, chỉ có vật chứng mới là nguồn của chứng cứ, có giá trị chứng minh trong vụ án hình sự, còn những đồ vật, tài sản không phải là vật chứng sẽ không có giá trị chứng minh trong vụ án. Với quy định nêu trên, trường hợp đã thu giữ, tạm giữ những đồ vật, tài sản không phải là vật chứng thì tùy thuộc vào từng giai đoạn tố tụng mà CQĐT, cơ quan được giao tiến hành một số hoạt động điều tra, VKS, Tòa án phải trả lại ngay cho chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp. Ở đây cần lưu ý, trong một số vụ án người phạm tội có thể bị tịch thu tài sản, bị buộc thực hiện nghĩa vụ bồi thường, các cơ quan tố tụng đã tạm giữ tài sản của người phạm tội (hoặc có thể kê biên tài sản, phong tỏa tài khoản) mặc dù tài sản này không phải là vật chứng nhưng cũng không trả lại cho người phạm tội vì họ có thể sẽ tẩu tán tài sản, gây khó khăn cho công tác thi hành án. Việc trả lại tài sản cho người phạm tội hay không trong trường hợp này, theo tác giả nên để HĐXX quyết định trong bản án.

- Việc thi hành quyết định xử lý vật chứng và giải quyết tranh chấp quyền sở hữu đối với vật chứng

+ Thi hành quyết định xử lý vật chứng: Theo khoản 1 Điều 133 BLTTHS 2015: “Khi tiến hành hoạt động tố tụng phải lập biên bản theo mẫu thống nhất”, xử lý vật chứng là một hoạt động tố tụng hình sự nên nó cũng phải tuân thủ quy định này. Cụ thể hóa nội dung trên, khoản 1 Điều 106 BLTTHS có quy định: “...Việc thi hành quyết định về xử lý vật chứng phải được ghi vào biên bản”.

Hiện nay, theo quy định của Luật THADS năm 2008, việc thi hành quyết định về xử lý vật chứng sau xét xử (khi bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật) do cơ

quan THADS thực hiện. Còn theo quy định tại khoản 1, 3 Điều 106 BLTTHS 2015, trường hợp xử lý vật chứng trước khi mở phiên tòa sẽ do Tòa án đã ra quyết định xử lý vật chứng tự mình thực hiện hoặc phối hợp với cơ quan hữu quan thực hiện.

+ Giải quyết tranh chấp về quyền sở hữu đối với vật chứng

Khoản 4 Điều 106 BLTTHS 2015 giữ nguyên như quy định tại khoản 4 Điều 76 BLTTHS 2003: “*Trường hợp có tranh chấp về quyền sở hữu đối với vật chứng thì giải quyết theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự*”. Giải quyết vấn đề này, trước đây cũng đã có hai quan điểm: Quan điểm thứ nhất cho rằng, tùy từng giai đoạn tố tụng, cơ quan nào đang thụ lý vụ án thì phải xác minh chủ sở hữu hợp pháp để trả lại vật chứng cho chủ sở hữu; quan điểm thứ hai cho rằng, giải quyết theo thủ tục tố tụng dân sự, tức là người liên quan phải khởi kiện bằng vụ án dân sự để tòa án giải quyết chứ không giải quyết chung với vụ án hình sự[32, tr.49].

Theo tác giả, quy định trên có nghĩa là, sau khi các chủ thể có thẩm quyền xử lý vật chứng theo các cách thức quy định tại khoản 2, 3 Điều 106 BLTTHS; hoặc khi vật chứng đang được tạm giữ, chưa được xử lý mà các bên liên quan phát sinh tranh chấp về quyền sở hữu đối với vật chứng, thì sẽ áp dụng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự để giải quyết. Vì vậy, tùy từng trường hợp mà xử lý như sau: Nếu đang trong quá trình giải quyết vụ án mà có tranh chấp, thì cơ quan tố tụng đang thụ lý vụ án cần yêu cầu người liên quan cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh quyền sở hữu đối với vật chứng. Trên cơ sở đó, chủ thể có thẩm quyền xử lý vật chứng trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp. Nếu sau khi vật chứng đã được xử lý mà phát sinh tranh chấp, thì người liên quan sẽ khởi kiện bằng vụ án dân sự, chứ không coi đây là căn cứ để khiếu nại giám đốc thẩm đối với bản án, quyết định của Tòa án về phần xử lý vật chứng, có như vậy mới đảm bảo được tính ổn định của bản án, quyết định hình sự; mặt khác, tạo điều kiện cho các bên liên quan có đủ thời gian, điều kiện để bảo vệ quyền lợi của mình trong vụ kiện dân sự./.

- Phân biệt biện pháp tư pháp tịch thu vật, tiền trực tiếp liên quan đến tội phạm và biện pháp xử lý vật chứng

Trong quá trình giải quyết VAHS, việc xử lý vật chứng có thể được tiến hành ở

giai đoạn điều tra, truy tố hoặc xét xử (trước khi mở phiên toà và tại phiên toà). Tuy nhiên, trong thực tiễn có sự không thống nhất trong việc áp dụng pháp luật về xử lý vật chứng. Điều này thể hiện ở việc khi xử lý vật chứng, đôi khi cơ quan có thẩm quyền không chỉ áp dụng Điều 76 BLTTHS 2003 (tương ứng Điều 106 BLTTHS 2015) mà còn áp dụng Điều 41 BLHS 199 (tương ứng Điều 47 BLHS 2015), tức là áp dụng biện pháp tư pháp thay cho việc xử lý vật chứng hoặc ngược lại. Điều 47 BLHS 2015 quy định về biện pháp tư pháp và có một số nội dung tương tự như Điều 106 BLTTHS 2015 quy định về xử lý vật chứng. Cụ thể:

Hình thức xử lý	Điều 47 BLHS	Khoản 2, 3 Điều 106 BLTTHS
Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước	<ul style="list-style-type: none"> - Công cụ, phương tiện dùng vào việc phạm tội; - Vật hoặc tiền do phạm tội hoặc do mua bán, đổi chác những thứ ấy mà có; khoản thu lợi bất chính từ việc phạm tội; - Vật thuộc loại Nhà nước cấm tàng trữ, cấm lưu hành. - Vật, tiền là tài sản của người khác nếu người này có lỗi trong 	<ul style="list-style-type: none"> - Vật chứng là công cụ, phương tiện phạm tội, vật cấm tàng trữ, lưu hành - Vật chứng là tiền bạc hoặc tài sản do phạm tội mà có thì bị tịch thu, nộp ngân sách nhà nước;
Tịch thu tiêu hủy	<ul style="list-style-type: none"> - Công cụ, phương tiện dùng vào việc phạm tội; - Vật hoặc tiền do phạm tội hoặc do mua bán, đổi chác những thứ ấy mà có; khoản thu lợi bất chính từ việc phạm tội; - Vật thuộc loại Nhà nước cấm tàng trữ, cấm lưu hành 	<ul style="list-style-type: none"> - Vật chứng là công cụ, phương tiện phạm tội, vật cấm tàng trữ, lưu hành - Vật chứng không có giá trị hoặc không sử dụng được - Vật chứng thuộc loại mau hỏng hoặc khó bảo quản (trong trường hợp không bán được
Trả lại cho chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp	<ul style="list-style-type: none"> - Vật, tiền bị người phạm tội chiếm đoạt hoặc sử dụng trái phép 	<ul style="list-style-type: none"> - Tài sản đã thu giữ, tạm giữ nhưng không phải là vật chứng - Nếu xét thấy không ảnh hưởng đến việc xử lý vụ án và thi hành án;
Bán theo quy định của pháp luật	Không quy định	Vật chứng thuộc loại mau hỏng hoặc khó bảo quản
Giao cho cơ quan chuyên ngành có thẩm quyền	Không quy định	Vật chứng là động vật hoang dã và thực vật ngoại lai

Qua so sánh Điều 47 BLHS và khoản 2, 3 Điều 106 BLTTHS cho thấy quy định về biện pháp tư pháp và quy định về xử lý vật chứng thuộc hai ngành luật khác nhau, vì vậy không thể đồng nhất về nội dung, phạm vi áp dụng, thẩm quyền áp dụng và thủ tục áp dụng trong quy định ở hai điều luật này. Điều 47 BLHS là luật về nội dung, chỉ quy định về việc tịch thu và trả lại vật, tiền trực tiếp liên quan đến tội phạm được quy định trong BLHS, còn khoản 2, 3 Điều 76 BLTTHS là luật hình thức quy định về xử lý vật chứng với những biện pháp xử lý khác nhau và có nội dung rộng hơn so với Điều 47 BLHS.

Điều 47 BLHS chỉ quy định ba hình thức xử lý là tịch thu nộp ngân sách nhà nước, tịch thu tiêu hủy và trả lại cho chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp, còn Điều 106 BLTTHS quy định thêm hai biện pháp là bán theo quy định của pháp luật và giao cho cơ quan chuyên ngành có thẩm quyền.

Điều 47 BLHS quy định về biện pháp tư pháp nên việc tịch thu và trả lại vật, tiền trực tiếp liên quan đến tội phạm chỉ được áp dụng khi vụ án được xét xử tại phiên toà sơ thẩm hoặc phúc thẩm, tức là do hội đồng xét xử quyết định; còn việc xử lý vật chứng không chỉ được tiến hành tại phiên toà mà còn có thể được tiến hành trước khi mở phiên toà như trong giai đoạn điều tra, truy tố và trong giai đoạn chuẩn bị xét xử VAHS. Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, thẩm quyền xử lý vật chứng thuộc về chánh án, phó chánh án toà án. Tại phiên toà, thẩm quyền xử lý vật chứng thuộc về hội đồng xét xử. Như vậy, ngoài khác nhau về hình thức xử lý thì Điều 47 BLHS và Điều 106 BLTTHS còn khác nhau về phạm vi áp dụng, thẩm quyền, thủ tục và hình thức của văn bản áp dụng, cụ thể như sau:

Quy định về	Điều 47 BLHS	Điều 106 BLTTHS
Phạm vi	Giai đoạn xét xử	- Giai đoạn điều tra; - Giai đoạn truy tố; - Giai đoạn xét xử.
Thẩm quyền	- Hội đồng xét xử sơ thẩm; - Hội đồng xét xử phúc thẩm.	- Thủ trưởng, phó thủ trưởng CQĐT; - Viện trưởng, phó viện trưởng VKS; - Chánh án, phó chánh án toà án; - Hội đồng xét xử sơ thẩm; - Hội đồng xét xử phúc thẩm.
Thủ tục và hình thức văn bản	- Quyết định trong bản án sơ thẩm hoặc phúc thẩm	- Quyết định riêng về xử lý vật chứng; - Quyết định trong bản án sơ thẩm hoặc phúc thẩm
Điều kiện áp dụng	Tài sản bị xử lý có thể thu thập được hoặc không thu thập được	Tài sản bị xử lý phải được thu thập, bảo quản theo đúng trình tự, thủ tục do BLTTHS quy định

Như vậy, bản chất, điều kiện áp dụng, hình thức áp dụng... giữa biện pháp tư pháp với xử lý vật chứng liên quan đến tài sản cần xử lý là khác nhau. Trong đó, với vai trò là biện pháp hỗ trợ hình phạt, việc xem xét áp dụng biện pháp tư pháp có thể áp dụng đối với đối tượng được xác định là vật chứng của vụ án cũng có thể không phải là vật chứng của vụ án. Trong khi đó, điều tiên quyết khi áp dụng các quy định về xử lý vật chứng thì tài sản bị xử lý phải là vật chứng của vụ án. Cho nên khi đã xác định một vật là vật chứng thì bắt buộc phải áp dụng các quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 106 BLTTHS để xử lý. Việc cơ quan tiến hành tố tụng có áp dụng thêm quy định tại Điều 47 BLHS hay không tùy theo đánh giá của cơ quan tiến hành tố tụng. Nếu vật chứng là đối tượng xử lý theo khoản 2 Điều 106 BLTTHS đồng thời là tài sản thuộc đối tượng áp dụng biện pháp tư pháp quy định tại Điều 47 BLHS thì áp dụng đồng thời cả hai quy định trên để xử lý.

Cũng cần lưu ý rằng, việc tịch thu nộp ngân sách nhà nước được áp dụng đối với: Công cụ, phương tiện dùng vào việc phạm tội; Vật hoặc tiền do phạm tội hoặc do mua bán, đổi chác những thứ ấy mà có; Vật thuộc loại Nhà nước cấm tàng trữ, cấm lưu hành, là biện pháp tư pháp chỉ do HĐXX xét xử vụ án áp dụng và không có trường hợp ngoại lệ. Trong vụ án có giải quyết vấn đề tịch thu tiền, vật liên quan

đến tội phạm theo quy định tại Điều 47 BLHS và Điều 106 BLTTHS, cần chú ý thêm một số trường hợp sau: Tịch thu nộp ngân sách nhà nước theo quy định tại khoản 1 Điều 47 BLHS và khoản 2 Điều 106 BLTTHS, khi tiền, tài sản thu hồi được; Tịch thu nộp ngân sách nhà nước theo quy định tại khoản 1 Điều 47 BLHS, khi tiền, tài sản không thu hồi được;

2.2. Thực tiễn xử lý vật chứng trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự tại các Tòa án quân sự

2.2.1. Những kết quả đạt được

Qua hơn 15 năm thi hành, BLTTHS năm 2003 trở thành một trong những công cụ đắc lực được các cơ quan tư pháp sử dụng hiệu quả vào công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm, qua đó kịp thời bảo vệ lợi ích Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân, bảo vệ pháp chế XHCN. Đối với việc thực hiện quy định về xử lý vật chứng trong giai đoạn xét xử sơ thẩm, nhìn chung được các TAQS áp dụng đúng quy định của BLTTHS, BLHS, TTLT số 06/1998/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTC-BTP và các văn bản hướng dẫn của ngành. Hoạt động xử lý vật chứng được quan tâm đúng mức, việc xử lý đảm bảo nhanh chóng, kịp thời, đúng thẩm quyền, đúng trình tự, thủ tục, đúng căn cứ pháp lý. Một số trường hợp có sai sót trong việc xử lý vật chứng dẫn tới phải sửa án diễn ra không nhiều, không mang tính phổ biến trong thực tiễn xét xử của các TAQS.

Đánh giá về hiệu quả của hoạt động này, tác giả cho rằng, xử lý vật chứng trong giai đoạn xét xử sơ thẩm, và nhất là việc xử lý tại phiên tòa, được quyết định trong bản án hình sự đã góp phần không nhỏ trong việc làm tăng cường tính nghiêm khắc của các chế tài hình sự đối với người phạm tội cũng như các đối tượng khác liên quan đến vụ án. Đồng thời, xử lý vật chứng cũng bảo vệ, làm gia tăng lợi ích vật chất cho Nhà nước, xã hội; bảo vệ lợi ích vật chất và giải quyết kịp thời nguyện vọng của người tham gia tố tụng bị hành vi phạm tội xâm hại.

2.2.2. Những hạn chế, vướng mắc trong xử lý vật chứng và nguyên nhân

Qua nghiên cứu, phân tích một số báo cáo tổng kết công tác, thông báo kiểm tra án của TAQSTW và một số bản án hình sự sơ thẩm, các bài viết trao đổi nghiệp vụ

trên các tạp chí khoa học, từ thực tiễn xét xử tại cơ quan thời gian qua, tác giả nhận thấy, bên cạnh những kết quả đạt được như trên đã nêu, quá trình xử lý vật chứng nói chung và xử lý vật chứng trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự nói riêng cũng xuất hiện một số hạn chế, vướng mắc, ảnh hưởng không nhỏ đến chất lượng giải quyết án cũng như giá trị pháp lý của bản án, quyết định của Tòa án.

* Số liệu thống kê các bản án có sai sót, hạn chế nói chung và các bản án có sai sót, hạn chế về xử lý vật chứng (XLVC) được TAQSTW chỉ ra trong thông báo kiểm tra án từ năm 2008 - 2017:

Năm	Số bản án có sai sót	Số bản án có sai sót về XLVC	Tỉ lệ bản án sai sót về XLVC với tổng số bản án có sai sót (%)
2008	102	10	9,80
2009	152	06	3,95
2010	100	07	07
2011	139	23	16,54
2012	74	15	20
2013	72	08	11,11
2014	41	01	2,44
2015	25	02	8,0
2016	41	03	7,32
2017	54	07	13
Tổng	800	82	10,25

Bảng 2.1: Số liệu thống kê sai sót về xử lý vật chứng của các TAQS giai đoạn 2008 - 2017

Phân tích số liệu trên cho thấy, tình trạng sai sót về xử lý vật chứng diễn ra trong suốt giai đoạn nghiên cứu 2008 - 2017 (năm nào cũng có). Tuy vậy, tỉ lệ bản án có sai sót, hạn chế về xử lý vật chứng so với tổng số các bản án có sai sót, hạn chế tương đối thấp (bình quân khoảng 10%). Giai đoạn 2011 - 2012 tỉ lệ này tăng lên đáng kể, điều này tiềm ẩn nguy cơ gia tăng sai sót, hạn chế trong công tác giải quyết án của các TAQS. Vì thế, năm 2012, TAQSTW đã tổ chức hội nghị tập huấn nghiệp vụ với chuyên đề: “*Kỹ năng áp dụng các quy định của pháp luật về tịch thu, bồi thường và xử lý vật chứng trong xét xử các vụ án hình sự*”, nhờ đó năm 2013 tỉ lệ bản án có sai sót về xử lý vật chứng đã giảm đi đáng kể so với giai đoạn 2011 - 2012, nhưng vẫn cao hơn so với giai đoạn 2008 - 2010. Từ năm 2014 -2016 tỷ lệ

này lại giảm xuống đáng kể. Năm 2017 tỷ lệ này có tăng, tuy nhiên qua nghiên cứu tác giả thấy nhưng sai sót dẫn đến tới phải sửa án diễn ra rất ít.

Tác giả cũng thấy rằng, để có cái nhìn đa chiều, toàn diện trong khi nghiên cứu vấn đề xử lý vật chứng vụ án hình sự, một số hạn chế, vướng mắc tác giả đề cập dưới đây, có những nội dung xuất phát từ thực tiễn áp dụng pháp luật, nhưng cũng có nội dung thu được từ quá trình nghiên cứu pháp luật thực định.

2.2.2.1. Xử lý vật chứng mà không có căn cứ pháp lý

Để bảo đảm nguyên tắc pháp chế trong hoạt động tố tụng, một yêu cầu đặt ra trong quá trình xử lý vật chứng là, tất cả các trường hợp xử lý đều phải có căn cứ pháp luật. Tuy nhiên, thực tiễn tố tụng bắt gặp nhiều vụ án có những vật chứng chưa được BLTTHS đưa ra hướng xử lý, bởi vậy, khi viện dẫn căn cứ pháp lý để xử lý các vật chứng này, chủ thể có thẩm quyền phải tự vận dụng một cách linh hoạt xem căn cứ xử lý nào có thể bao quát được vật chứng cần được xử lý và áp dụng căn cứ đó, tuy nhiên cũng có trường hợp không tìm thấy căn cứ nào phù hợp [56], cụ thể là:

- *Một số vật chứng là “vật mang dấu vết tội phạm” nhưng không xử lý được theo các cách quy định tại Điều 76 BLTTHS: Theo quy định tại Điều 74 BLTTHS mà tác giả đã trích dẫn ở trên, vật mang dấu vết tội phạm là một loại vật chứng, có giá trị chứng minh trong vụ án hình sự, trong số những căn cứ xử lý vật chứng quy định tại khoản 2 Điều 76 BLTTHS, có trường hợp có thể áp dụng để xử lý vật chứng là vật mang dấu vết tội phạm, nhưng cũng có trường hợp không tìm được căn cứ nào phù hợp để xử lý. Ví dụ: “Nguyễn Văn Kh điều khiển xe ô tô chở khách, khi vào cua, gặp xe mô tô của H đi ngược chiều với tốc độ cao. Do Kh không kịp xử lý nên gây tai nạn làm H chết tại chỗ, xe mô tô hư hỏng nặng, xe ô tô hư hỏng nhẹ. Do những dấu vết va chạm trên xe ô tô là những chứng cứ quan trọng để xác định lỗi của người lái xe nên chiếc xe được thu giữ làm vật chứng. Khi xử lý vật chứng, các thành viên HĐXX có ý kiến khác nhau trong việc áp dụng điểm, khoản nào của Điều 76 BLTTHS để xử lý, vì chiếc xe ô tô không phải là công cụ, phương tiện phạm tội, vật cầm lưu hành, không phải là tài sản của người khác bị người phạm tội chiếm đoạt hay sử dụng trái phép, không phải là hàng hóa mau hỏng hoặc khó bảo*

quản và cũng không phải là vật không có giá trị hoặc không sử dụng được. Cuối cùng HĐXX chỉ áp dụng điều luật chung chung là khoản 2 Điều 76 BLTTHS tuyên trả chiếc xe ô tô cho gia đình bị cáo Kh”.[52, tr.22]

Tác giả cho rằng, việc trả lại chiếc xe ô tô cho bị cáo Kh trong vụ án trên là phù hợp, nhưng việc HĐXX viện dẫn khoản 2 Điều 76 BLTTHS là chưa xác đáng và thiếu tính thuyết phục. Thực tiễn giải quyết các vụ án vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ bắt gặp khá nhiều tình huống như ví dụ vừa nêu. Đa phần CQĐT, VKS trả lại phương tiện liên quan đến tai nạn giao thông cho chủ sở hữu, người quản lý hợp pháp trước khi chuyển hồ sơ vụ án sang Tòa. Tuy nhiên, dù Tòa án hay CQĐT, VKS xử lý dưới hình thức trả lại cho chủ sở hữu, người quản lý hợp pháp thì lại không có căn cứ pháp lý bởi nếu viện dẫn Điều 76 BLTTHS sẽ không phù hợp.

- Tương tự như trên là một số trường hợp xử lý vật chứng là vật khác có giá trị chứng minh tội phạm và người phạm tội: Chẳng hạn, vật chứng là giấy đăng ký kinh doanh, đăng ký doanh nghiệp, đăng ký phương tiện giao thông, bằng lái xe, giấy chứng minh nhân dân, giấy chứng minh quân nhân, công an, hộ chiếu, giấy chứng nhận huân, huy chương, thẻ thương binh,... cũng chưa có căn cứ để xử lý. Theo tinh thần của Công văn số 81/2002/TANDTC hướng dẫn thực hiện Điều 58 BLTTHS năm 1988 (tương ứng với Điều 76 BLTTHS năm 2003), những vật chứng này, tùy từng trường hợp cụ thể mà Tòa án có thể trả lại hoặc tịch thu hoặc tạm giữ lại. Chẳng hạn: nếu trong bản án không có quyết định của Tòa án có liên quan trực tiếp đến việc sử dụng các giấy tờ, tài liệu này và các giấy tờ, tài liệu này là cần thiết trong cuộc sống và sinh hoạt của người bị kết án hoặc của thân nhân người bị kết án, thì Tòa án trả lại cho họ (chứng minh thư, chứng minh quân nhân, chứng nhận huy chương...); nếu trong bản án có quyết định của Tòa án có liên quan trực tiếp đến việc họ được tiếp tục sử dụng các giấy tờ, tài liệu này, thì Tòa án trả lại cho họ; nếu trong bản án có quyết định của Tòa án có liên quan trực tiếp đến việc không được tiếp tục sử dụng các giấy tờ, tài liệu này thì không trả lại cho họ (Tòa án tịch thu chiếc xe của người phạm tội thì không trả lại giấy đăng ký xe đó cho họ; Tòa án tuyên phạt cấm hành nghề lái xe thì không trả lại giấy phép lái xe cho họ, tuy nhiên,

sau khi hết thời hạn cấm mà giấy phép lái xe này vẫn có giá trị sử dụng thì Tòa án trả lại cho họ)[37].

Như vậy, hướng xử lý đối với những vật chứng thuộc loại này đã rõ, tuy nhiên, khi thực hiện thì Tòa án cần viện dẫn căn cứ pháp lý cụ thể nào lại là một vướng mắc được đặt ra. Đối với ngành TAQS, theo hướng dẫn của TAQSTW, trường hợp này, trong bản án chỉ cần tuyên trả lại cho chủ sở hữu mà không nêu căn cứ áp dụng (vì không tìm thấy điều luật nào phù hợp)[51].

Thiết nghĩ, việc xử lý như hướng dẫn của TAQSTW là hợp lý, tuy nhiên điều này lại chưa đáp ứng được tính có căn cứ pháp lý trong quyết định xử lý vật chứng của Tòa án. Để khắc phục những bất cập này BLTTHS 2015 đã sửa đổi, bổ sung bằng quy định tại điểm b khoản 3 Điều 106 “Trả lại ngay vật chứng cho chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp nếu xét thấy không ảnh hưởng đến việc xử lý vụ án và thi hành án”

2.2.2.2. Có những hạn chế, sai sót trong việc viện dẫn căn cứ pháp lý khi xử lý vật chứng

- *Xử lý vật chứng đúng hướng nhưng sai về viện dẫn căn cứ pháp lý:* Đây là trường hợp sai về hình thức, lẽ ra phải viện dẫn căn cứ này để xử lý nhưng lại viện dẫn căn cứ khác, một số ví dụ:

+ *Bản án số 04/2010/HSST xét xử Nguyễn Hoài Khánh phạm tội cướp giật tài sản. CQĐT thu giữ vật chứng gồm 01 nắp sau và 01 cục pin điện thoại Motorola L6 là tài sản của người bị hại. Trong phần quyết định của bản án, về xử lý vật chứng, HĐXX áp dụng khoản 2 Điều 41, điểm b, đ khoản 2 Điều 76 BLTTHS tịch thu tiêu hủy 01 nắp sau và 01 cục pin điện thoại Motorola L6 [43]. Ở vụ này, vật chứng được xác định không còn giá trị sử dụng nên chỉ cần áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 76 BLTTHS tịch thu tiêu hủy mới phù hợp.*

- *Không viện dẫn căn cứ pháp lý hoặc có viện dẫn nhưng không đầy đủ:* Đây là hạn chế thường gặp nhất trong hoạt động xử lý vật chứng của Tòa án, trường hợp này tuy có xử lý vật chứng nhưng hoàn toàn không nêu căn cứ xử lý, hoặc có nêu nhưng nêu thiếu, không nêu rõ điểm, khoản, điều nào của BLTTHS, BLHS, ví dụ:

+ *Bản án số 06/2009/HSST xét xử Nguyễn Đình Hải về tội “Phá hủy công trình quan trọng về an ninh quốc gia”*. Cơ quan tiến hành tố tụng thu giữ được chiếc xe mô tô mà bị cáo dùng làm phương tiện phạm tội (vận chuyển tài sản chiếm đoạt được), trong phần quyết định của bản án, về xử lý vật chứng, HĐXX tuyên: “Tịch thu sung quỹ Nhà nước chiếc xe mô tô mà các bị cáo dùng làm phương tiện phạm tội” [44]. Tuy nhiên, trường hợp này cần viện dẫn căn cứ pháp lý để xử lý: “Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 41 BLHS, điểm a khoản 2 Điều 76 BLTTHS tịch thu sung quỹ Nhà nước chiếc xe mô tô...” mới đầy đủ, đúng quy định của pháp luật.

+ *Bản án số 04/2013/HSST xét xử Trần Trung Kiên phạm tội “Cướp tài sản”*. CQĐT thu giữ được 01 chiếc điện thoại di động Nokia 1280 là tài sản bị cáo chiếm đoạt của người bị hại. Tại phần xử lý vật chứng, HĐXX áp dụng điểm b khoản 2 Điều 76 BLTTHS trả lại chiếc điện thoại Nokia 1280 cho người bị hại. Trường hợp này cần áp dụng thêm khoản 2 Điều 41 BLHS mới đầy đủ [46].

2.2.2.3. Việc xử lý vật chứng thiếu thống nhất, có sự lúng túng, vướng mắc

- *Trường hợp chủ sở hữu, người quản lý hợp pháp không nhận lại vật chứng*: Trường hợp vật chứng là tài sản thuộc sở hữu của Nhà nước, cá nhân, tổ chức bị người phạm tội chiếm đoạt hoặc dùng làm công cụ, phương tiện phạm tội (thuộc điểm b khoản 2 Điều 76 BLTTHS), mặc dù cơ quan tiến hành tố tụng đã xác định được rõ chủ sở hữu, người quản lý hợp pháp, nhưng họ lại không có nhu cầu nhận lại những tài sản này thì giải quyết ra sao? Nếu vật chứng đó được sử dụng làm công cụ, phương tiện phạm tội, vật cấm lưu hành thì có thể áp dụng điểm a, c khoản 1 Điều 41 BLHS và điểm a khoản 2 Điều 76 BLTTHS để tịch thu sung quỹ Nhà nước hoặc chỉ áp dụng điểm a khoản 2 Điều 76 BLTTHS để tịch thu tiêu hủy; nếu vật chứng đó là vật không có giá trị hoặc không sử dụng được thì áp dụng điểm d khoản 2 Điều 76 BLTTHS để tịch thu tiêu hủy.

Tuy nhiên, nếu vật chứng cũng thuộc trường hợp trên, có giá trị và chủ sở hữu, người quản lý hợp pháp không có nhu cầu nhận lại, nhưng không xử lý được theo các cách thức vừa nêu, thì căn cứ vào đâu để xử lý? Có ý kiến cho rằng, trường hợp này coi như không xác định được chủ sở hữu, người quản lý hợp pháp, do đó, cần

áp dụng điểm b khoản 2 Điều 76 BLTTHS để tịch thu sung quỹ Nhà nước, nhiều bản án thể hiện rõ hướng xử lý này, một ví dụ: *Bản án số 02/2008/HSST xét xử Nguyễn Văn Hùng phạm tội “Trộm cắp tài sản”*. *CQĐT thu giữ được 270m cước, 56m dây điện mà bị cáo chiếm đoạt được của người bị hại. Do người bị hại không có yêu cầu nhận lại nên trong phần quyết định của bản án, về xử lý vật chứng, HĐXX áp dụng điểm b khoản 2 Điều 76 BLTTHS tịch thu sung quỹ Nhà nước số vật chứng này. Theo thông báo kiểm tra án của TAQSTW, trường hợp này cần áp dụng điểm c khoản 2 Điều 76 BLTTHS để xử lý mới chính xác.*[45]

+ *Bản án số 09/2016/HSST xét xử Bùi Trung Điệp và Bùi Văn Đức phạm tội “Phá hủy công trình quan trọng về an ninh quốc gia”*. *CQĐT thu giữ được 01 đoạn dây tiếp địa loại M35 dài 06 mét, 01 đoạn dây tiếp địa M35 dài 32 mét. Chi nhánh Viettel không đề nghị các bị cáo bồi thường cũng không có yêu cầu nhận lại số tài sản trên nên trong phần quyết định của bản án, về xử lý vật chứng, HĐXX áp dụng điểm b Khoản 1 Điều 41 BLHS tịch thu sung công quỹ Nhà nước 01 đoạn dây tiếp địa loại M35 dài 06 mét, 01 đoạn dây tiếp địa M35 dài 32 mét... Theo thông báo kiểm tra án của TAQSTW, tuy nhiên như trên là thiếu trường hợp này cần áp dụng cả điểm c khoản 2 Điều 76 BLTTHS để xử lý mới chính xác* [47]

- *Trường hợp vật chứng là tài sản có giá trị bị người phạm tội chiếm đoạt, sử dụng trái phép, bị người phạm tội cố ý làm hư hỏng, hủy hoại..., nhưng người phạm tội đã bồi thường đầy đủ cho chủ sở hữu, người quản lý hợp pháp (bồi thường bằng tiền mặt ngang giá trị ban đầu của tài sản hoặc đã mua tài sản mới thay thế thế):*

Giải quyết vấn đề trên có nhiều quan điểm: Quan điểm thứ nhất cho rằng vấn đề tài sản thuộc khía cạnh dân sự, cần phải tôn trọng sự thỏa thuận của các bên. Nếu bị cáo đã bồi thường đầy đủ thiệt hại thì cần trả lại tài sản đó cho bị cáo mà không tịch thu sung quỹ Nhà nước. Quan điểm thứ hai cho rằng mặc dù bị cáo đã bồi thường xong nhưng vẫn phải trả lại vật chứng đó cho chủ sở hữu, người quản lý hợp pháp. Trong khi đó quan điểm thứ ba đề xuất cần áp dụng điểm b khoản 1 Điều 41 BLHS và điểm c khoản 2 Điều 76 BLTTHS tịch thu sung quỹ Nhà nước vì đây là tài sản do phạm tội mà có [53, tr. 33,34]

Tác giả thiết nghĩ, quan điểm cho rằng mặc dù bị cáo đã bồi thường nhưng vẫn phải trả lại vật chứng đó cho chủ sở hữu, người quản lý hợp pháp khó có cơ sở để chấp nhận. Bởi lẽ, bản chất và nguyên tắc của việc bồi thường thiệt hại vật chất ngoài hợp đồng là bù đắp toàn bộ tổn thất vật chất thực tế đã xảy ra. Hơn nữa, biện pháp tư pháp quy định tại khoản 2 Điều 41 BLHS (vật, tiền bị người phạm tội chiếm đoạt hoặc sử dụng trái phép, thì không tịch thu mà trả lại cho chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp) là quy định mang tính nguyên tắc, được áp dụng khi người phạm tội chưa thực hiện việc trả lại tài sản đã chiếm đoạt, thì Tòa án sẽ buộc họ phải thực hiện. Nhưng khi người phạm tội đã trả lại tài sản cho chủ sở hữu, người quản lý hợp pháp, kể cả việc trả lại được thực hiện bằng hình thức trả tài sản mới hoặc bằng tiền mặt ngang giá, thì Tòa án không tiếp tục buộc họ phải trả tiếp, mà cần phải ghi nhận sự thỏa thuận này.

Thực tiễn xử lý vật chứng thuộc trường hợp này đối với các TAQS, theo hướng dẫn của TAQSTW tại Công văn số 350/TA-NCTH ngày 25/7/2008 và tài liệu tập huấn năm 2012 thì cần tuyên trả lại cho chủ sở hữu, người quản lý hợp pháp, sau đó bị cáo và chủ sở hữu, người quản lý hợp pháp sẽ thỏa thuận về việc dịch chuyển tài sản. Ví dụ: *Bản án số 01/2007/HSST xét xử Lê Hoàng Nhật Thanh phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Bị cáo chiếm đoạt được chiếc xe mô tô của người bị hại và bán đi lấy tiền tiêu xài. Quá trình giải quyết vụ án, do chưa tìm được chiếc xe nên bố bị cáo đã bồi thường giá trị chiếc xe cho người bị hại là 5.700.000đ, người bị hại đã nhận đủ số tiền. Sau đó CQĐT tìm lại được chiếc xe, nhưng hai bên vẫn thống nhất người bị hại đã nhận đủ tiền nên không lấy lại xe nữa, còn chiếc xe bố bị cáo sẽ nhận về. Tại phần quyết định của bản án, về xử lý vật chứng, HĐXX đã tuyên trả chiếc xe mô tô cho bố bị cáo.* Tuy nhiên, hướng dẫn của TAQSTW trường hợp này phải tuyên trả lại cho người bị hại, sau đó giữa bị cáo và bị hại thỏa thuận việc dịch chuyển chiếc xe [51].

Đối với việc xử lý vật chứng trong vụ án trên, tác giả nhận thấy, trên thực tế, cuối cùng thì chiếc xe sẽ được trả lại cho bị cáo và gia đình (vì đã bồi thường xong toàn bộ thiệt hại cho người bị hại). Vì vậy, để tránh lòng vòng trong việc chuyển giao tài sản giữa người tham gia tố tụng, qua đó hạn chế những tranh chấp không

đáng có, trường hợp này cần tuyên ngay trong bản án là trả lại chiếc xe cho bị cáo (nếu tuyên trả lại cho chủ sở hữu thì họ nghĩ rằng ngoài việc nhận được số tiền bồi thường toàn bộ chiếc xe họ còn được nhận thêm cả chiếc xe). Tuy nhiên, trường hợp này có có vướng mắc là không tìm thấy căn cứ pháp lý nào phù hợp để trả lại tài sản cho bị cáo?

- *Một số hạn chế, vướng mắc trong việc xử lý vật chứng là vật cấm lưu hành*

+ *Xác định thế nào là vật cấm lưu hành:* Mặc dù BLHS và BLTTHS đều đề cập tới khái niệm vật cấm lưu hành (vật thuộc loại Nhà nước cấm lưu hành) nhưng vấn đề này hiện chưa có văn bản của cơ quan có thẩm quyền hướng dẫn cụ thể. Hiện có nhiều quan điểm khác nhau về vật cấm lưu hành, có quan điểm theo nghĩa hẹp, có quan điểm theo nghĩa rộng. Quan điểm theo nghĩa hẹp, “vật cấm lưu hành” bao gồm các đồ vật là đối tượng của tội phạm quy định tại các điều 193, 194, 195, 196, 230, 232, 233, 236 và 238 BLHS[5, tr.103,104]. Tác giả cho rằng cần hiểu khái niệm vật cấm lưu hành theo nghĩa rộng, bao gồm: vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ (được quy định tại Luật quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ); các loại hàng cấm (gồm hàng hóa cấm kinh doanh; hàng hóa cấm lưu hành, sử dụng; hàng hóa chưa được phép lưu hành, sử dụng tại Việt Nam. Riêng hàng hóa cấm kinh doanh (quy định tại Nghị định 59/2006/NĐ-CP và Nghị định 43/2009/NĐ-CP)[8],[9]; một số loại hàng giả, hàng lậu (quy định tại Nghị định 185/2013/NĐ-CP và Nghị định 124/2015/NĐ-CP)[10],[11]; các loại tiền giả, giấy tờ có giá giả, văn bằng, chứng chỉ, chứng nhận giả... Tuy nhiên, để đảm bảo có sự nhận thức, áp dụng pháp luật được thống nhất, vấn đề này cũng phải được cơ quan có thẩm quyền chính thức giải thích. Trong khi chưa có hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền, tùy từng trường hợp cụ thể mà người có thẩm quyền xử lý vật chứng của Tòa án tự mình xem xét, đối chiếu với các quy định của pháp luật có liên quan hoặc có thể hỏi ý kiến của cơ quan chuyên môn đối với vật chứng nghi vấn đó, từ đó đưa ra hướng xử lý thích hợp.

+ *Xử lý vật chứng là vật cấm lưu hành,* trường hợp nào thì tịch tiêu hủy, trường hợp nào thì tịch thu sung quỹ Nhà nước, căn cứ vào tiêu chí, quy định nào: Theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 41 BLHS 1999 và điểm a khoản 2 Điều 76

BLTTHS 2003 thì có 02 hướng xử lý vật chứng là vật cấm lưu hành: tịch thu sung quỹ Nhà nước và tịch thu tiêu hủy. Thông thường, hình thức tiêu hủy áp dụng đối với loại vật chứng không có giá trị hoặc không sử dụng được (cũng có thể áp dụng đối với vật chứng có giá trị không đáng kể so với chi phí thanh lý, hóa giá); còn sung quỹ Nhà nước áp dụng đối với vật có giá trị, có tính năng, công dụng ở một mục đích nào đó. Tuy nhiên, nhiều trường hợp vật chứng là vật cấm lưu hành dù có giá trị nhưng có thể vẫn bị tiêu hủy theo quy định của pháp luật chuyên ngành. Ví dụ vật chứng ở vụ án xâm phạm quyền tác giả, quyền liên quan (225 BLHS 2015), vụ án xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp (Điều 226 BLHS 2015), việc xử lý vật chứng đối với những tài sản xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ này được thực hiện bằng hình thức tịch thu tiêu hủy chứ không phải tịch thu sung quỹ Nhà nước [34].

Vấn đề xử lý vật chứng là vật cấm lưu hành đối với một số vật chứng thuộc diện đặc biệt cũng chưa được cơ quan cấp trên hướng dẫn. Ví dụ vật chứng là vũ khí quân dụng, phương tiện kỹ thuật quân sự, vật liệu nổ... Những vật chứng này còn giá trị sử dụng, có thể được dùng vào mục đích huấn luyện, khi đó cần phải được tịch thu, nhưng không phải là tịch thu nộp ngân sách nhà nước (vì vũ khí, súng đạn, phương tiện kỹ thuật quân sự không thể đem bán đấu giá), mà là tịch thu, giao cho cơ quan có thẩm quyền quản lý. Bởi vậy, tương tự như việc xác định vật chứng là vật cấm lưu hành, khi xử lý những loại vật chứng này người có thẩm quyền xử lý vật chứng của Tòa án cần phải căn cứ vào văn bản chuyên ngành hoặc ý kiến của cơ quan chuyên môn.

2.2.2.4. Áp dụng Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự để xử lý những tài sản không phải là vật chứng do không có quy định để xử lý tài sản loại này

Mặc dù không bắt gặp thường xuyên nhưng đây cũng là một hạn chế trong hoạt động xử lý vật chứng của Tòa án, một số ví dụ về hạn chế này là:

+ *Bản án số 14/2011/HSST xét xử Lý Gà Chur và đồng bọn phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và “Chiếm đoạt, mua bán trái phép vật liệu nổ”. CQĐT thu giữ được các vật chứng: thuốc nổ, kíp nổ, thuốc phiện, cưa sắt, ổ khóa đã bị cắt. Ngoài ra khi bắt Lý Gà Chur còn thu giữ được 22 viên thuốc, 01 con dao nhọn, qua điều tra xác định con dao này không được dùng vào việc phạm tội, số thuốc kia chỉ*

là thuốc chữa bệnh thông thường, không có chất ma túy. Do bị cáo không nhận lại 22 viên thuốc và con dao nên khi xử lý vật chứng, ngoài việc xử lý các vật chứng có giá trị chứng minh tội phạm của vụ án, HĐXX còn áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 76 BLTTHS tịch thu tiêu hủy con dao và số thuốc nêu trên [42].

Tác giả thấy, 22 viên thuốc chữa bệnh và con dao là tài sản riêng của bị cáo, hoàn toàn không liên quan đến tội phạm, không có giá trị chứng minh. Trường hợp này, tài sản không có giá trị đáng kể và bị cáo không nhận lại, hướng xử lý tịch thu tiêu hủy của HĐXX là phù hợp, tuy nhiên việc viện dẫn điểm đ khoản 2 Điều 76 để xử lý là không phù hợp (vì những vật này không phải là vật chứng).

+ *Bản án số 03/2011/HSST xét xử Hoàng Văn Thắm về tội “Chiếm đoạt vũ khí quân dụng”. Viện kiểm sát chuyển giao cả số đồ vật sử dụng trong thực nghiệm điều tra. Tại quyết định của bản án, về xử lý vật chứng, HĐXX áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 76 BLTTHS tịch thu tiêu hủy những đồ vật này [40].* Rõ ràng, những đồ vật, tài liệu sử dụng trong thực nghiệm điều tra không phải là vật chứng của vụ án nên không được thu thập đưa vào hồ sơ vụ án. Tuy nhiên, do nhận thức sai của CQĐT, VKS về vấn đề này nên ở giai đoạn xét xử cũng khiến HĐXX lúng túng, sai sót trong khâu xử lý - viện dẫn Điều 76 BLTTHS để xử lý tài sản không phải là vật chứng.

Vấn đề thu giữ, xử lý tài sản không phải là vật chứng, tại TTLT số 06/1998/TTLT có nêu: “Đối với tài sản không phải là vật chứng, cơ quan tiến hành tố tụng không được thu giữ, tạm giữ; nếu đã thu giữ, tạm giữ thì cơ quan đang thụ lý, giải quyết vụ án phải trả lại ngay cho chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp...”. Theo hướng dẫn trên thì trong giai đoạn xét xử sơ thẩm, Tòa án cần phải trả lại cho chủ sở hữu. Để bảo vệ quyền lợi cho người tham gia tố tụng và thuận lợi cho việc xét xử nên trả trước khi mở phiên tòa là hợp lý nhất. Nhưng nếu chủ sở hữu không có nguyện vọng nhận lại tài sản đó thì xử lý ra sao? Ở đây sẽ có 02 trường hợp đặt ra là tịch thu sung quỹ Nhà nước và tịch thu tiêu hủy, chúng ta không thể viện dẫn quy định của Điều 76 BLTTHS để xử lý vì những tài sản này không phải là vật chứng. Vì vậy, BLTTHS 2015 đã khắc phục bất cập này bằng quy định “Trả lại ngay tài sản đã thu giữ, tạm giữ nhưng không phải là vật chứng cho

chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp tài sản đó” (điểm a khoản 3 Điều 106 BLTTHS 2015)

2.2.2.5. Xử lý sót vật chứng trong vụ án

Đây là trường hợp HĐXX xử lý bỏ sót, tức không xử lý hết vật chứng trong vụ án. Hạn chế vướng mắc này thực tiễn xét xử các TAQS xảy ra không nhiều. Ví dụ: *Bản án số 02/2016/HSST xét xử Phạm Thị Bích Mai phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và các bị cáo khác phạm tội “Mua bán tài liệu của cơ quan nhà nước”. CQĐT thu giữ 848 bộ hồ sơ học nghề của bồi đội xuất ngũ mà Mai đã hợp thức hóa thủ tục để chiếm đoạt 7.521.080.000 đồng của Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Bắc Cạn. HĐXX áp dụng điểm a khoản 2 Điều 76 BLTTHS, tịch thu tiêu hủy 847 bộ hồ sơ quyết toán....[49]. Bản án tuyên tịch thu tiêu hủy 847 bộ hồ sơ quyết toán là còn thiếu 01 bộ hồ sơ. Sai sót này đã được cấp phúc thẩm khắc phục.*

2.2.2.6. Việc xử lý vật chứng trong một số trường hợp không kịp thời

Thuộc về hạn chế này là trường hợp đáng lẽ phải xử lý vật chứng nhưng lại không xử lý, gây ảnh hưởng tới quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự. Ví dụ sau thể hiện rõ hạn chế này: *Bản án số 13/2007/HSST xét xử Lê Diên Thái phạm tội vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ. CQĐT thu giữ chiếc xe ô tô của bị cáo (là phương tiện gây tai nạn cho người bị hại), trong suốt thời gian chuẩn bị xét xử, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm HĐXX không trả lại tài sản cho chủ sở hữu mà lại quyết định trong bản án: “Tiếp tục tạm giữ chiếc xe ô tô ... để đảm bảo thi hành án”[41]. Theo thông báo kiểm tra án của TAQSTW, trường hợp này cần phải áp dụng TTLT số 06/1998/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BCA-BTC-BTP để trả lại cho chủ sở hữu mới đúng, nếu cần thiết phải kê biên tài sản để đảm bảo cho việc thi hành án thì Tòa án sẽ tiến hành thủ tục kê biên theo quy định của pháp luật. Hạn chế này vi phạm nguyên tắc nhanh chóng, kịp thời trong việc xử lý vật chứng, qua đó ảnh hưởng tới quyền lợi của người tham gia tố tụng.*

2.2.3. Nguyên nhân của những hạn chế, vướng mắc

Những hạn chế, vướng mắc trong việc thực hiện quy định của BLTTHS về xử lý vật chứng trong giai đoạn xét xử sơ thẩm xuất phát từ nhiều nguyên nhân khác

nhau, trong phạm vi luận văn này, tác giả tập trung đề cập tới hai nguyên nhân cơ bản, đó là: Nguyên nhân về mặt pháp luật và nguyên nhân về đội ngũ cán bộ có thẩm quyền xử lý vật chứng.

2.2.3.1. Nguyên nhân về mặt pháp luật

Đây là nguyên nhân sâu xa, cơ bản và quan trọng nhất, bao gồm những hạn chế, bất cập tại một số quy định của BLHS, BLTTHS về xử lý vật chứng, cũng như sự thiếu vắng văn bản hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền về một số vướng mắc phát sinh trong thực tiễn tố tụng, cụ thể là:

+ Quy định về xử lý vật chứng trong BLTTHS 2003 chưa bao quát được hết các vật chứng cần xử lý nên gây ra sự lúng túng, khó khăn trong việc xử lý. Như trên đã nêu, một số vật chứng là vật mang dấu vết tội phạm chưa được Điều 76 BLTTHS đưa ra hướng xử lý, ví dụ: Chiếc xe ô tô mang dấu vết vụ tai nạn trong vụ án vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ; hoặc vật chứng là vật khác có giá trị chứng minh tội phạm, người phạm tội cũng như làm sáng tỏ các tình tiết khác của vụ án (chứng minh nhân dân, chứng minh quân nhân, bằng lái xe, đăng ký xe, đăng ký kinh doanh, hộ chiếu...). Hoặc tuy có quy định hướng xử lý nhưng lại mâu thuẫn với pháp luật chuyên ngành, chẳng hạn, trường hợp xử lý một số vật chứng là động vật hoang dã loài nguy cấp quý, hiếm và còn sống.

Tương tự như vậy, BLTTHS đã có quy định về xử lý vật chứng trong trường hợp vật chứng là tài sản thuộc sở hữu của Nhà nước, tổ chức, cá nhân bị người phạm tội chiếm đoạt hoặc dùng làm công cụ, phương tiện phạm tội, nhưng lại chưa dự liệu đến trường hợp các chủ thể này không có nhu cầu nhận lại tài sản.

Liên quan đến các trường hợp trên, khoản 3 Điều 76 BLTTHS quy định khá sơ cứng ảnh hưởng đến việc xử lý vật chứng của cơ quan tiến hành tố tụng, cụ thể là: Khoản 3 chỉ nêu vật chứng thuộc trường hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều 76 thì chủ thể có thẩm quyền mới được trả lại, vậy một số vật chứng không thuộc các trường hợp quy định tại điểm a, c, d, đ và cũng không thuộc điểm b khoản 2 nhưng cần phải trả lại cho chủ sở hữu, người quản lý hợp pháp thì căn cứ vào đâu để trả?

Vấn đề xác định vật cầm lưu hành và xử lý vật cầm lưu hành; xử lý các tài sản không phải là vật chứng cũng chưa được BLTTHS 2003 dự liệu, quy định; cơ quan nghiệp vụ cấp trên cũng chưa có hướng dẫn cụ thể về xác định vật chứng là vật cầm lưu hành và xử lý loại vật chứng này; chưa có hướng dẫn về việc xác định chủ sở hữu, người quản lý hợp pháp vật chứng thuộc trường hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều 76 BLTTHS; chưa có hướng dẫn về xử lý vật chứng trong trường hợp tài sản bị người phạm tội chiếm đoạt, sử dụng trái phép, khi thu được đã bị hư hỏng nhưng người phạm tội và chủ sở hữu, người quản lý hợp pháp đã thỏa thuận và bồi thường xong.

+ Chưa có sự thống nhất giữa BLHS và BLTTHS trong việc xử lý cùng một loại đối tượng vật chứng. Các biện pháp tư pháp được quy định trong BLHS, trong đó có Điều 41 BLHS (tịch thu vật, tiền trực tiếp liên quan đến tội phạm). Tuy nhiên, đối với một số đối tượng vật chất trực tiếp liên quan đến tội phạm, Điều 41 BLHS chỉ quy định tịch thu sung quỹ Nhà nước mà không quy định tịch thu tiêu hủy, trong khi đó cũng với những đối tượng này, khoản 2 Điều 76 BLTTHS quy định cả hai hình thức nêu trên. Chính vì có sự khác nhau như vậy đã gây ra sự lúng túng, sai sót trong việc viện dẫn căn cứ áp dụng giữa điều 41 BLHS và Điều 76 BLTTHS để xử lý cùng một đối tượng vật chứng của vụ án.

+ Một hạn chế trong việc sử dụng từ ngữ tại khoản 2 Điều 76 BLTTHS. Mặc dù hạn chế này hầu như không gây ra vướng mắc trong thực tiễn xử lý vật chứng của cơ quan tiến hành tố tụng. Tuy nhiên, nhằm bảo đảm tính chặt chẽ, khoa học trong việc xây dựng các quy định về xử lý vật chứng, hạn chế này cần phải được khắc phục. Qua tham khảo một số tài liệu cũng như đánh giá của tác giả, một số lỗi trong sử dụng từ ngữ tại Điều 76 BLTTHS là:

Điểm c khoản 2 sử dụng từ “tiền bạc” bên cạnh từ “tài sản” là không phù hợp. Theo quy định tại Điều 163 BLDS thì: “Tài sản bao gồm vật, tiền, giấy tờ có giá và các quyền tài sản”. Như vậy, bản thân “tài sản” đã bao gồm “tiền bạc”, do đó cần phải bỏ từ “tiền bạc” ở điểm này [32, tr. 43].

2.2.3.2. Nguyên nhân về trình độ, năng lực, trách nhiệm của người có thẩm quyền xử lý vật chứng

Ngoài nguyên nhân về mặt pháp luật nêu trên, hạn chế trong hoạt động xử lý vật chứng cũng có một phần đáng kể xuất phát từ yếu tố con người, đó là năng lực chuyên môn, ý thức trách nhiệm của một bộ phận cán bộ có thẩm quyền xử lý vật chứng còn hạn chế. Hạn chế về năng lực chuyên môn có thể là do năng lực nhận thức pháp luật và năng lực vận dụng pháp luật về xử lý vật chứng vào thực tiễn tố tụng chưa đáp ứng được tốt yêu cầu nhiệm vụ.

Trong nhóm nguyên nhân này, cũng có một phần từ phía CQĐT, VKS khi giải quyết vụ án, đó là chưa nhận thức đúng về vật chứng vụ án hình sự, về việc xử lý vật chứng nên đã thu giữ những đồ vật không phải là vật chứng chuyển giao sang Tòa án, hoặc có trường hợp chỉ cần kê biên nhưng vẫn thu giữ trong quá trình giải quyết vụ án.

Đối với Tòa án, khi phát hiện những sai sót này cần thiết phải xử lý trước phiên tòa, một mặt tạo thuận lợi cho quá trình xét xử, một mặt tránh gây thiệt hại vật chất cho đương sự, nhưng lại không thực hiện mà đưa ra xem xét, giải quyết tại phiên tòa. Khi xử lý vật chứng tại phiên tòa, nhiều HĐXX không nắm rõ các căn cứ xử lý còn viện dẫn nhầm lẫn, viện dẫn thiếu căn cứ thậm chí không viện dẫn căn cứ xử lý, khiến cho hoạt động xử lý vật chứng của Tòa án thiếu tính thuyết phục, khó thi hành.

Ý thức trách nhiệm hạn chế có thể là do tâm lý chủ quan, xem nhẹ hoạt động xử lý vật chứng nên việc nghiên cứu quy định của pháp luật còn lơ là, thiếu cẩn trọng; không xử lý vật chứng kịp thời, dây dưa, kéo dài, ảnh hưởng tới quyền lợi của đương sự, nhất là những trường hợp phải trả lại vật chứng cho chủ sở hữu, người quản lý hợp pháp.

Kết luận Chương 2

Thông qua việc trình bày và phân tích các quy định của BLTTHS 2015 (trên cơ sở so sánh với các quy định của BLTTHS 2003) về xử lý vật chứng, cũng như việc đánh giá thực tiễn thi hành quy định về xử lý vật chứng trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự của BLTTHS 2003, có thể rút ra các kết luận sau:

Một là, việc xử lý vật chứng trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự có thể do Chánh án (hoặc Phó Chánh án) Tòa án hoặc do HĐXX thực hiện. Trong đó, việc xử lý vật chứng của Chánh án hoặc Phó Chánh án (khi vụ án bị đình chỉ) và HĐXX được lựa chọn đầy đủ các cách thức xử lý do BLTTHS quy định.

Hai là, so với quy định tại Điều 76 BLTTHS 2003, quy định về xử lý vật chứng tại Điều 106 BLTTHS 2015 đầy đủ và hoàn thiện hơn, cơ bản bao quát được các trường hợp vật chứng cần xử lý, tạo thuận lợi cho việc nhận thức và áp dụng pháp luật trong tố tụng hình sự. Đối với giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự, thuận lợi này góp phần nâng cao chất lượng của hoạt động xử lý vật chứng, qua đó làm tăng cường tính thuyết phục, giá trị hiệu lực của bản án, quyết định của Tòa án.

Ba là, nghiên cứu quy định của BLTTHS 2003 về xử lý vật chứng cũng như quy định của một số văn bản pháp luật khác có liên quan; đồng thời, từ thực tiễn xét xử thời gian qua cho thấy, đã xuất hiện một số hạn chế, vướng mắc ảnh hưởng không nhỏ đến chất lượng của hoạt động xử lý vật chứng của Tòa án.

Bốn là, từ các nội dung hạn chế, vướng mắc trong quá trình thực hiện quy định của BLTTHS 2003 về xử lý vật chứng, đây sẽ là cơ sở để chỉ ra nguyên nhân, từ đó đề xuất giải pháp hoàn thiện quy định của pháp luật nhằm nâng cao chất lượng của hoạt động xử lý vật chứng trong tố tụng hình sự.

Năm là, hạn chế, vướng mắc trong hoạt động xử lý vật chứng vụ án hình sự có nhiều nguyên nhân, tuy nhiên nguyên nhân sâu xa, cơ bản và quan trọng nhất, ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng của hoạt động này là nguyên nhân về mặt pháp luật. Cụ thể là, quy định của BLTTHS, BLHS chưa đầy đủ, thiếu rõ ràng, thậm chí mâu thuẫn với pháp luật chuyên ngành gây khó khăn trong việc nhận thức, áp dụng pháp luật về xử lý vật chứng của cơ quan, người có thẩm quyền.

Chương 3

YÊU CẦU VÀ GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ XỬ LÝ VẬT CHỨNG TRONG GIAI ĐOẠN XÉT XỬ SƠ THẨM VỤ ÁN HÌNH SỰ

3.1. Yêu cầu nâng cao hiệu quả xử lý vật chứng trong vụ án hình sự

3.1.1. Yêu cầu bảo đảm quyền con người

Đây là một yêu cầu mang tính nguyên tắc Hiến định của tố tụng hình sự Việt Nam. Khoản 1 Điều 14 Hiến pháp 2013 khẳng định: “Ở nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, các quyền con người, quyền công dân về chính trị, dân sự, kinh tế, văn hóa, xã hội được công nhận, tôn trọng, bảo vệ, bảo đảm theo Hiến pháp và pháp luật.”[25]. Cụ thể hóa quy định nêu trên tại Điều 8 BLTTHS 2015 quy định “Khi tiến hành tố tụng, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng phải tôn trọng và bảo vệ quyền con người, quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân; thường xuyên kiểm tra tính hợp pháp và sự cần thiết của những biện pháp đã áp dụng, kịp thời hủy bỏ hoặc thay đổi những biện pháp đó nếu xét thấy có vi phạm pháp luật hoặc không còn cần thiết”[29]. Như vậy, đối tượng của việc tôn trọng và bảo vệ ở đây, trong tố tụng hình sự, là quyền con người, các quyền và lợi ích hợp pháp khác của tất cả những người tham gia tố tụng. Trách nhiệm tôn trọng và bảo vệ quyền con người, các quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân thuộc về cơ quan và người có thẩm quyền tiến hành tố tụng.

Quyền sở hữu đối với tài sản là một trong những quyền cơ bản của công dân được hiến pháp, pháp luật nước ta ghi nhận và bảo hộ. Hoạt động xử lý vật chứng trong nhiều trường hợp phải xử lý đối với vật chứng là tài sản có giá trị lớn, việc tạm giữ vật chứng quá lâu, cũng như việc xử lý không đúng trình tự, thủ tục, cách thức do pháp luật quy định rất dễ gây ra những thiệt hại cho các nhân, cơ quan, tổ chức là chủ sở hữu hay người quản lý hợp pháp. Hoặc đối với vật chứng là tài sản có thời hạn sử dụng, thời gian lưu hành ngắn, mau hỏng... mà chủ thể có thẩm quyền xử lý không xử lý sớm, dẫn đến tài sản đó hư hại, hỏng hóc, giảm hoặc mất giá trị sử dụng cũng gây ra những thiệt hại cho người tham gia tố tụng. Yêu cầu này đòi hỏi sau khi thụ lý vụ án, Tòa án phải rà soát chặt chẽ những vật chứng được thu

trước đó có thuộc trường hợp phải xử lý trước khi mở phiên tòa hay không, nếu phải xử lý thì cần nhanh chóng ra quyết định xử lý để bảo vệ quyền lợi cho người tham gia tố tụng và cá nhân, cơ quan, tổ chức có liên quan.

Để thực hiện được nghĩa vụ tôn trọng và bảo vệ quyền con người, quyền lợi ích hợp pháp của cá nhân, Điều 8 BLTTHS 2015 đã đặt ra yêu cầu đối với các cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng phải “thường xuyên kiểm tra tính hợp pháp và sự cần thiết của những biện pháp đã áp dụng, kịp thời hủy bỏ hoặc thay đổi những biện pháp đó nếu xét thấy có vi phạm pháp luật hoặc không còn cần thiết”. Chẳng hạn như việc trả lại ngay tài sản đã thu giữ, tạm giữ nhưng không phải là vật chứng cho chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp tài sản đó (điểm a khoản 3 Điều 106 BLTTHS 2015); trả lại ngay vật chứng cho chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp nếu xét thấy không ảnh hưởng đến việc xử lý vụ án và thi hành án (điểm b khoản 3 Điều 106 BLTTHS 2015).

3.1.2. Yêu cầu cải cách tư pháp

Cải cách tư pháp là chủ trương lớn của Đảng nhằm từng bước xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền XHCN, bảo vệ quyền con người đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội bền vững, chủ động hội nhập quốc tế. Trong đó, Tòa án được xác định là cơ quan có vai trò quan trọng, là điểm trung tâm trong tiến trình CCTP. Hiến Pháp 2013 quy định “Tòa án là cơ quan xét xử của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, thực hiện quyền tư pháp”[25]. Theo PGS. TS Trần Văn Độ: Quyền tư pháp là quyền xét xử, tức quyền áp dụng pháp luật để ra phán quyết về các vi phạm pháp luật và các tranh chấp xảy ra trong xã hội. Tòa án là cơ quan duy nhất thực hiện quyền tư pháp, là cơ quan xét xử duy nhất của Nhà nước thực hiện quyền tư pháp. Vì vậy, xử lý các vi phạm pháp luật bằng các chế tài Nhà nước, giải quyết các tranh chấp bằng quyền lực Nhà nước đều phải thuộc thẩm quyền của Tòa án. Các cơ quan nhà nước khác tham gia vào việc xử lý, giải quyết đó không phải là cơ quan tư pháp, không có chức năng thực hiện quyền tư pháp, mà các cơ quan này chỉ thực hiện các hoạt động tư pháp.

Do vậy, chỉ có Tòa án mới có thẩm quyền phán xét về tội phạm, hoạt động xét xử được coi là khâu trung tâm vì ở đây biểu hiện sự tập trung và thể hiện đầy đủ quyền tư pháp, là nơi mà trên cơ sở các kết quả điều tra, truy tố và tranh tụng, các

Toà án nhân danh Nhà nước đưa ra phán xét một người có tội hay không có tội và áp dụng hình phạt đối với tội phạm. Chính vì vai trò đó cho nên việc xử lý vật chứng cũng cần được giao cho Tòa án xử lý, trừ một số trường hợp đặc biệt có thể giao cho cơ quan khác.

Nghị quyết 49-NQ/TW ngày 2/6/2005 của Bộ Chính trị về Chiến lược CCTP đến năm 2020, Đảng ta đã khẳng định: “Các cơ quan tư pháp phải thật sự là chỗ dựa của nhân dân trong việc bảo vệ công lý, quyền con người, đồng thời phải là công cụ hữu hiệu bảo vệ pháp luật và pháp chế xã hội chủ nghĩa, đấu tranh có hiệu quả với các loại tội phạm” và mục tiêu cơ bản và xuyên suốt của Chiến lược là: “Xây dựng nền tư pháp trong sạch, vững mạnh, dân chủ, nghiêm minh, bảo vệ công lý”. Khoản 3 Điều 102 Hiến pháp quy định “Tòa án có nhiệm vụ bảo vệ công lý, quyền con người, quyền công dân, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân”[25], điều đó cũng đồng nghĩa với việc bảo vệ công lý, quyền con người là nhiệm vụ hàng đầu của Tòa án. Điều này phù hợp với tinh thần Hiến pháp sửa đổi, coi con người là trọng tâm và là mục tiêu phục vụ. Tòa án không được từ chối yêu cầu giải quyết vụ, việc của người dân vì lý do chưa có điều luật để áp dụng; trong trường hợp này, quy định về áp dụng tập quán, tương tự pháp luật, nguyên tắc cơ bản của pháp luật và lẽ công bằng được áp dụng để xem xét, giải quyết.

3.1.3. Yêu cầu nâng cao chất lượng, hiệu quả xét xử vụ án hình sự

Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị về Chiến lược CCTP đến năm 2020, Kết luận số 92-KL/TW ngày 12/3/2014 của Bộ Chính trị về việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 49-NQ/TW chỉ rõ: “Các cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc Trung ương cần phát huy những kết quả đạt được, khắc phục những hạn chế, vướng mắc, tiếp tục thực hiện mục tiêu, quan điểm, phương hướng cải cách tư pháp nêu trong Nghị quyết số 49-NQ/TW của Bộ Chính trị khóa IX vẫn còn phù hợp”[17]. Theo tinh thần Nghị quyết số 49-NQ/TW của Bộ Chính trị, mục tiêu CCTP là: “xây dựng nền tư pháp trong sạch, vững mạnh, dân chủ, nghiêm minh, bảo vệ công lý, từng bước hiện đại, phục vụ nhân dân, phụng sự Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa; hoạt động tư pháp mà trọng tâm là hoạt động xét xử được tiến

hành có hiệu quả và hiệu lực cao”. Như vậy, có thể thấy rằng, việc nâng cao chất lượng công tác xét xử của các Tòa án là mục tiêu hết sức quan trọng của CCTP.

Đảm bảo chất lượng xét xử là một yêu cầu quan trọng trong công tác giải quyết, xét xử các loại vụ án. Vì vậy, trên cơ sở bám sát các nhiệm vụ CCTP mà Nghị quyết số 49-NQ/TW đã đề ra, để nâng cao chất lượng công tác giải quyết, xét xử các loại vụ án, đáp ứng yêu cầu CCTP. Ngày 12/9/2017 tại Hội nghị sơ kết 3 năm thực hiện nâng cao chất lượng công tác xét xử theo tinh thần Kết luận số 92KL/TW về tiếp tục thực hiện Nghị quyết 49-NQ/TW của Bộ Chính trị. TANDTC đã đưa ra 14 giải pháp nâng cao chất lượng xét xử cần tiếp tục triển khai thực hiện trong thời gian tới, đó là: (1) Tăng cường công tác bảo đảm áp dụng thống nhất pháp luật; (2) Đổi mới tổ chức phiên tòa theo tinh thần cải cách tư pháp; (3) Nâng cao chất lượng bản án, quyết định của Tòa án; (4) Công khai bản án, quyết định của Tòa án trên Cổng thông tin điện tử Tòa án nhân dân; (5) Nâng cao hiệu quả công tác hòa giải; (6) Tổ chức các phiên tòa rút kinh nghiệm; (7) Phối hợp chặt chẽ với các cơ quan tiến hành tố tụng và các cơ quan có liên quan trong quá trình giải quyết các loại vụ án; (8) Tăng cường công tác kiểm tra, giám đốc việc xét xử; (9) Nâng cao chất lượng đội ngũ Thẩm phán; (10) Tăng cường trách nhiệm của người đứng đầu; (11) Đổi mới thủ tục hành chính tư pháp tại Tòa án; (12) Đảm bảo cơ sở vật chất, trang thiết bị phương tiện làm việc cho các Tòa án; (13) Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của Tòa án; (14) Làm tốt công tác thi đua khen thưởng [39].

Yêu cầu nâng cao hiệu quả xử lý vật chứng trong vụ án hình sự xét ở phương diện là một yêu cầu của việc nâng cao chất lượng, hiệu quả xét xử vụ án hình sự thể hiện chủ yếu thông qua việc nâng cao chất lượng bản án, quyết định của tòa án. Chất lượng hoạt động xử lý vật chứng nói chung và xử lý vật chứng trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự nói riêng là một tiêu chí quan trọng để đánh giá chất lượng bản án, quyết định của Tòa án. Bản án, quyết định của tòa án xử lý vật chứng chính xác sẽ bảo đảm được quyền con người, nhất là quyền sở hữu đối với tài sản, bảo vệ lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

3.2. Giải pháp nâng cao hiệu quả xử lý vật chứng trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự

3.2.1. Hoàn thiện pháp luật tố tụng hình sự về xử lý vật chứng

Khắc phục hạn chế, bất cập thông qua hoàn thiện các quy định của BLTTHS và BLHS về xử lý vật chứng cũng như vật, tiền trực tiếp liên quan đến tội phạm có ý nghĩa quan trọng hàng đầu, giúp cho quá trình nhận thức và áp dụng pháp luật của các cơ quan tố tụng được thuận lợi, thống nhất. Mặc dù BLTTHS 2015 đã có những sửa đổi, bổ sung khắc phục được cơ bản những hạn chế vướng mắc trong xử lý vật chứng mà tác giả đã chỉ ra ở Mục 2.2.2 Chương 2. Tuy nhiên, những sửa đổi, bổ sung đó chưa triệt để. Một số nội dung cần tiếp tục hoàn thiện là:

- Đối với vật chứng là vật cấm lưu hành cũng như một số dạng vật chứng thuộc đối tượng điều chỉnh của pháp luật chuyên ngành (vật chứng là hàng xâm phạm sở hữu trí tuệ), tác giả thiết nghĩ cần có quy định hướng xử lý riêng, không theo cách xử lý của BLTTHS. Hiện tại BLTTHS 2015 mới chỉ quy định có duy nhất trường hợp Vật chứng là động vật hoang dã và thực vật ngoại lai thì ngay sau khi có kết luận giám định phải giao cho cơ quan quản lý chuyên ngành có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật. Các trường hợp khác chưa được quy định.

Tham khảo BLTTHS Cộng hòa Liên Bang Nga, tại điểm 1, 2 khoản 3 Điều 81 Bộ luật này quy định: “1) Vật chứng là công cụ, phương tiện phạm tội của bị can thì bị tịch thu hay chuyển cho cơ quan có thẩm quyền hoặc bị tiêu hủy; 2) Vật chứng thuộc loại bị cấm tàng trữ, sử dụng, lưu hành thì được chuyển cho cơ quan có thẩm quyền hoặc bị tiêu hủy;” [13]. Như vậy, BLTTHS Liên Bang Nga có quy định một hình thức xử lý “chuyển cho cơ quan có thẩm quyền”, do đó, ngoài hình thức tịch thu sung quỹ Nhà nước hoặc tiêu hủy, BLTTHS năm 2015 của nước ta nên chăng bổ sung hình thức xử lý này. Bởi lẽ, đối với vật chứng là vật liệu nổ, vũ khí quân dụng...sau khi tịch thu đều được chuyển giao cho cơ quan chuyên môn quản lý và xử lý theo quy định của pháp luật chuyên ngành, chứ suy đến cùng những loại vật chứng này không được sung quỹ Nhà nước (bản chất là ngân sách Nhà nước). Tác giả đề xuất 02 phương án:

1. Hoặc là sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 2 Điều 106 BLTTTHS 2015 như sau: *“Vật chứng là công cụ, phương tiện phạm tội, vật cấm tàng trữ, lưu hành thì bị tịch thu, nộp Nhà nước hoặc tiêu hủy hoặc chuyển giao cho cơ quan có thẩm quyền”*.

2. Hoặc là bổ sung 01 điểm sau vào khoản 2 Điều 106 (trở thành điểm d): *“d. Trường hợp pháp luật chuyên ngành có quy định hướng xử lý khác với hướng xử lý quy định tại các điểm a, b, c khoản 2 Điều này thì thực hiện theo quy của pháp luật chuyên ngành”*.

- Giải quyết vướng mắc trong trường hợp chủ sở hữu, người quản lý hợp pháp không nhận lại vật chứng thuộc trường hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều 76 BLTTTHS 2003 đã trình bày ở tiết mục 2.2.2.3 Chương 2 (tương ứng điểm b khoản 3 Điều 106 BLTTTHS 2015), tác giả cho rằng, nếu vận dụng các điểm còn lại của khoản 2 Điều 76 BLTTTHS 2003 để xử lý vật chứng thuộc trường hợp quy định tại điểm b khoản 2 sẽ tránh được “lỗ hổng” không có căn cứ pháp lý để xử lý vật chứng. Tuy nhiên, xét về mặt lý luận thì rõ ràng vật chứng được quy định tại điểm b không thuộc trường hợp được quy định tại các điểm còn lại của khoản 2 Điều 76 BLTTTHS 2003, như vậy mới tránh bị trùng lặp, chồng chéo trong việc xử lý cùng một loại vật chứng. Do đó, theo tác giả, nên chăng cần quy định bổ sung 01 điểm sau vào khoản 3 Điều 106 (trở thành điểm c) trường hợp chủ sở hữu, người quản lý hợp pháp không nhận lại tài sản thì tịch thu sung quỹ Nhà nước hoặc tiêu hủy. Hướng xử lý này cũng được áp dụng tương tự đối với trường hợp trả lại tài sản đã thu giữ, tạm giữ nhưng không phải là vật chứng cho chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp mà họ không nhận lại. Khi đó, điểm c khoản 3 Điều 106 BLTTTHS 2003 sẽ được bổ sung như sau: *“c. Trường hợp trả lại vật chứng hoặc tài sản đã thu giữ, tạm giữ nhưng không phải là vật chứng cho chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều này mà không xác định được chủ sở hữu, người quản lý hợp pháp, hoặc xác định được nhưng họ không nhận lại thì tịch thu, sung quỹ Nhà nước hoặc tiêu hủy đối với vật không có giá trị hoặc giá trị không đáng kể”*.

Việc xác định chủ sở hữu, người quản lý hợp pháp vật chứng, tài sản đã thu giữ, tạm giữ nhưng không phải là vật chứng được thực hiện theo quy định của pháp luật dân sự”.

- Điều 106 BLTTHS 2015 quy định cả trường hợp xử lý tài sản đã thu giữ, tạm giữ nhưng không phải là vật chứng. Do vậy, cũng cần phải điều chỉnh lại tên của Điều 106 cho phù hợp, theo tác giả tên Điều 106 nên sửa thành: *“Xử lý vật chứng, tài sản trong vụ án”.*

- Sửa đổi, bổ sung nội dung thuộc về kỹ thuật sử dụng từ ngữ tại điểm b khoản 2 Điều 106 BLTTHS 2015, cụ thể như sau: *“b) Vật chứng là tài sản do phạm tội mà có thì bị tịch thu nộp ngân sách Nhà nước”.*

Ngoài ra, trường hợp sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 2 Điều 106 BLTTHS 2015 hoặc bổ sung điểm d vào khoản 2 Điều 106 BLTTHS như phần trên tác giả đã đề xuất, thì cũng phải điều chỉnh, sửa đổi Điều 47 BLHS 2015 cho phù hợp với quy định của Điều 76 BLTTHS đã được sửa đổi, bổ sung.

3.2.2. Tăng cường hướng dẫn về xử lý vật chứng

Do chưa có văn bản của cơ quan có thẩm quyền hướng dẫn việc xử lý vật chứng theo quy định tại Điều 76 BLTTHS năm 2003, thời gian qua các cơ quan tiến hành tố tụng vẫn phải áp dụng TTLT số 06/1998/TTLT để xử lý vật chứng. Tuy nhiên, Thông tư này lại chứa đựng những hướng dẫn xử lý vật chứng quy định tại Điều 58 BLTTHS năm 1988, như vậy, xét về mặt lý luận thì việc áp dụng văn bản dưới luật (đã cũ) để hướng dẫn thực hiện quy định của văn bản luật mới sẽ không đảm bảo tính khoa học và giá trị pháp lý. Thực tiễn tố tụng đã và đang diễn ra cho thấy, nhiều hạn chế, vướng mắc mới xuất hiện chưa được Thông tư 06/1998/TTLT đề cập, giải quyết. Bởi vậy, trong khi những hạn chế, bất cập của BLTTHS 2003, BLHS 1999 chưa được BLTTHS 2015 và BLHS 2015 sửa đổi, bổ sung triệt để, TANDTC cần phải ban hành Nghị quyết hoặc các cơ quan có thẩm quyền cần phải ban hành thông tư liên tịch mới thay thế Thông tư nêu trên. Mấy vấn đề mà Nghị quyết hoặc TTLT cần đề cập giải quyết là:

- Việc xử lý một số vật chứng vụ án hình sự (công cụ, phương tiện phạm tội, vật cấm lưu hành, vật hoặc tiền do phạm tội mà có...) ngoài áp dụng quy định của BLTTHS cần áp dụng quy định của BLHS có liên quan. Trong toàn bộ luận văn này, tác giả cho rằng cần thực hiện như vậy, tuy nhiên, hiện vẫn có quan điểm khác về vấn đề này.

- Vấn đề xác định vật chứng là vật cấm lưu hành cũng như xử lý vật chứng này trong một số trường hợp cá biệt; hướng xử lý trường hợp vật chứng là vật, tiền bạc thuộc sở hữu của người khác nhưng bị người phạm tội chiếm đoạt, sử dụng làm công cụ, phương tiện phạm tội nhưng họ lại không nhận lại; thủ tục tìm kiếm chủ sở hữu, người quản lý hợp pháp vật chứng bị người phạm tội chiếm đoạt, sử dụng trái phép và những vấn đề khác có liên quan.

- Đề xuất một số nội dung cụ thể của Thông tư:

Một là, đối với những đồ vật, tài liệu đã thu thập để phục vụ quá trình giải quyết vụ án hình sự: Nếu xét thấy chúng không phải là vật chứng, cần trả lại ngay cho chủ sở hữu, người quản lý hợp pháp theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 106 BLTTHS 2015; Nếu không phải là vật chứng nhưng xét thấy cần đảm bảo việc thi hành án như bồi thường, tịch thu tài sản cũng như trường hợp xác định nó là vật chứng, nhưng là tư liệu, phương tiện sản xuất, tài sản có khả năng sinh lời thì có thể kê biên theo quy định tại Điều 128 BLTTHS 2015 mà không cần tạm giữ.

Hai là, khi xử lý vật chứng là công cụ, phương tiện phạm tội, vật chứng là vật cấm tàng trữ, cấm lưu hành, vật chứng là vật, tiền do phạm tội mà có hoặc do mua bán, đối chác những thứ ấy mà có: Nếu thuộc phải tịch thu sung ngân sách Nhà nước theo điểm a, b khoản 2 Điều 106 BLTTHS 2015, thì cần phải áp dụng thêm khoản 1 (nêu rõ điểm nào) hoặc khoản 3 Điều 47 BLHS 2015; Đối với tiền bạc do phạm tội mà có, hoặc do mua bán, đối chác những thứ ấy mà có nhưng không thu được thì không xác định là vật chứng - không áp dụng Điều 106 BLTTHS 2015 để xử lý, chỉ có thể áp dụng điểm b khoản 1 Điều 47 BLHS 2015 để xử lý.

Ba là, khi xử lý vật chứng bằng hình thức trả lại cho chủ sở hữu, người quản lý hợp pháp những vật chứng là vật, tiền bạc thuộc sở hữu của Nhà nước, tổ chức,

cá nhân bị người phạm tội chiếm đoạt hoặc sử dụng trái phép làm công cụ, phương tiện phạm tội, ngoài áp dụng điểm b khoản 3 Điều 106 BLTTHS, cần áp dụng thêm khoản 2 Điều 47 BLHS.

Bốn là, việc xác định chủ sở hữu, người quản lý hợp pháp vật chứng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 76 BLTTHS 2003 (tương ứng điểm b khoản 3 Điều 106 BLTTHS 2015), cần áp dụng quy định của BLDS để thực hiện việc thông báo tìm kiếm chủ sở hữu, người quản lý hợp pháp. Đến thời điểm mở phiên tòa, nếu thời hạn tìm kiếm đã hết mà họ không đến nhận lại vật chứng thì tịch thu nộp ngân sách Nhà nước; nếu chưa tìm thấy chủ sở hữu, người quản lý hợp pháp nhưng thời hạn tìm kiếm chưa hết thì cần tuyên trong bản án: “Đến hết ngày... (nêu rõ ngày cuối của thời hạn) mà chủ sở hữu, người quản lý hợp pháp vật chứng không tới nhận thì tịch thu nộp ngân sách Nhà nước”.

3.2.3. Giải pháp nâng cao năng lực cán bộ có thẩm quyền xử lý vật chứng

Trong giải pháp này, tác giả cho rằng để nâng cao chất đội ngũ cán bộ có thẩm quyền xử lý vật chứng, điều quan trọng trước hết là cần chuẩn hóa đội ngũ cán bộ đầu vào của ngành TAQS, phần đầu 100% cán bộ làm công tác chuyên môn được tuyển dụng mới, thẩm phán được bổ nhiệm mới có trình độ Đại học Luật chính quy. Kế đó là việc nâng cao năng lực chuyên môn và ý thức trách nhiệm của người có thẩm quyền xử lý vật chứng.

Nâng cao năng lực chuyên môn được thực hiện thông qua việc nâng cao năng lực nhận thức và năng lực vận dụng pháp luật vào thực tiễn xét xử. Muốn vậy, tự bản thân mỗi cán bộ làm công tác chuyên môn của Tòa án phải tích cực, chủ động, tự nghiên cứu, học tập văn bản pháp luật và hướng dẫn của cơ quan nghiệp vụ cấp trên. Tuy nhiên, trước đó, mỗi người cần trang bị cho bản thân kiến thức về mặt khoa học pháp lý (nhất là khoa học Luật hình sự và khoa học Luật tố tụng hình sự), bởi lẽ thực tiễn tố tụng cho thấy, nhiều vấn đề nếu chỉ căn cứ vào văn bản pháp luật thì rất khó để giải quyết, mà cần cần phải vận dụng kiến thức về mặt khoa học pháp lý mới có thể giải quyết được. Ngoài ra, công tác hướng dẫn áp dụng pháp luật về xử lý vật chứng của cơ quan nghiệp vụ cấp trên thông qua các hình thức: Ban hành

văn bản hướng dẫn, văn bản giải đáp vướng mắc và hoạt động tập huấn về xử lý vật chứng, có vai trò quan trọng trong việc nâng cao năng lực chuyên môn của đội ngũ cán bộ có thẩm quyền xử lý vật chứng của Tòa án. Vì vậy, TANDTC, TAQSTW cần tiếp tục duy trì, quan tâm tới mặt công tác này một cách đúng mức, thỏa đáng. Việc tập huấn nội dung về xử lý vật chứng có thể thực hiện theo chuyên đề riêng hoặc có thể lồng ghép với nội dung tập huấn việc xét xử một số loại tội, nhóm tội cụ thể. Việc tập huấn cũng có thể do các TAQS (cấp quân khu) tự tổ chức trong phạm vi ngành mình trên cơ sở nghiên cứu, học tập chuyên đề về xử lý vật chứng được Hội đồng khoa học TAQSTW thông qua và gửi tới các TAQS làm tài liệu nghiên cứu, học tập, qua đó nâng cao năng lực nhận thức và áp dụng pháp luật về xử lý vật chứng của người có thẩm quyền của Tòa án.

Bên cạnh việc thực hiện các giải pháp nêu trên, để nâng cao hiệu quả xử lý vật chứng trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự cần thực hiện đồng bộ một số giải pháp khác đó là: Tăng cường công tác kiểm tra, giám đốc việc xét xử; Phối hợp chặt chẽ với các cơ quan tiến hành tố tụng và các cơ quan có liên quan trong quá trình giải quyết các loại vụ án; Đảm bảo cơ sở vật chất, trang thiết bị phương tiện làm việc cho các Tòa án; Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của Tòa án. Ví dụ: Năm 2016, Tòa án nhân dân tối cao đã đầu tư xây dựng hệ thống hội nghị truyền hình trực tuyến đến 63 Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án quân sự Trung ương, 710 Tòa án nhân dân cấp huyện và đã tổ chức nhiều hội nghị có quy mô toàn quốc bằng hình thức này. Việc đưa mạng lưới truyền hình hội nghị đến 710 Tòa án nhân dân cấp huyện có ý nghĩa rất lớn trong việc ứng dụng công nghệ thông tin vào các hoạt động của hệ thống Tòa án; xóa bỏ khoảng cách địa lý, giúp lãnh đạo Tòa án nhân dân tối cao tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo kịp thời đến Tòa án nhân dân các cấp; cập nhật kiến thức pháp luật thông qua việc mở rộng phạm vi tham gia các hội nghị, hội thảo trực tuyến, tập huấn nghiệp vụ; góp phần tiết kiệm thời gian và kinh phí cho các cuộc họp, đáp ứng yêu cầu CCTP, cải cách hành chính của Đảng và Nhà nước. Trong thời gian tới cần triển khai lắp đặt ứng dụng trên trong hệ thống các Tòa án quân sự, để góp phần nâng cao chất lượng xét xử nói chung, nâng cao hiệu quả hoạt động xử lý vật chứng nói riêng.

3.2.4. Giải pháp nâng cao hiệu quả thi hành quyết định xử lý vật chứng trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự

Trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự việc áp dụng biện pháp xử lý vật chứng có thể dưới hình thức là một quyết định xử lý vật chứng riêng biệt do Chánh án hoặc Phó Chánh án quyết định ở giai đoạn chuẩn bị xét xử hoặc bằng bản án (HĐXX quyết định) nếu vụ án đã đưa ra xét xử. Tuy nhiên, cho dù vật chứng được xử lý dưới hình thức nào và việc xử lý đó là chính xác, đúng quy định của pháp luật nhưng việc tổ chức thi hành không hiệu quả thì cũng ảnh hưởng đến hiệu lực thi hành của bản án, quyết định của tòa án đồng thời mục đích và ý nghĩa của việc xử lý vật chứng cũng không đạt được. Vì vậy, việc tổ chức thi hành bản án, quyết định của tòa án nói chung, bản án quyết định của tòa án liên quan đến xử lý vật chứng nói riêng có vai trò quan trọng bảo đảm cho bản án, quyết định của tòa án được thi hành trên thực tế qua đó bảo đảm quyền lợi ích Nhà nước, quyền lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.

Để nâng cao hiệu quả thi hành quyết định xử lý vật chứng trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự trước hết cần nâng cao hiệu quả hoạt động của cơ quan, người có thẩm quyền thi hành quyết định xử lý vật chứng. Hiện nay, theo quy định của Luật THADS năm 2008 (sửa đổi bổ sung năm 2014), việc thi hành quyết định về xử lý vật chứng sau xét xử (khi bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật) do cơ quan THADS thực hiện. Còn theo quy định tại khoản 1, 3 Điều 106 BLTTHS 2015, trường hợp xử lý vật chứng trước khi mở phiên tòa sẽ do Tòa án đã ra quyết định xử lý vật chứng tự mình thực hiện hoặc phối hợp với cơ quan hữu quan thực hiện. Như vậy, để nâng cao hiệu quả thi hành quyết định xử lý vật chứng cần nâng cao hiệu quả công tác thi hành án dân sự của cơ quan Thi hành án dân sự.

Thực hiện tốt công tác phối hợp thi hành bản án, quyết định của tòa án liên quan đến xử lý vật chứng. Chẳng hạn bản án, quyết định của Tòa án tuyên tịch thu nộp ngân sách nhà nước đối với vật chứng có giá trị lớn. Trường hợp này cơ quan THADS cần phối hợp tốt với các cơ quan tài chính, kho bạc nhà nước để việc thi hành bản án, quyết định của tòa án được nhanh chóng, kịp thời, hiệu quả.

Kết luận Chương 3

Qua việc trình bày các nội dung trong Chương 3, có thể rút ra các kết luận sau:

Một là, Một số yêu cầu quan trọng để nâng cao hiệu quả hoạt động xử lý vật chứng là: yêu cầu bảo đảm quyền con người, nhất là quyền sở hữu tài sản theo Hiến pháp; yêu cầu CCTP; yêu cầu nâng cao chất lượng, hiệu quả xét xử vụ án hình sự. Việc thực hiện tốt các yêu cầu này là một trong những cơ sở để đảm bảo chất lượng, hiệu quả xử lý vật chứng trong vụ án hình sự nói chung và xử lý vật chứng trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự nói riêng.

Hai là, xuất phát từ nguyên nhân của những hạn chế, vướng mắc trong thực tiễn thi hành BLTTHS 2003, nhằm nâng cao chất lượng của hoạt động xử lý vật chứng, trong Chương này, tác giả đã đề xuất phương án sửa đổi, bổ sung Điều 106 BLTTHS năm 2015, Điều 47 BLHS 2015 (mà trong quá trình sửa đổi bổ sung BLTTHS 2015, BLHS 2015 sửa đổi chưa triệt để), ban hành thông tư hướng dẫn thực hiện quy định của BLTTHS về xử lý vật chứng và Giải pháp nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ có thẩm quyền xử lý vật chứng. Đây là giải pháp có thể giải quyết được cơ bản các hạn chế, vướng mắc trong hoạt động xử lý vật chứng trong tố tụng hình sự nói chung và trong giai đoạn xét xử sơ thẩm nói riêng.

KẾT LUẬN

Nâng cao chất lượng của hoạt động xử lý vật chứng vụ án hình sự là một yếu tố để đảm bảo và tăng cường tính thuyết phục và giá trị hiệu lực của bản án, quyết định của Tòa án. Bởi vậy, việc nghiên cứu đề tài về xử lý vật chứng, từ đó đi đến nhận thức sâu sắc hơn nữa các quy định của BLTTHS về xử lý vật chứng; chỉ ra những nguyên nhân của hạn chế, vướng mắc trong thực tiễn xét xử và đề xuất giải pháp khắc phục tình trạng này, có ý nghĩa quan trọng trên cả phương diện lý luận và thực tiễn áp dụng pháp luật. Trong khuôn khổ trang viết của luận văn, tác giả đã cố gắng chỉ ra được một số kết quả nghiên cứu như sau:

1. Vật chứng là vật (vật thể) cụ thể, là cái có thật, có giá trị chứng minh trong tố tụng hình sự, được thu thập theo trình tự, thủ tục do pháp luật tố tụng hình sự quy định.

2. Vật chứng mang trên mình những thông tin, dấu vết mà tội phạm để lại, có giá trị chứng minh trong vụ án hình sự và được xem là một nguồn của chứng cứ. Vì vậy, nó mang đầy đủ các thuộc tính của chứng cứ nói chung đó là tính khách quan, tính liên quan và tính hợp pháp. Việc phân biệt vật chứng với các đối tượng vật chất khác là một hoạt động quan trọng có ý nghĩa cả về lý luận và thực tiễn giải quyết VAHS.

3. Xử lý vật chứng trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự là việc người có thẩm quyền của Tòa án ở cấp xét xử thứ nhất, khi giải quyết vụ án hình sự tiến hành xem xét, giải quyết các vật chứng đã được thu thập trước đó theo cách thức có tính bắt buộc do pháp luật quy định, nhằm góp phần giải quyết đúng đắn, toàn diện vụ án hình sự, qua đó bảo vệ lợi ích Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.

4. Một số nguyên tắc cơ bản, đáng chú ý điều chỉnh hoạt động xử lý vật chứng nói chung và xử lý vật chứng trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự nói riêng là: Nguyên tắc bảo đảm pháp chế XHCN (Điều 7 BLTTHS); nguyên tắc Tôn trọng và bảo vệ quyền con người, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân (Điều 8 BLTTHS); nguyên tắc bảo đảm quyền bình đẳng trước pháp luật (Điều 9); nguyên

tắc bảo đảm sự nhanh chóng, kịp thời trong việc xử lý vật chứng. Việc tuân thủ chặt chẽ những nguyên tắc này là một trong những cơ sở để đảm bảo chất lượng, hiệu quả của hoạt động xử lý vật chứng vụ án hình sự.

5. Xử lý vật chứng nói chung và xử lý vật chứng trong giai đoạn xét xử sơ thẩm nói riêng có ý nghĩa rất quan trọng trên cả ba phương diện chính trị, xã hội, pháp lý. Nhận thức đúng đắn về ý nghĩa của việc xử lý vật chứng là yếu tố quan trọng để xây dựng và hoàn thiện quy định của pháp luật về xử lý vật chứng, cũng như để nâng cao chất lượng của hoạt động xử lý vật chứng trong tố tụng hình sự.

6. Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003 đã quy định tương đối rõ ràng các nội dung của chế định xử lý vật chứng trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự như thẩm quyền, căn cứ và cách thức xử lý, tạo điều kiện thuận lợi cho việc áp dụng pháp luật về xử lý vật chứng, qua đó góp phần nâng cao chất lượng, tính thuyết phục và giá trị hiệu lực của bản án, quyết định của Tòa án.

7. Bên cạnh những kết quả đạt được, thực tiễn thi hành quy định của BLTTHS về xử lý vật chứng trong giai đoạn xét xử sơ thẩm trong những năm qua cũng bộc lộ một số hạn chế, vướng mắc đó là: Xử lý vật chứng mà không có căn cứ pháp lý; nhầm lẫn, sai sót trong việc viện dẫn căn cứ pháp lý khi xử lý vật chứng; xử lý vật chứng trong một số trường hợp chưa thống nhất, có sự lúng túng, vướng mắc; áp dụng Điều 76 BLTTHS 2003 để xử lý những tài sản không phải là vật chứng; xử lý sót vật chứng trong vụ án; xử lý vật chứng trong một số trường hợp không kịp thời, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của người tham gia tố tụng.

8. Hạn chế, vướng mắc khi thực hiện xử lý vật chứng trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự có nhiều nguyên nhân, trong đó có hai nguyên nhân cơ bản đó là: Hạn chế, bất cập tại một số quy định của BLHS, BLTTHS về xử lý vật chứng và sự thiếu vắng văn bản hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền về vấn đề này; hạn chế về năng lực, trình độ của một bộ phận người có thẩm quyền xử lý vật chứng chưa đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ đề ra.

9. Việc thực hiện tốt các yêu cầu bảo đảm quyền con người, nhất là quyền sở hữu tài sản theo Hiến pháp; yêu cầu cải cách tư pháp; yêu cầu nâng cao chất lượng,

hiệu quả xét xử vụ án hình sự là một trong những cơ sở để đảm bảo chất lượng, hiệu quả xử lý vật chứng trong vụ án hình sự nói chung và xử lý vật chứng trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự nói riêng là.

10. Trong số những giải pháp nâng cao hiệu quả của hoạt động xử lý vật chứng, đề tài tập trung chỉ ra ba nhóm giải pháp: 1. Hoàn thiện một số quy định của pháp luật về xử lý vật chứng; 2. Tăng cường hướng dẫn về xử lý vật chứng; 3. Nâng cao năng lực cán bộ có thẩm quyền xử lý vật chứng; 4. Nâng cao hiệu quả thi hành quyết định xử lý vật chứng. Trong đó, giải pháp đầu tiên đóng vai trò quan trọng nhất, luận văn đưa ra kiến nghị sửa đổi, bổ sung Điều 106 BLTTHS 2015, Điều 47 BLHS 2015, ban hành thông tư liên tịch, nghị quyết hướng dẫn thực hiện quy định của BLTTHS về xử lý vật chứng. Khi hạn chế về mặt pháp luật được khắc phục, đây sẽ là cơ sở để có thể giải quyết được cơ bản các hạn chế, vướng mắc trong hoạt động xử lý vật chứng nói chung và xử lý vật chứng trong giai đoạn xét xử sơ thẩm nói riêng.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Thái Chí Bình (2012), “*Hoàn thiện quy định về vật chứng theo pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam*”, Tạp chí Nghiên cứu lập pháp, số 17/2012.
2. Trần Duy Bình, “Thực tiễn hoạt động thu thập, xử lý vật chứng và một số kiến nghị hoàn thiện” Công thông tin điện tử TANDTC, truy cập ngày 10/10/2017 tại địa chỉ: http://toaan.gov.vn/portal/page/portal/tandtc/Baiviet?p_page_id=1754190&p_cat_eid=1751909&item_id=16163522&article_details=1.
3. Bộ nông nghiệp và phát triển nông thôn (2008), *Thông tư số 90/2008/TT-BNN ngày 28/8/2008 hướng dẫn xử lý tang vật là động vật rừng sau khi xử lý tịch thu*, Hà Nội
4. Bộ Tư pháp, Viện khoa học pháp lý (2006), *Từ điển Luật học*, nxb. Từ điển Bách khoa - nxb. Tư pháp
5. Nguyễn Mai Bộ (năm 2016.), *Kỹ năng áp dụng biện pháp tư pháp trong vụ án hình sự*, Tập bài giảng khóa 3 - Kỹ năng giải quyết vụ án hình sự, Học viện Tòa án, nxb Công an nhân dân.
6. Các bộ luật An Nam (trích dẫn bởi Trần Quang Tiệp (2011), *Chế định chứng cứ trong luật tố tụng hình sự Việt Nam*, Hà Nội) nxb Đông Dương, 1922, Hà Nội
7. Nguyễn Ngọc Chí (2001). *Giáo trình Luật tố tụng hình sự Việt Nam. Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội*. Tập thể tác giả do TS Nguyễn Ngọc Chí chủ biên. nxb Đại học Quốc gia, Hà Nội, 2001.
8. Chính phủ (2006), *Nghị định số 59/2006/NĐ-CP Quy định chi tiết Luật Thương mại về hàng hóa, dịch vụ cấm kinh doanh, hạn chế kinh doanh và kinh doanh có điều kiện*, Hà nội
9. Chính phủ (2009), *Nghị định số 43/2009/NĐ-CP, sửa đổi, bổ sung danh mục hàng hóa, dịch vụ cấm kinh doanh của nghị định 59/2006/NĐ-CP ngày 12/6/2006 hướng dẫn thi hành luật thương mại về hàng hóa, dịch vụ cấm kinh doanh, hạn chế kinh doanh và kinh doanh có điều kiện*, Hà Nội
10. Chính phủ (2013), *Nghị định số 185/2013/NĐ-CP ngày 15/11/2013 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thương mại, sản xuất, buôn bán hàng giả, hàng cấm và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng*, Hà Nội

11. Chính phủ (2015), *Nghị định 124/2015/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 185/2013/NĐ-CP ngày 15/11/2013 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thương mại, sản xuất, buôn bán hàng giả, hàng cấm và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng*, Hà Nội
12. Đỗ Văn Chinh (2006), “*Xử lý vật chứng trong vụ án hình sự*”, Tạp chí TAND, số 18/2006.
13. Cộng hòa Liên Bang Nga, Bộ luật Tố tụng hình sự bản tiếng Việt, truy cập website Trường ĐH. Kiểm sát Hà Nội ngày 15/10/2017 tại địa chỉ: http://tks.edu.vn/law/detail/1028_0_Bo-luat-to-tung-hinh-su-Lien-Bang-Nga.html
14. Đại học Luật Hà Nội (2007), *Giáo trình luật tố tụng hình sự*, nxb Công an nhân dân
15. Đảng cộng sản Việt Nam (2002), *Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 02/01/2002 của Bộ Chính trị về một số nhiệm vụ trọng tâm công tác cải cách tư pháp trong thời gian tới*, Hà Nội.
16. Đảng cộng sản Việt Nam (2005), *Nghị quyết 49-NQ/TW ngày 02/6/2006 của Bộ Chính trị về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020*, Hà Nội.
17. Đảng cộng sản Việt Nam (2014), *Kết luận số 92-KL/TW ngày 12/3/2014 của Bộ Chính trị về việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết 49-NQ/TW ngày 02/6/2006 của Bộ Chính trị khóa IV về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020*, Hà Nội.
18. Trần Văn Độ (2011), *Giáo trình luật Tố tụng hình sự Việt Nam (Dùng trong các trường ĐH, CĐ Luật, An ninh, Cảnh sát, Học viện tư pháp)*. NXB Giáo dục Việt Nam.
19. Vũ Gia Lâm (2010), “*Bàn về tính chất của xét xử sơ thẩm và thời điểm bản án, quyết định sơ thẩm có hiệu lực pháp luật*”, Tạp chí TAND, số 2/2010.
20. Đỗ Ngọc Quang (2003). *Giáo trình Luật tố tụng hình sự Việt Nam (dành cho hệ đào tạo Sau đại học)*, Học viện Cảnh sát nhân dân, Hà Nội.
21. Quốc hội (1988), *Bộ luật Tố tụng hình sự*, Hà Nội.
22. Quốc hội (1999), *Bộ luật hình sự*, Hà Nội.
23. Quốc hội (2003), *Bộ luật Tố tụng hình sự*, Hà Nội.

24. Quốc hội (2005), *Bộ luật Dân sự*, Hà Nội.
25. Quốc Hội (2013), *Hiến pháp nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam*, Hà Nội
26. Quốc hội (2013), *Nghị quyết số 63/2013/QH13 ngày 27/11/2013 về tăng cường các biện pháp đấu tranh phòng, chống tội phạm*, Hà Nội.
27. Quốc hội (2015), *Bộ luật Dân sự*, Hà Nội.
28. Quốc hội (2015), *Bộ luật hình sự*, Hà Nội.
29. Quốc hội (2015), *Bộ luật Tố tụng hình sự*, Hà Nội.
30. Quốc hội (2015), *Nghị quyết số 111/2015/QH13 ngày 27/11/2015 về công tác phòng, chống vi phạm pháp luật và tội phạm, công tác của VKSNDTC, của TANDTC và công tác Thi hành án năm 2016 và các năm tiếp theo*, Hà Nội.
31. Đặng Văn Quý (2010), “*Bàn về khái niệm vật chứng trong luật tố TTHSVN*”, Tạp chí TAND, số 2/2010.
32. Hoàng Thị Minh Sơn (2013), *Thực trạng quy định của BLTTHS năm 2003 về vật chứng*, Tạp chí Luật học, số 6/2013.
33. Lê Văn Sua (2008), “*Xử lý vật chứng trong Tố tụng hình sự*”, *Tạp chí Dân chủ & pháp luật*, số 8/2008.
34. Toà án nhân dân tối cao - Viện kiểm sát nhân dân tối cao - Bộ công an - Bộ tư pháp (2008), *Thông tư số 01/2008/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BCA-BTP ngày 28/02/2008 Hướng dẫn việc truy cứu Trách nhiệm hình sự đối với các hành vi xâm phạm Quyền sở hữu trí tuệ*, Hà Nội
35. Toà án nhân dân tối cao - Viện kiểm sát nhân dân tối cao - Bộ Công an - Bộ Tài chính - Bộ tư pháp (1998), *Thông tư liên tịch số 06/1998 ngày 24/10/1998 hướng dẫn một số vấn đề về bảo quản và xử lý tài sản là vật chứng, tài sản bị kê biên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử vụ án hình sự, truy cập website Thư viện pháp luật ngày 10/10/2017 tại địa chỉ <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Thu-tuc-To-tung/Thong-tu-06-1998-TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BCA-BTC-BTP-bao-quan-xu-ly-tai-san-la-vat-chung-tai-san-bi-ke-bien-44483.aspx>*
36. Tòa án nhân dân tối cao (1976), *Tập hệ thống hóa luật lệ về tố tụng hình sự*, Hà Nội

37. Tòa án nhân dân tối cao (2002), *Công văn số 81/2002/TANDTC ngày 10/6/2002 về việc giải đáp các vấn đề nghiệp vụ*, Hà Nội.
38. Tòa án nhân dân tối cao (2004), *Nghị quyết số 04/2004/NQ-HĐTP ngày 05/11/2004 của hội đồng thẩm phán toà án nhân dân tối cao hướng dẫn thi hành một số quy định trong phần thứ ba “xét xử sơ thẩm” của bộ luật tố tụng hình sự năm 2003*, Hà Nội.
39. Tòa án nhân dân tối cao (2017), *Báo cáo việc thực hiện nâng cao chất lượng công tác xét xử theo tinh thần Kết luận số 92-KL/TW của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 49-NQ/TW về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020*, Hà Nội
40. Tòa án quân sự Khu vực 1 - Quân khu 1 (2011), *Bản bản án số 03/2011/HSST ngày 16/3/2011*.
41. Tòa án quân sự Khu vực 2 - Quân khu 2 (2007), *Bản án số 13/2007/HSST ngày 16/10/2007*.
42. Tòa án quân sự Khu vực 2 - Quân khu 2 (2011), *Bản án số 14/2011/HSST ngày 17/8/2011*.
43. Tòa án quân sự Khu vực 2 - Quân khu 4 (2010), *Bản án số 04/2010/HSST ngày 25/11/2010*.
44. Tòa án quân sự Khu vực 1 - Quân khu 3 (2009), *Bản án số 06/2009/HSST ngày 10/4/2009*.
45. Tòa án quân sự Quân khu 3 (2008), *Bản án số 02/2008/HSST ngày 11/3/2008*
46. Tòa án quân sự Khu vực 2 - Quân khu 2 (2013), *Bản án số 04/2013/HSST ngày 02/8/2013*.
47. Tòa án quân sự Khu vực 2 - Quân khu 3 (2016), *Bản án số 09/2016/HSST ngày 02/12/2016*.
48. Tòa án quân sự Quân khu 1 (2011), *Bản án số 03/2011/HSST ngày 20/12.2011*.
49. Tòa án quân sự Quân khu 1 (2016), *Bản án số 02/2016/HSST ngày 24/5/2016*.
50. Tòa án quân sự Quân khu 3 (2010), *Bản án số 03/2010/HSST ngày 24/12/2010*.

51. Tòa án quân sự Trung ương (2012), *Tài liệu tập huấn năm 2012, Chuyên đề: Kỹ năng áp dụng các quy định của pháp luật về tịch thu, bồi thường và xử lý vật chứng trong xét xử các vụ án hình sự*, Hà Nội.
52. Nguyễn Văn Trọng (2009), *Cần sửa đổi điều 76 BLTTHS và hướng dẫn thực hiện việc xử lý vật chứng cho thống nhất*, *Tạp chí Kiểm sát*, số 9/2009
53. Nguyễn Văn Trọng (2010), *Quy định của BLTTHS về xử lý vật chứng và những vướng mắc trong thực tiễn áp dụng*, *Tạp chí Dân chủ và Pháp luật*, số 9/2010.
54. Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao, Bộ Nội vụ, bộ tư pháp, Bộ Tài chính (1984), Thông tư liên bộ số 03.TT.LB ngày 23/4/1984 quy định chế độ thu giữ, bảo quản, xử lý lật chứng và tài sản tạm giữ trong các vụ án hình sự, truy cập website Bộ Tư pháp ngày 10/10/2017 tại địa chỉ: <http://www.moj.gov.vn/vbpq/Lists/Vn%20bn%20php%20lut/DispForm.aspx?ID=3285&ContentTypeId=0x0100DE1ADAA9059BF44DAD4558C27F9E34E4>
55. Viện Ngôn ngữ học (2010), *Từ điển tiếng việt*, nxb Từ điển bách khoa, Hà Nội
56. Quách Thành Vinh (2010), *Một số trường hợp xử lý vật chứng chưa có căn cứ viện dẫn*, *Tạp chí TAND*, số 4/2010.
57. Quách Thành Vinh (2013), *Thực tiễn áp dụng biện pháp tư pháp, bồi thường và việc xử lý vật chứng trong xét xử các vụ án hình sự*, *Tạp chí Nghề Luật*, số 3/2013
58. Võ Khánh Vinh (2011), *Bình luận khoa học Bộ luật tố tụng hình sự*, NXB Tư Pháp Hà Nội.
59. Võ Khánh Vinh (2014), *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam phần chung*, Nxb. khoa học xã hội, Hà Nội